

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Hòa Thượng **THÍCH THIÊN HOA**

*

BỔN PHẬN CỦA PHẬT TỬ TẠI GIA



THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ẤN HÀNH - PL. 2540 - 1997

Printed for free distribution by
The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation
11F., 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.
Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415
Email: overseas@budaedu.org
Website: <http://www.budaedu.org>

This book is strictly for free distribution, it is not for sale.

KINH ẤN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

LỜI CẢN BẠCH

Nhận thấy người tìm hiểu đạo Phật ngày càng nhiều, mà việc đầu vào của Phật là phải hiểu mọi hành nghi lễ bái, tụng niệm, cùng học hỏi giáo lý căn bản của người sơ cơ để đặt niềm tin vào đúng chỗ không đi lạc lối.

Giáo lý của Phật rất là sâu rộng, không phải ngày một ngày hai mà biết hết được. Và lại, biết đúng và học tập đúng những điều cơ bản thiết thật mới là cần yếu cho người Phật tử tại gia hành trì. Trước đây đã có bộ sách PHẬT HỌC THỔ THÔNG của Cố Hòa Thượng Thiện Hoa soạn thảo căn bản từ thấp đến cao đều có thể làm kim chỉ nam trên bước đường tu học. Chỉ ngại vì bộ sách quá lớn, giá trị cao nên người sơ tâm khó lòng mong có được.

Vì lẽ đó, mong muốn cho người học đạo có được tập sách cơ bản là trân trọng của tôi và mọi người, nhất là nhân dân tin đồ miền Bắc lâu nay khuất ngưỡng giáo lý, nhưng vì tập quán lễ thức có khác miền Nam, nên tôi mạo muội thực hiện tập sách này rút ra từ các bài giáo lý căn bản ở Phật Học Thổ Thông khóa thứ nhất, mà bớt đi phần sau hai bài thứ chín và mười, để thêm vào hai bài 'Bổn phận của Phật tử tại gia'

và 'Thập Thiện nghiệp đạo' ở khóa thứ hai, cho phù hợp với tín đồ tại gia miền Bắc, làm nhân duyên hiểu đạo cho mọi đối tượng cần học hỏi, ngộ hậu tu học hành trì đúng đường, giúp họ kết duyên và thêm lớn tâm nguyện Bồ đề.

Nguyên đem công đức này, Hồi hướng về Pháp giới chúng sinh đồng đăng bất thối chuyển, đồng sinh cõi Phật A DI ĐÀ ở Tây phương cực lạc.

NAM MÔ CHÚNG MINH SƯ BỒ TÁT MA HA TÁT.

THÍCH CHÂN THƯỜNG

BÀI THỨ NHỨT

ĐẠO PHẬT

A.- MỞ ĐỀ :

**PHẬT RA ĐỜI VÌ MỘT NHÂN-DUYÊN LỚN : " KHAI-THỊ
CHUNG-SANH NGỘ NHẬP PHẬT-TRI-KIẾN ,".**

Người đời thường nói một cách hời-hợt cho qua chuyện : — " Đạo nào cũng tốt ". Lời nói ấy, hoặc vì xã-giao dễ cho vui lòng khách, hoặc vì chưa rõ bề trong của các Đạo khác nhau thế nào, nên mới nói ra như thế. Thật ra về mục-đích thì đạo nào cũng có giá-trị của nó, chẳng qua chỉ hơn nhau về từng bậc cao thấp mà thôi. Nhưng mục-đích tốt, dù sao, cũng chưa đủ. Điều quan trọng là làm sao thực-hiện được mục-đích ấy, và đem lợi-ích rộng lớn cho đời. Thử hỏi nếu đạo nào cũng có giá-trị như nhau, thì sao trước đây 2.500 năm, trong lúc xứ Ấn-độ đã có 94 thứ đạo rồi, mà đức Phật Thích-Ca còn giáng-sinh làm chi nữa ?

Chẳng qua các Đạo tuy nhiều, mà chưa được toàn " **chơn, thiện, mỹ** ", nên đức Phật mới ứng-thân thị-hiện, dạy cho chúng-sanh đạo **Vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác**, ngộ hầu giải thoát khỏi khổ sanh-tử luân-hồi, được

tự-tại vô-ngại như Phật. Kinh Pháp-hoa chép "Vì một nhân-duyên lớn, Phật mới xuất hiện ra đời".

Nhân-duyên lớn ấy là gì ? — Chính là: "**Khai-thị chúng-sanh ngộ nhập Phật-tri-kiến**", để cho chúng-sanh được nhờ đó mà **đổi mê ra ngộ** thấy **tánh tử tâm**, vượt **sống** khỏi **chết**, là **khô** được vui.

B.- CHÁNH ĐỀ:

I.- ĐỊNH-NGHĨA :

1- Chữ Đạo nghĩa là gì ? — Chữ Đạo có ba nghĩa : Đạo là con đường ; Đạo là bản-phận ; Đạo là lý-tánh tuyệt đối, là bản thể.

a) *Đạo là con đường*, như người ta thường dùng trong những chữ : nhân - đạo, thiên-đạo, địa-ngục-đạo, ngựa - quý - đạo, súc - sanh - đạo. Phạm là con đường thì có tốt, xấu, có thiện, ác v.v... Theo đạo Phật, hễ còn trong vòng đối-đãi, thì không thể gọi là hoàn-toàn rốt-ráo.

b) *Đạo là bản phận*, như người ta thường dùng những chữ : đạo vua tôi, đạo cha con, đạo thầy trò, đạo vợ chồng v.v... Phạm là bản-phận thì thường chịu ảnh-hưởng của phong-tục hay tập-quán. Phong-tục và tập-quán của nước này không giống nước kia. Vì vậy, chữ Đạo là bản-phận cũng chưa đúng với nghĩa chữ Đạo mà nhà Phật muốn nói.

c) *Đạo là lý-tính tuyệt-đối, là bản-thể*, nó là nói-năng, không thể nghĩ bàn. Đức Lão-tử nói: "Đạo mà nói ra được, không phải là đạo". Xưa có người hỏi một vị Tổ-sur: — "Đạo là gì?". Tổ-sur đáp: — "Trước Phật Oai-âm-vương, không có tên Phật và chúng-sanh, lúc ấy chính là Đạo".

Chữ Đạo của nhà Phật chính là đồng nghĩa với bản-thể vậy.

2.- Chữ Phật nghĩa là gì ? — Chữ Phật, nói cho đúng tiếng Phạn là Bouddha (Phật-đà). Người Trung-hoa dịch nghĩa là Giác-giả, (bực đã giác-ngộ, sáng suốt hoàn-toàn). Giác có ba bực:

a) *Tự-giác* : Nghĩa là tự mình giác-ngộ hoàn toàn do phước-huệ và công-phu tu hành, khác với phàm-phu là những người còn mê-muội, bị luân-hồi trong cõi trần-lao, khổ-hải.

b) *Giác-tha* : Nghĩa là mình đã giác-ngộ, lại đem phương-pháp giác-ngộ ấy dạy cho những người tu-hành được giác-ngộ như mình. Người tu theo Tiểu-thừa không thể có được giác-tha, vì chỉ lo giải-thoát cho mình. Chỉ người tu theo Đại-thừa mới có được giác-tha, nghĩa là giác-ngộ cho hết thấy chúng-sanh đang chìm-đắm.

c) *Giác-hạnh viên-mãn* : Nghĩa là giác-ngộ hoàn-toàn đầy-đủ cho mình và cho người. Những bậc Bồ-tát, tuy đã giác-ngộ cho mình và cho người, nhưng công-hạnh chưa viên-mãn, nên

chưa gọi được là "Giác-hạnh viên-mãn". Chỉ có Phật mới được gọi là Giác-hạnh viên-mãn.

Chữ Phật là một danh-từ chung để gọi những bậc đã tự-giác, giác-tha, và giác-hạnh viên-mãn, chứ không phải là một danh-từ riêng để gọi một người nào nhất định. Ai tu-hành được chứng quả như đã nói trên đều được gọi là Phật cả.

3.- Đạo Phật nghĩa là gì ? — Theo những định-nghĩa về chữ Đạo và chữ Phật đã nói trên, chúng ta có thể giải- thích chữ Đạo Phật như sau:

— Đạo Phật là con đường chơn-chánh, hoàn-toàn sáng-suốt đưa đến bản-thể của sự-vật, là lý-tánh tuyệt-đối, lia tất cả hư-vọng phân-biệt, mà các đấng giác-ngộ hoàn-toàn đã phát-minh ra.

— Đạo Phật gồm tất cả tự-lợi và lợi-tha, tự-giác, giác-tha và có công-hạnh độ mình, độ người được hoàn-toàn thành-tựu, rốt-ráo viên-mãn.

II.- ĐẠO PHẬT CÓ TỪ HỒI NÀO ?

Có hai nghĩa :

— Đúng về phương-diện bản-thể mà xét thì Đạo Phật có từ vô-thỉ (nghĩa là không có đầu mối, không có giới-hạn ở trong thời-gian). Vì Đạo Phật là bản-tánh sáng-suốt của chúng-sanh, nên có chúng-sanh là có Đạo Phật ; mà

chúng-sanh đã có từ vô-thỉ thì Đạo Phật cũng có từ vô-thỉ.

— Đứng về phương-diện lịch-sử và hạn-cuộc trong thế-giới này mà nói, thì Đạo Phật đã có từ 2501 ⁽¹⁾ năm nay (tính đến năm 1957), trước Thiên-chúa-giáo 544 năm.

III.- AI KHAI SÁNG RA ĐẠO PHẬT ?

Tín-đồ Đạo Phật cần phải biết lịch - sử đức Giáo-chủ của mình.

Dưới đây, xin kể sơ-lược những điểm chính của đời đức Giáo-chủ, người đã khai-sáng ra Đạo Phật, tức là đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni.

Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni, nguyên là Thái-tử nước Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavastu) xứ Trung Ấn-độ, Phụ-hoàng tên Tịnh - phạn - vương Đầu-dà-na (Sudhodana) ; Mẫu - hoàng tên là Ma-da (Maya). Họ Ngài là Kiền-đáp-ma, xưa dịch là Cù-dàm, tên Ngài là Tất-đạt-đa (Shidarttha). Còn chữ Thích-Ca (Sakya), Tàu dịch là Năng-nhơn : Năng là năng-lực, Nhơn là từ-bi. Mâu-ni (Muni) nghĩa là Tịch-mặc : Tịch là yên - lặng, không bị khổ vui làm động tâm ; Mặc là lặng-lẽ, không bị phiền-não khuấy-rối, độ mình độ người, công-đức đầy-đủ.

Lúc nhỏ Ngài có trí-tuệ sáng-suốt và tài-năng

(1) Nếu tính theo năm Phật nhập Niết-Bàn (2501) thì trước chúa Giáng-sinh 544 năm. Nếu tính năm Phật-Đản-sinh thì trước chúa Giáng-sinh 624 năm.

phi-thường. Lớn lên nhìn thấy nhân-sinh thống - khổ, thế cuộc vô - thường, nên Ngài cương-quyết xuất-gia tu-hành, tìm đường giải-thoát cho mình và cho người, ngộ hầu đưa tất cả chúng - sanh lên bờ giác-ngộ.

Sau sáu năm tu khổ-hạnh trong núi Tuyết (Hymalaya), Ngài thấy tu khổ - hạnh ép xác như thế, không thể đạt được chân-lý, nên Ngài đi qua núi Koda, ngồi dưới gốc cây Bồ-đề (Tất-bát-la, dịch âm theo tiếng Ấn-độ) và thề rằng : "Nếu ta không thành-đạo, thì dù thịt nát xương tan, ta cũng quyết không đứng dậy khỏi chỗ này". Với chí hùng-dũng cương-quyết ấy, sau 49 ngày tư-duy, Ngài thấu rõ chân-tướng của vũ-trụ nhân-sanh và chứng đạo Bồ-đề. Sau khi thành đạo, Ngài chu-du khắp xứ, thuyết-pháp độ-sinh, đề chúng-sanh chuyển mê thành ngộ, lia khô được vui. Suốt thời-gian 49 năm, như một vị lương-y đại-tài, xem bịnh cho thuốc, Ngài đã dắt dẫn chúng-sanh lên đường hạnh-phúc và vạch cho mọi người con đường giác-ngộ giải-thoát.

Đến 80 tuổi, Ngài nhập Niết-bàn ở thành Câu-thi-na, trong rừng Ta-la (song- thọ). Lúc bấy giờ, nhằm ngày rằm tháng 2 âm lịch.

IV.- GIÁO-LÝ CỦA ĐẠO PHẬT NHƯ THẾ NÀO?

Giáo-lý của đạo Phật gồm trong 3 tạng kinh-diển là kinh, luật, luận.

1- Kinh : Kinh là những lời của đức Phật Thích-Ca đã nói khi còn tại thế, để dạy

chúng-sanh dứt trừ phiền-não và đạt đến quả Niết-bàn.

2.- Luật : Luật là những giới-luật mà Phật đã chế ra cho các đệ-tử, để các đệ-tử răn chừa các điều-dữ, tu-tập các điều lành,- trau-dồi thân-tâm cho thanh-tịnh.

3.- Luận : Luận là những sách phần nhiều do các đệ-tử Phật làm ra để bàn-giải rõ ràng nghĩa-lý mâu nhiệm trong kinh, luật hoặc quyết-đoán tánh, tướng của các Pháp, phân-biệt những lẽ phải chẳng của chánh-đạo và tà-đạo, khiến cho người đời khỏi nhận lầm phải trái, chánh tà.

Tam-tạng kinh-điển lại chia làm hai loại là Đại-thừa và Tiểu-thừa.

Chữ Thừa nghĩa là chở, có chỗ cũng gọi là Thặng, nghĩa là cỗ xe. Thừa hay Thặng đều có hàm ý-nghĩa là : Giáo-lý của Phật có công-năng như một chiếc xe, đưa chúng-sanh từ nơi cõi trần-lao phiền-não đến cảnh giới an-vui thanh-tịnh, từ biển khổ luân - hồi đến Niết - bàn, giải-thoát.

Đại-thừa như là cỗ xe lớn, có thể chở nhiều người trong một lúc ; trái lại Tiểu- thừa như là một cỗ xe nhỏ, chỉ chở mỗi lúc một vài người mà thôi.

Sở-dĩ Giáo-lý Đạo Phật chia ra làm Đại-thừa và Tiểu-thừa như thế, vì căn-cơ và nguyện-vọng

chúng-sanh không đồng nhau. Những hạng người nào nhận thấy mình chỉ đủ sức để giải-thoát cho riêng phần mình mà thôi, như chiếc xe nhỏ chỉ có thể chở được một vài người, thì theo giáo-ly Tiểu-thừa.

Những hạng người nào tự nhận thấy mình có thể vừa giải-thoát cho mình và cho người ra khỏi sanh-tử luân-hồi, tự nguyện độ mình và người cùng đi đến Niết-bàn, như một cỗ xe lớn, cùng chở trong một lúc được nhiều người, thì theo Đại-thừa. Hạng người này rõ biết phiền-não, sanh-tử như huyễn-hóa, nên không chịu sớm an vui ở quả-vị cuối cùng của mình, mà thường độ sanh không bao giờ biết mỏi mệt; và vì nhận thấy chúng-sanh và mình đồng một bản - thể, cho nên khi chúng-sanh còn đau khổ, thì mình chưa có thể an-vui được.

V.- SỰ TRUYỀN-BÁ CỦA ĐẠO PHẬT.

Sau khi Phật Thích-Ca nhập-diệt, hai vị đại đệ-tử của Phật là ngài Ca-Diếp và ngài A-Nan thay Phật hoằng-truyền Phật pháp ở Ấn-độ. Đó là thời-kỳ thứ nhất. Thời-kỳ thứ hai do các vị Tổ-sư Long-Thọ, Mã-Minh và Vô-Trước lãnh-đạo.. Thời-kỳ thứ ba do các vị Tổ-sư Long-Trì, Thiệt-Vô-Úy và Liên-Hoa-Sanh đảm-nhiệm.

Từ Ấn-độ, Phật-giáo lan truyền dần vào các nước lân cận, rồi toàn cõi Á-đông, và cuối cùng toàn cả thế giới. Sự truyền-bá này đi theo hai

hướng : một hướng về phương Bắc và một hướng về phương Nam. (xem Lịch-sử truyền-bá Phật-giáo khóa 5)

Về phương Bắc, thì gọi là Bắc - phương hay là Bắc-tôn Phật-giáo, hay Đại-thừa Phật-giáo, gồm có những nước : Tây-tạng, Trung-hoa, Mông-cổ, Mãn-châu, Cao-ly, Nhật-bản, Việt-nam v.v...

Về phương nam, thì gọi là Nam - phương hay Nam-tôn Phật-giáo, hay Tiểu-thừa Phật-giáo, hay Nguyên-thủy Phật-giáo, gồm có những nước : Tích - lan, Miến-điện, Thái-lan, Ai-lao, Cao - môn, Nam-dương v.v...

Nhưng hiện nay nhờ sự giao-thông tiện-lợi và kinh-diễn được trao đổi khắp các nước, nên sự chia rẽ giữa Bắc-tôn và Nam-tôn không còn được rõ ràng như trước : trong Đại-thừa vẫn có Tiểu-thừa và trong Tiểu-thừa vẫn có Đại-thừa.

VI.- SỰ LỢI-ÍCH CỦA ĐẠO PHẬT

Mục-dịch của Đạo Phật là đem lại những kết-quả đẹp đẽ sau này cho chúng-sanh :

1. Chơn-thường : Chúng-sanh trôi lăn, lặn-hụp trong biển sanh-tử luân - hồi; chúng-sanh sống trong cảnh vô-thường, khi trẻ khi già, khi lành khi ốm, khi sống khi chết... Đạo Phật đem lại cho người tu-hành một quả-vị là không bao giờ bị luật vô-thường nói trên chi-phối.

2.- Chơn-lạc : Chúng-sanh đang sống trong cảnh-giới tối-tăm, buồn-tủi, khổ-đau ; nếu có vui cũng chỉ vui được trong chốc lát, như người khát, uống nước mặn vào, đỡ khát trong chốc lát, rồi về sau lại càng khát hơn lúc đầu. Đạo Phật có mục-đích đem lại cho kẻ tu-hành một sự an-vui toàn vẹn và bất tận.

3.- Chơn-ngã : Chúng-sanh bị không biết bao nhiêu nghịch-cảnh ở chung quanh chi-phối, ràng buộc, như kẻ tù-tội bị giam hãm trong ngục thất, không bao giờ được tự-do hoạt-động theo ý muốn của mình. Đạo Phật có mục-đích làm cho những người tu-hành được giải-thoát hoàn-toàn ra ngoài những trói buộc nói trên, làm cho con người đầy đủ năng-lực để thực-hiện ý-nguyện tốt đẹp của mình, và sống một cuộc đời an-nhiên tự - tại.

4.- Chơn-tĩnh : Chúng-sanh đang sống trong cảnh-giới ô trọc, lấm-láp trong bùn nhơ của cõi tục, từ trong tâm-hồn cho đến ngoài thể-chất. Đạo Phật có mục-đích làm cho người tu-hành gạn lọc được bao nhiêu ô trọc của cõi đời, được sống một cuộc sống trong trắng, tinh-khiết, không vương chút bận nhơ của trần-tục.

Không phải chỉ trong vị-lai, Đạo Phật mới đem lại lợi-ích cho đời, ngay trong xã-hội hiện-tại, Đạo Phật cũng đem lại nhiều lợi-ích quý báu :

— Đạo Phật, nhờ tinh-thần Từ-bi, làm cho xã-hội, nhân-loại thương yêu nhau hơn.

— Đạo Phật, nhờ ánh sáng Trí-tuệ, làm cho xã-hội, nhân-loại bớt si-mê lầm lạc, thấy được đâu là giá-trị thật, đâu là phỉnh-phờ, giả-dối.

— Đạo Phật, nhờ tinh-thần Bình - đẳng tuyệt-đối, san bằng được những bất công của xã-hội, nhân-loại, và làm cho cảnh-giới Ta-bà này được sáng-sủa, an-vui hơn.

Đó là những lợi-ích mà Đạo Phật đem lại cho cõi đời.

C.- KẾT LUẬN :

Những lợi-ích nói trên quý-báu như thế, nhưng sẽ không bao giờ đến với chúng ta, nếu chúng ta không học và hành theo Phật.

1.- Học Phật : Đức Phật mặc dù là một đấng xuất-phàm, thông-minh xuất-thế, nhưng khi xuất-gia Ngài cũng phải học hỏi đêm ngày, hao tổn sức biết bao nhiêu, mới phát-huy ra được cái giáo-lý nhiệm-mầu để lại cho chúng ta. Vậy chúng ta muốn trở thành một Phật-tử chân-chính thì trước tiên là phải học hỏi như Phật. Chúng ta không chỉ học trong giáo-lý của Ngài mà còn học qua đời sống, đức-hạnh, hành-vi của đời Ngài nữa.

2.- Hành theo Phật : Nhưng học mà không tập, không hành, thì chẳng khác gì cái dây đưng

sách, chữ nghĩa kinh-sách chất chứa thật nhiều, mà chẳng có ích-lợi gì cả. Vậy nên học phải đi đôi với hành. Chúng ta phải cố-gắng thực-hành cho được những điều đã học, làm cho được những điều mình thấy là hay là phải. Phật đã làm gì, chúng ta phải tập làm lại ; Phật đã có những đức tánh Từ - bi, Hỷ - xả, Hoan - hỷ, Tinh-tấn, Thanh - tịnh... chúng ta cũng cố-gắng thực-hiện cho được những đức tánh ấy.

Có như thế, mới khỏi hổ với hai tiếng Phật-tử và mới gọi là đèn đáp trong muôn một, ân-đức sâu-dày của đức Từ-phụ Thích-Ca.

HOẰNG-PHÁP

BÀI THỨ HAI
LƯỢC-SỬ
ĐỨC PHẬT THÍCH-CA MÂU-NI
(từ Giáng-sanh đến Thành-đạo)

A.- MỞ ĐỀ :

ĐỜI ĐỨC PHẬT THÍCH - CA LÀ MỘT TẤM GƯƠNG SÁNG

Bất luận một Tôn-giáo nào, vị Giáo chủ bao giờ cũng là một tấm gương sáng cho tín-đồ soi chung để tiến bước. Nhưng trong các vị Giáo-chủ của các Tôn-giáo hiện có trên thế-giới này, không có một vị nào đầy đủ ý-nghĩa cao đẹp, một đời sống sâu xa bằng đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni. Mỗi hành-động, mỗi cử chỉ, mỗi lời nói, cho đến mỗi sự im-lặng của Ngài đều là những bài học quý-báu cho chúng ta. Nếu chúng ta học giáo-lý của Ngài mà không hiểu rõ đời sống của Ngài, thì sự học hỏi của chúng ta còn phiến diện, thiếu sót. Đời Ngài chính là những biểu-hiện giáo-lý của Ngài. Ngài nói và Ngài thực-hành ngay những lời Ngài đã nói. Đời Ngài là một bằng chứng hiển nhiên để người đời nhận thấy rằng giáo-lý của Ngài có thể thực-hiện được, chứ không phải là những lời

nói suông, những không-tưởng, những lâu-dài xây-dựng trên mây, trên khói.

Vậy cho nên khi chúng ta học hỏi đời Ngài, chúng ta không nên có cái quan-niệm học cho biết để thỏa-mãn tánh hiếu-kỳ, mà chúng ta cần phải tìm hiểu ý-nghĩa thâm-thúy của đời sống ấy để đem áp-dụng cho đời sống của chúng ta.

Làm được như thế mới khởi phụ ý-nguyện lớn lao của đức Phật khi giáng-sanh xuống cõi Ta-bà này và đã cam chịu bao nỗi đau-khổ, gian-lao trong kiếp sống như mỗi người chúng ta.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- ĐỊNH-NGHĨA HAI CHỮ " GIÁNG-SANH "

Thường trong danh-từ nhà Phật, khi nói đến sự hiện diện của đức Phật Thích-Ca trong cõi đời này, người ta thường dùng chữ **đản-sanh** (nghĩa là một sự ra đời vui-vẻ, làm hân-hoan, xán-lạn cho cõi đời) ; hay **thị-hiện** (nghĩa là hiện ra bằng xương bằng thịt, cho con mắt trần của chúng ta thấy được) ; hay **giáng-sanh** (nghĩa là từ một chỗ cao mà xuống một chỗ thấp để sanh ra).

Ba chữ ấy đều có 3 ý-nghĩa khác nhau : Chữ **đản-sanh** dùng để ca tụng một bậc tôn-quí ra đời; chữ **thị-hiện** hàm cái ý Phật bao giờ cũng có cả, nhưng vì mắt người không thấy được, phải hiện rõ ràng ra mới thấy ; chữ **giáng-sanh** hàm

cái ý đức Phật ở một cảnh giới cao hơn, tốt đẹp hơn mà hạ xuống cảnh giới phàm trần này. Ba chữ ấy mặc dù khác nhau, nhưng đều có thể dùng để chỉ sự ra đời của đức Phật. Trái lại, khi một người phàm ra đời thì gọi là "đầu-thai". Đầu-thai có nghĩa là bị nghiệp-báo hoặc thiện hay ác bắt buộc phải luân-hồi để chịu quả-báo lành hay dữ. Còn giáng-sanh hay thị-hiện thì không hàm cái nghĩa bị nghiệp-nhân câu thúc, mà do nơi lòng từ-bi, muốn lợi-ích cho chúng-sanh, nên tự-nguyện ứng-thân xuất-hiện ra đời trong một thời-gian để cứu-độ chúng-sanh ; xong xuôi thì thân thần tịch-diệt, tự-tại vô-ngại ra ngoài sống chết.

II.- HOÀN-CẢNH VÀ DÒNG-DÕI CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH-CA

Đức Phật giáng-sanh ở xứ Trung Ấn-độ, bây giờ là nước Népal, một nước ở ven sườn dãy núi Hy-mã-lạp-son, là một dãy núi cao nhất thế-giới. Phong-cảnh ở đây rất đẹp ; đến mùa xuân là cả nước đơm bông nảy lá như một vườn hoa vĩ-đại. Dân cư ở xứ ấy rất là thuần-lương. Vị vua trị vì là Tịnh-Phạn, một vị vua thuộc dòng Thích-CA, là một dòng họ lớn đã mấy mươi đời nối nghiệp trị vì đất nước này. Bà Hoàng-hậu Ma-Da, cũng là một người thuộc dòng vua chúa đã lâu đời. Cả hai ông bà vua Tịnh-Phạn đều là người đã nhiều kiếp tu hành,

có đức-hạnh lớn, xứng đáng làm cha mẹ muôn dân.

Một hôm, trong thành Ca-tỳ-la-vệ, là kinh-đô của vua Tịnh-Phạn, có lễ vía Tinh-tú, vua tôi cùng nhau mở hội ăn chơi. Hoàng-hậu Ma-Da, sau khi dâng hương hoa cúng kiến trong cung điện rồi, ra ngo-môn bố-thí thức ăn, đồ mặc cho dân bản cùng. Khi trở về cung an giấc, Bà nằm mộng thấy một con voi trắng sáu ngà từ trên hư-không xuống, lấy ngà khai hông bên hữu của Bà mà chun vào. Bà đem điềm chiêm-bao ấy thuật lại cho vua Tịnh-Phạn nghe. Vua ra lệnh mời các thầy đoán mộng. Các nhà tiên-trị đoán rằng : " Hoàng-hậu sẽ sanh một vị quý-tử tài đức song toàn ". Vua Tịnh-Phạn rất mừng rỡ, vì ngôi báu từ đây sẽ có người truyền nối.

Đến sáng ngày mồng tám tháng tư âm-lịch (trước Tây-lịch 624 năm), tại vườn Lâm-tỳ-ni, cách thành Ca-tỳ-la-vệ 15 cây số, hoàng-hậu Ma-Da đang ngoạn cảnh, trông thấy cành hoa Vô-ưu mới nở, thơm ngát, bà đưa tay phải với hái, thì Thái-tử cũng vừa xuất-hiện ngay đấy.

Ngày đản-sanh Thái-tử, trong thành Ca-tỳ-la-vệ, cảnh vật đều vui vẻ lạ thường, khí hậu mát mẻ, cây cỏ đều đơm hoa trở trái ; sông, ngòi, mương, giếng nước đều trong đầy ; trên hư-không chim-chóc và hào-quang chiếu sáng cả mười phương.

Vua Tịnh-Phạn vui-mừng khôn xiết mời các vị tiên-tri đến xem tướng Thái-tử. Trong số ấy, có vị đạo-sĩ tên A-Tu-Đà tu ở núi Hy-mã-lạp, tiên đoán rằng : Thái-tử vì có 32 tướng tốt xuất-hiện, nên sẽ trở thành một vị Thánh. Nhưng vua Tịnh-phạn lại chỉ muốn con mình làm một vị vua để nối dõi tông-đường mà thôi. Vì thế, Tịnh-phạn-vương muốn đổi số mệnh con mình, nên đặt tên cho thái-tử là Tất-đạt-đa (Siddartha) theo tiếng Phạn, nghĩa là : "Kẻ sẽ giữ chức vị mà mình phải giữ". Chức vị mà Tịnh-phạn-vương muốn ám-chỉ đây tức là ngôi Vua. Ngài không ngờ rằng chính thật chức vị của con Ngài là chức vị Phật.

Hoàng-hậu Ma-Da sau khi sanh Thái-tử được bảy ngày, vui thú quá vì thấy mình đã làm tròn nhiệm-vụ cao quý, và đã rửa sạch nghiệp-báo, nên Bà trút được xác phàm và sanh về cõi trời Đao-lợi. Vua Tịnh-phạn giao Thái-tử cho em gái Hoàng-hậu là Ma-ha Ba-xà-ba-đề nuôi dưỡng.

III.- TÀI-NĂNG VÀ ĐỨC HẠNH CỦA THÁI-TỬ

Thái-tử mỗi năm mỗi lớn, thì diện mạo càng thêm khôi ngô, tài năng càng phát-lộ gấp bội. Ngài có một sức khỏe hơn người, một trí thông-minh xuất chúng. Từ nghề văn cho đến nghiệp võ, Thái-tử học với ông nào thì trong ít hôm sau, vị giáo-sư ấy phải xin cáo thối, vì không còn đủ sức để dạy nữa. Cho đến ông thầy danh

tiếng đê-nhất thời bấy giờ là Sần-dê- đê-bà cũng chịu khuất phục Ngài luôn.

Nhưng, mặc dù tài sức hơn người, thông-minh xuất-chúng, lại ở trong địa-vị cao sang quyền quý tột bậc, Thái-tử không bao giờ tỏ vẻ ngạo-mạn, khinh người. Ngài có một thái-độ rất nhã-nhận ôn-hòa, vô-tư, bình-dẳng. Lòng thương người, thương vật của Ngài không ai sánh kịp, hễ có dịp giúp-đỡ, thì dù khó khăn bao nhiêu Ngài cũng không từ nan. Bởi thế, Ngài được trên Vua cha yêu-quý, dưới thần dân kính-trọng, nể-vì.

IV.- NHỮNG RÀNG-BUỘC CỦA TỊNH-PHẠN - VƯƠNG ĐỂ NGĂN CHÍ XUẤT - GIA CỦA THÁI-TỬ

Càng thương yêu, quý trọng con, Tịnh-phạn-vương lại càng lo sợ con mình sẽ không ở lại với mình, mà sẽ xuất-gia tìm Đạo để thành một vị Thánh, như lời tiên-đoán của đạo-sĩ A-tư-đà. Nhất là khi nhận thấy càng lớn, Thái-tử lại càng có vẻ suy nghĩ xa-xăm, và nét mặt Thái-tử lại không được vui tươi như thời thơ-ấu, Vua Tịnh-phạn lại càng lo sợ rằng lời tiên-tri xưa sẽ thực-hiện. Bởi thế, Vua cùng triều-thần ngấm-ngấm sắp đặt mọi kế-hoạch để ràng buộc Thái-tử ở lại ngôi báu. Ngài truyền xây dựng ba tòa lâu-đài nguy-nga tráng-lệ để Thái-tử thay đổi nơi ăn chốn ở cho hợp thời-tiết quanh năm, và chọn từng trăm cung - phi,

mỹ-nữ có tài đàn ca hay, múa giỏi để giải - khuây cho Thái-tử. Nhưng chừng ấy cũng chưa đủ, Ngài còn làm lễ thành hôn cho Thái-tử với một Công-chúa con vua Thiện-Giác là nàng Da-du Đà-la, một Công-chúa tuyệt đẹp và đức hạnh vô cùng.

Thái-tử bị bắt buộc phải lập gia-thất và có một con là La-hầu-la.

Nhưng, mặc dù sống một cuộc đời quá đầy đủ : nào chức-tước danh-vọng, nào lầu-dài cung-điện, nào đàn ca múa hát, nào vợ đẹp con ngoan, Thái-tử vẫn thấy lòng mình nặng-trĩu bao nỗi băn-khoăn, thắc mắc. Ngài cho cảnh đời Ngài đang sống đây không phải là hạnh-phúc chân-thật, mà là cảnh giả-dối, mê muội, chỉ làm cho kiếp sống thêm nặng-nề đau-khổ. Ngài thấy cần phải tìm một lối thoát, một cuộc sống chân-thật, cố ý-nghĩa và cao đẹp hơn.

V.- NHẬN RÕ 4 TƯỚNG KHỔ Ở ĐỜI

Một hôm, nhân ngày lễ hạ-điền, Thái-tử theo vua cha ra đồng xem dân-chúng cày cấy. Cảnh xuân, mới nhìn qua, thật là đẹp mắt, nào hoa lá tốt tươi, muôn chim đua hót ; nào bầu trời quang-đãng, gió xuân phoi-phới. Cảnh tượng có vẻ thái-bình, an-lạc lắm. Nhưng tâm-hồn Thái-tử không phải là một tâm-hồn hời-hợt, xét đoán một cách nông nổi. Trái lại, Ngài nhìn sâu vào trong cảnh vật và đau đớn nhận thấy rằng

cõi đời không đẹp-dẽ an-vui như khi mới nhìn qua. Ngài thấy người nông-phu và trâu bò làm việc một cách cực nhọc dưới ánh nắng thiêu đốt, để đổi lấy bát cơm, nắm cỏ. Chim chóc tranh nhau ăn tươi nuốt sống côn-trùng đang giãy-giụa trên những luống đất mới cày. Cũng trong lúc ấy, trong bụi rậm người thợ săn đang nhắm bắn những con chim kia, và trong khu rừng gần đấy, bọn hổ báo đang rình bắt người thợ săn. Thật là một cảnh tượng tàn tương sát, không phút giây nào ngừng ! Chỉ vì miếng ăn để sống mà người và vật dùng đủ mọi phương-kế để giết hại lẫn nhau không biết gớm. Ngài nhận thấy rõ ràng sự sanh sống là khổ.

Một hôm khác, Ngài xin phép Vua cha đi dạo ngoài bốn cửa thành để được tiếp-xúc với thần dân. Ra đến cửa Đông, Ngài gặp một ông già tóc bạc, răng rụng, mắt lờ, tai điếc, lưng còng, nường gậy lần từng bước ngập-ngừng như sắp ngã.

Đến cửa Nam, Thái-tử thấy một người đau nằm trên cỏ, đang khóc than rên siết, đau đớn vô cùng.

Đến cửa Tây, Ngài trông thấy một cái thây chết nằm giữa đường, ruồi lằng bu-bám, và sinh lên, trông rất ghê tởm.

Ba cảnh khổ già, đau, chết, cộng thêm vào cái ấn-tượng tượng tàn tương sát trong cuộc sống

mà Thái-tử đã nhận thấy khi đi xem lễ cày ruộng, làm cho Ngài đau buồn, thương-xót chúng-sanh vô cùng.

Một hôm khác nữa, Ngài ra cửa Bắc, gặp một vị tu-sĩ tướng mạo nghiêm-trang, điềm tĩnh, và thản nhiên như người vô sự đi ngang qua đường. Thái-tử thấy trong lòng nảy sanh một cảm mến đối với vị tu-sĩ. Ngài vội vã đến chào mừng và hỏi về ích-lợi của sự tu-hành. Vị Sa-môn đáp rằng : "Tôi tu-hành là quyết dứt bỏ mọi sự ràng buộc giữa cõi đời, để cầu cho mình khỏi khổ và được thành chánh-giác để phổ-độ chúng-sanh đều được giải-thoát như mình".

Lời giải đáp đã đáp trúng với hoài-bão mà Thái-tử đang ấp-ủ bấy lâu, nên Ngài khôn xiết vui mừng. Ngài liền trở về cung, xin vua cha cho mình xuất-gia. Vua Tịnh-Phạn không nhận lời. Thái-tử yêu cầu vua cha 4 điều, nếu vua giải-quyết được thì Ngài sẽ hoãn cuộc đi tu, để ở lại lo chăn dân, trị nước. Bốn điều ấy là :

- 1.- Làm sao cho con trẻ mãi không già.
- 2.- Làm sao cho con mạnh mãi không đau.
- 3.- Làm sao cho con sống hoài không chết.
- 4.- Làm sao cho mọi người hết khổ.

Bốn điều này làm cho vua cha bối rối, không thể giải-quyết được một điều nào cả.

VI.- SỰ XUẤT-GIA TÌM ĐẠO

Tịnh - Phạn - vương, khi biết được ý-định

xuất-gia của Thái-tử, lại càng lo sợ, tìm hết cách để ngăn cản, ràng buộc Ngài trong " Cung Vui ". Nhưng một khi Thái-tử đã quyết, thì không có sức mạnh gì ngăn trở được ý-định của Ngài.

Một đêm khuya, thừa dịp quân lính canh gác và cung-phi mỹ-nữ say ngủ sau một cuộc yến tiệc linh-đình, Thái-tử lén trỗi dậy, nhìn vợ con từ biệt một lần cuối, rồi đánh thức tên giữ ngựa Xa-nặc dậy, thắt yên cương, và hai thầy trò cùng nhau trốn ra khỏi thành. Lúc bấy giờ nhằm đêm mùng tám tháng hai, và Ngài đã được 19 tuổi.

Sau khi dứt bỏ cuộc đời vương-giả, Thái-tử đi vào rừng sâu tìm Đạo.

Ban đầu, Ngài đến ở tu với các vị tu khổ-hạnh. Những hạng người này sống một cách kham-khổ, nhịn ăn nhịn uống, dãi nắng, dầm sương, hành thân hoại thể một cách rất ghê rợn. Thấy cách tu-hành như thế không có hiệu quả, Ngài khuyên các vị ấy nên bỏ phương-pháp tu-hành ấy, nhưng họ không nghe. Ngài lấy làm thương cho họ, bèn tìm nơi khác mà tu-hành. Ngài đi hết chỗ này đến chỗ khác, ở đâu nghe có một vị tu-hành đặc-đạo thì Ngài tìm đến học ; nhưng đến đâu Ngài thấy Đạo của họ cũng còn hẹp hòi, thấp thỏi, không thể giải-thoát cho con người hết khổ được. Từ đấy, Ngài tìm chốn tu-tập một mình, đêm ngày nghiên-ngẫm đến Đạo

giải-thoát, quên ăn bỏ ngủ, thân hình mỗi ngày mỗi tiêu-tụy. Một hôm Ngài kiệt sức, nằm ngã lịm trên cỏ, và được một người chần cừ đến đổ sữa cho Ngài tĩnh lại. Từ đó, Ngài nhận thấy nếu muốn tìm Đạo có kết-quả, cần phải bồi-dưỡng thân-thể cho được mạnh khỏe, chứ không thể bỏ quên nó đi được.

Khi thấy mình đã đầy đủ sức lực để chiến đấu trong một trận cuối cùng với bóng tối si-mê và đục vọng, và đem lại ánh-sáng Giác-ngộ, Ngài đến ngồi nhập-định dưới gốc cây Bồ-đề và thề rằng : " Nếu ta không thành Đạo thì dù thịt nát xương tan, ta cũng quyết không đứng dậy khỏi chỗ này ".

VII.- THÀNH ĐẠO

Đức Thích-Ca đã ngồi nhập-định suốt 49 ngày đêm dưới gốc Bồ-đề. Trong 49 ngày ấy, Ngài đã chiến đấu với bốn giặc phiền-não ở nội tâm như tham, sân, si, nghi, mạn... và chiến-đấu với giặc Thiên-ma do Ma-vương Ba-tuần chỉ huy.

Sau khi thắng được cả giặc ở nội tâm lẫn ngoại cảnh, tâm-trí được khai thông, Ngài hốt nhiên đại-ngộ.

Trong đêm thứ 49, vào canh hai, Ngài chứng được quả " Túc-mệnh-minh ", thấy rõ được tất cả khoảng đời quá-khứ của mình trong tam-giới. Đến nửa đêm, Ngài chứng được quả

"Thiên-nhân-minh ", thấy được tất cả bản-thể của vũ-trụ và nguyên-nhân cấu tạo của nó. Đến canh tư, Ngài chứng được quả " Lưu-tận-minh", rõ biết nguồn-gốc của đau-khổ và phương pháp dứt trừ đau-khổ để được giải-thoát khỏi sanh-tử luân-hồi.

Từ ngày ấy, Ngài được Đạo-vô-thượng, thành bậc " Chánh-đẳng chánh-giác ", hiệu là Phật Thích-Ca Mâu-Ni. Ngày thành Đạo của Ngài, tính theo Âm-lịch là ngày mồng 8 tháng 12, vào lúc sao mai mọc. Lúc ấy Ngài được 30 tuổi.

VIII.- Ý - NGHĨA CAO CẢ TRONG SỰ XUẤT-GIA TÌM ĐẠO CỦA ĐỨC PHẬT

Những tướng sĩ chiến thắng quân địch ở ngoài chiến-trường, thường được ca tụng là anh hùng. Càng chiến-thắng được nhiều quân địch lại càng được hoan-hô là anh-hùng cái-thể. Nhưng những kẻ anh-hùng cái-thể ấy, như Nã-phá-luân, Thành-cát Tư-hãn, Xê-da (César), đã có ai chiến thắng được những dục-vọng của chính mình ? Cho nên thắng người đã khó mà thắng mình lại càng khó hơn. Đức Phật đã thắng cả ngoại-cảnh lẫn nội-tâm, đã thắng được cả giặc Ma-vương lẫn giặc Dục-vọng. Đức Phật thật xứng đáng với cái danh-hiệu Đại-Hùng, Đại-Lực.

Ngài lại không phải vì quyền-lợi riêng mình mà chiến đấu. Ngài chiến đấu vì tình thương.

Mà tình thương ở đây cũng không phải chỉ nằm trong phạm-vi hẹp hòi của gia-đình : thương cha mẹ, vợ con, bè bạn. Tình thương ở đây là tình thương đối với tất cả chúng-sanh, tất cả cõi đời. Tình thương ấy nó rộng sâu như trời bể, thiết tha như tình mẹ thương con. Đức Phật thật xứng đáng với danh-hiệu Đại-từ, Đại-bi.

Lại vì tình thương ấy, Ngài đã hoan-hỷ lia bỏ ngôi báu, cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan, đàn hay múa đẹp, mùi ngon vị lạ, để sống một cuộc đời kham-khô, đạm-bạc, thiếu thốn, giữa rừng thiêng nước độc. Và một khi đã rời bỏ những thứ mà người đời cho là quý báu nói trên, Ngài không một phút giây nào hối tiếc, muốn quay về để hưởng thụ lại. Bằng có là Ma-vương đã sai con gái mình giả làm nàng Da-du đến kêu gọi van xin Ngài trở về cung, mà Ngài cũng không chút động tâm thối chuyển. Ngài thực xứng đáng với danh-hiệu là Đại-Hỷ Đại-Xả.

Cho nên ngày nay, mỗi khi xưng-tán danh-hiệu Ngài, chúng ta không thể không suy-gẫm cái ý-nghĩa sâu sắc và đúng đắn mà người đời từ xưa đến nay đã tôn-xưng Ngài là Đại-hùng, Đại-lực, Đại-từ, Đại-bi, Đại-hỷ, Đại-xả.

C.- KẾT LUẬN :

**CHÚNG TA NÊN PHÁT TÂM
RỘNG LỚN VÀ MẠNH-MẼ**

Chúng ta đã được biết qua đời sống của Đức

Phật từ khi sơ-sinh cho đến thành đạo. Bài học của đời Ngài dạy cho chúng ta nhiều ý-nghĩa, nhiều phương-diện quý báu.

Nhưng điều quý báu nhất đối với những kẻ sơ-cơ như chúng ta là phải phát tâm Bồ-đề rộng lớn, nguyện vì đời, vì đồng-bào, đồng loại mà tu-hành, chứ không phải chỉ vì lợi ích riêng cho mỗi cá-nhân chúng ta.

Chúng ta lại phải phát tâm dũng-mãnh, tích-cực trong sự tu-hành ; một khi đã vào đường đạo, thì dù gặp nguy-nan, hiểm trở khó-khăn cũng nhất quyết không thối lui quay gót. Chúng ta phải tập cho được cái đức kiên-chí như Đức Phật khi ngồi thiền-định dưới gốc Bồ-đề.

Được như vậy mới xứng đáng là " chân-chánh Phật-tử ".

HOÀNG PHÁP

BÀI THỨ BA
LƯỢC-SỬ
ĐỨC PHẬT THÍCH-CA MÂU-NI
(từ Thành-đạo đến nhập Niết-bàn)

A.- MỞ ĐỀ :

Trong bài trước, chúng ta đã thấy đức Phật Thích-Ca vì một đại-nguyện lớn lao, vì một lòng từ-bi vô bờ bến mà xuất-gia tìm Đạo. Đại-nguyện và lòng từ-bi lớn lao ấy là : "Cầu thành Phật quả để trên đền đáp bốn ơn sâu, dưới cứu vớt ba đường khổ". Cho nên sau khi giác-ngộ, Ngài không vội nhập Niết-bàn, mà nghĩ ngay đến sứ-mạng của Ngài là : thay thế chư Phật đời trước, tiếp tục chuyển mê khai ngộ cho tất cả mọi người.

Sứ-mạng ấy Ngài biết trước không phải dễ-dàng, vì cái Đạo của Ngài thì cao-thâm huyền-diệu, mà chúng-sanh căn-cơ lại không đều, và từ muôn kiếp đã lặn-hụp trong si-mê lằm-lạc, khó có thể nhận hiểu ngay được ý-nghĩa cao-thâm của giáo-lý Ngài. Chúng-sanh từ lâu đời lâu kiếp quen sống trong bóng tối của si-mê, ngày nay chắc không khỏi chóa mắt,

hoảng sợ khi tiếp xúc với ánh-sáng bùng chói của Trí-tuệ.

Nhưng Ngài xét biết rằng mặc dù sống trong tăm tối, nhưng mỗi chúng-sanh đều có mầm Phật-lánh, như hoa sen, mặc dù sống trong bùn tanh hôi, nhưng vẫn tỏa nhụy vàng thơm ngát. Ngài cương - quyết thực - hiện sứ - mạng của mình.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- SỰ HÓA-ĐỘ RỘNG LỚN VÀ CÙNG KHẮP CỦA ĐỨC PHẬT

Sứ-mạng hóa-độ của đức Phật, như chúng ta đã biết, thật nặng nề và khó khăn. Nhưng nhờ trí-tuệ sáng-suốt, nhờ lòng từ-bi rộng sâu, nhờ tinh-thần bình-đẳng triệt-để và nhờ ý chí dũng-mãnh không thối-chuyển mà đức Phật đã hoàn-thành sứ-mạng của mình một cách viên-mãn. Trong khi hóa-độ, Ngài đã dựa theo ba nguyên-tắc sau đây :

1- Hóa-độ theo thứ lớp căn-cơ

Khi bắt đầu đi truyền đạo, ý nghĩ trước tiên của Ngài là đến vườn Lộc-uyển tìm mấy người bạn đồng tu với Ngài trước kia để thuyết-pháp. Mấy người bạn ấy là các ông : Kiều-Trần-Như, Ác-Bệ, Thập-Lực, Ma-Ha-Nam và Bạc-Đề. Bài thuyết-pháp đầu tiên ấy là Tứ-diệu-đế. Năm vị này đều được khai-ngộ, và trở thành năm

đệ-tử đầu tiên của Ngài. Kế đó, Ngài thuyết-pháp luôn trong 3 tháng cho 55 người Bà-la-môn, mà người đứng đầu là ông Da-Xá, 55 người này đều xin quy-y theo Ngài và hợp với 5 người trong nhóm ông Kiêu-trần-như thành 60 đệ-tử. 60 người đệ-tử này, sau khi giữ đúng giới-luật, được Ngài thọ-ký cho đi truyền Đạo khắp nơi.

Ngài rời Lộc-uyển đi về phía Nam đến xứ Ưu-lâu-tần-loa và hàng-phục một vị Tổ-sư rất có uy-tín của Đạo Thờ-lửa là ông Ma-ha Ca-Điếp và hai em ông.

Ông Ca-Điếp mang tất cả số đệ-tử của mình gồm 1.250 vị xin quy-y theo Phật.

Nhớ lại lời hẹn xưa với vua Tần-bà-xa-la, Ngài đi đến xứ Ma-kiệt-đà vào thành Vương-xá để độ cho vua. Vua Tần-bà-xa-la gặp lại Ngài, vui-mừng khôn xiết, truyền xây cất tịnh-xá Trúc-lâm để thỉnh Phật và chúng Tăng ở lại thuyết-pháp độ sanh.

Trong lúc Phật ở tại tịnh-xá Trúc-lâm, thì vua Tịnh-Phạn nghe tin Ngài đã thành Phật, truyền sứ-giả đi thỉnh Ngài về thành Ca-tỳ-la-vệ. Nhưng 9 lần 9 sứ-giả ra đi đều biệt tăm, không trở lại. Thì ra những người này khi đến Trúc-lâm nghe Ngài thuyết-pháp, đã say mê quên sứ-mạng của mình và xin thọ giới xuất-gia.

Lần thứ mười, Tịnh-phạn-vương sai một cận-thần thân-tín là Ưu-Đà-Di, mới thỉnh được

Phật về. Trên đường từ thành Vương-xá trở về Ca-tỳ-la-vệ, đức Phật đã thuyết-pháp độ cho không biết bao nhiêu người. Về thành Ca-tỳ-la-vệ, Ngài ở lại 7 ngày. Mặc dù chỉ trong vòng thời-gian ngắn ngủi ấy, Ngài cũng đã cảm hóa tất cả dòng họ Thích và tất cả những người trong dòng họ này đều xin xuất-gia theo Phật, như các ông : Nan-Đà, A-Nan-Đà, A-Nâu-Lâu-Đà, La-Hầu-La...

Sau khi trở về thăm gia-đình và quê-hương, đức Phật cùng các đệ-tử lại tiếp tục đi truyền đạo. Ngài đi đến thành Xá-vệ là kinh-đô nước Kiền-tát-la, thuộc quyền thống trị của vua Ba-tu-nặc. Ở thành này, có một vị đại-thần tên là Tu-Đạt-Đa, giàu lòng bố-thí cho kẻ bần cùng cô-cút, nên được gọi danh hiệu là Cấp-cô-độc Trưởng-giả. Ông rất ngưỡng-mộ đức Phật nên đã trút tất cả tiền của vàng bạc trong kho ra mua khu vườn rộng lớn của Thái-tử Kỳ-Đà để làm tịnh-xá cho Phật và đệ-tử của Ngài ở, thuyết-pháp độ sanh.

Được ít lâu, nghe tin vua Tịnh-Phạn đau nặng, sắp thăng-hà, đức Phật vội vã trở về thăm cha lần cuối cùng. Thấy phụ-thân buồn rầu trên giường bệnh, Phật thuyết về "Lẽ vô-thường, khổ, không, vô-ngã" cho vua nghe. Nghe xong, vua liền dứt hết phiền-não, gương mặt vui tươi, cất tiếng niệm Phật, rồi băng-hà một cách êm ái.

Sau khi Tịnh-phạm-vương mất, bà mẹ nuôi của Phật là Ma-Ha-Ba-Xà-Ba-Đề và bà Da-Du Đà-La cùng nhiều người bên nữ giới họ Thích xin được phép xuất gia. Từ đó trong đạo Phật, lần đầu tiên có hàng Tỳ-kheo-ni.

Đức Phật cùng các đệ-tử lại tiếp-tục đi truyền Đạo. Đi đến đâu Ngài cũng được sùng-mộ, tin theo và nhiều người noi theo gương của ông Cáp-cô-độc lập tịnh-xá, cắt giăng-đường để Ngài thuyết-pháp độ sanh.

Như thế, chúng ta thấy đức Phật đã tuân tự hóa-độ và kết nạp đệ-tử, từ những hạng người đủ căn-trí dễ hiểu thấu giáo-lý của Ngài rồi mới rộng ra những người khác ; lập Tỳ-kheo trước, rồi Tỳ-kheo-ni sau.

2.- Hóa-độ tùy phương-tiện

Trong suốt thời-kỳ đi thuyết-pháp độ sanh, lắm khi Ngài cũng gặp nhiều cảnh gay go trái ngược do lòng đố-ky của ngoại-đạo, tà-giáo, hay lòng ganh-ghét của nội thân quyến-thuộc gây ra. Nhưng lúc nào Ngài cũng tùy phương-tiện để cảm-hóa họ và đưa họ về đường ngay lẽ phải. Chẳng hạn, khi thì Ngài bị cô gái con của ngoại-đạo độn bụng giả có chứa đèn giữa đạo-tràng để vu oan cho Ngài ; khi thì Ngài bị anh chàng Vô-não đuổi theo quyết giết Ngài để lấy ngón tay góp thêm cho đủ số 1.000 ngón mà nó đã giết người để lấy, vì theo thuyết tà-đạo, nó tin

rằng có làm được như thế mới chứng quả ; khi thì Ngài bị Đê-Bà-Đạt-Đa, người anh em họ hung-ác, âm-muru hãm hại Ngài bằng cách thả bày voi say cho chạy đến chà đạp Ngài, hay lăn đá to từ trên núi cao xuống đè Ngài.

Nhưng tất cả những âm mưu ấy đều vô hiệu-quả, vì oai-đức uy-danh và trí-huệ của Ngài bảo bọc Ngài, không một hành-động xấu xa nào có thể thắng Ngài được. Ngài có đủ phương-tiện khôn-ngoaan khéo-léo, xoay chiều đôi hướng dễ dàng, hoá cái được tất cả những nghịch-cảnh trở thành thuận-lợi. Và cuối cùng, kẻ khinh-ghét Ngài trở lại kính mến Ngài ; người chống Ngài trở lại phục Ngài ; kẻ ngoại-đạo trở thành Phật-tử. Bằng chứng là : Đê-Bà-Đạt-Đa cũng được Ngài thọ-ký, anh chàng Vô-Não cũng được quy-y, bày voi say cũng được sám-hối, vua A-Xà-Thế cũng hối-cải và quay về đường ngay.

Nói tóm lại, đức Phật có đủ muôn ngàn phương-tiện thích-ứng với mọi người, mọi vật, mọi hoàn-cảnh để hóa-độ tất cả những ai mà Ngài đã gặp trên đường truyền-đạo của Ngài. Không phải chỉ ở ngoài đời, mà ngay trong Giáo-hội của Ngài, Ngài cũng tùy theo căn-cơ, tâm-lý của mỗi đệ-tử mà áp-dụng phương-pháp thích hợp. Chẳng hạn như đối với ông Nan-Đà, mặc dù thân đã xuất-gia mà tâm vẫn muốn ngao-du, luyện-ái bạn bè, Ngài dùng thần-thông để đưa ông lên cõi trời xem những cảnh sống

tốt đẹp, vui thú khác thường, rồi đưa ông xuống địa-ngục mục-kích những hình phạt đau-dớn rùng-rợn, hãi-hùng để ông so-sánh hai cảnh đời trái ngược mà tự chọn lựa lấy một đường.

Còn đối với ông A-Nan, người học rộng nghe nhiều, nhưng vì nghiệp-duyên còn nặng, nên mắc nạn "Ma-dăng-già", thì Phật lại đem giáo-lý thâm sâu là kinh Lăng-nghiêm ra giảng-dạy để cho ông A-Nan thấy rõ được cái quý giá của chân-tâm mà lo tu-luyện, chứ không giông-ruồi theo giả-cảnh nữa.

Xem như thế thì đức Phật đã dùng phương-tiện để tùy duyên hóa-độ, như ông lương-y giỏi tùy bệnh cho thuốc, chứ không nhất-thiết phải theo một đường lối cố-định nào cả. Đối với kẻ thân, người thù, đối với kẻ thông-minh hay người ngu-độn, đối với kẻ giàu, người nghèo, Ngài đều có đủ pháp-môn cho họ khai-ngộ và quy-y theo Ngài.

3.- Hóa-độ theo tinh-thần bình-đẳng

Tinh-thần triệt để bình-đẳng là một điểm son quý giá nhất trong giáo-lý của đức Phật, cũng như trong tâm-hồn của Ngài. Ngay từ khi còn ấu-thơ, tinh-thần ấy đã được bộc-lộ trong những cử-chỉ cứu giúp những kẻ bần cùng, những con vật lâm nạn, như chúng ta đã thấy trong bài trước.

Khi thành đạo, tinh-thần bình-đẳng ấy lại

bộc-lộ rõ ràng hơn nữa. Ngài đã có những câu nói bất-hủ, khiến cho ngày nay, người ta vẫn đem ra làm khuôn vàng thước ngọc. Như khi Ngài xin nước của một người thuộc giai-cấp hạ tiện nhất Ấn-độ, người này sợ làm lây ô-úế cho Ngài, thì Ngài phán bảo : "Không có giai-cấp, trong dòng máu cùng đỏ, trong nước mắt cùng mặn. Mỗi người sanh ra đều có Phật-tánh và có thể thành Phật".

Trong Giáo-hội của Ngài, Ngài nhận cả những người thuộc giai-cấp hạ tiện. Như ông Ưu-Ba-Ly, một đệ-tử có tiếng tăm của Ngài về phương-diện giới-luật, là một người thuộc giai-cấp hạ tiện Chiên-đà-la, làm nghề gánh phân.

Sự thâm nhận ấy đã làm cho các vị vua chúa bất-mãn. Chính vua Ba-tư-nặc đã bạch Phật : "Đấng Chí-tôn thâm nhận kẻ hèn hạ vào hàng Tăng-đồ như vậy, không ngại rằng đá sỏi lẫn lộn với châu-ngọc, làm mất giá-trị của chúng Tăng sao?".

Phật dạy rằng :

— "Người hèn-hạ mà biết phát tâm Bồ-đề, xuất-gia tu-hành, chứng được quả Thánh, thì quý báu vô cùng, chẳng khác gì hoa sen mọc ở bùn-lầy như bán mà vẫn tinh-khiết thơm-tho".

"Một người sanh ra không phải liền thành Bà-la-môn (giai cấp trên hết) hay Chiên-đà-la

(giai cấp thấp nhất), mà chính vì sở-hành của người ấy, tạo thành Chiên-dà-la hay Bà-la-môn".

Ngài xâu giùm kim cho người mù, hoan-hỷ nhận hòn đất sét mà đứa bé đã nắn để dâng Ngài, thọ-lãnh bữa cơm cuối cùng do một người đốt than nghèo nắn dâng cúng.

Chính vì sự hóa-độ bình-đẳng như thế, mà kinh Đại-Niết-Bàn đã tán-thán :

"Đức Như-Lai không chỉ thuyết-pháp cho các hạng người quyền-quý như vua Bạt-Đề-Ca, mà cũng thuyết-pháp cho hạng người bần cùng như ông Ưu-Ba-Ly ; không riêng thọ-lãnh sự cúng-dường của những người giàu có như ông Tu-đạt-đa, mà cũng thọ-lãnh sự cúng-dường của các hạng nghèo khổ như ông Thuần-đà ; không riêng cho phép xuất-gia các hạng không có tánh tham như Ngài Ca-Điếp, mà cũng cho phép xuất-gia những người có nhiều tánh tham như ông Nan-Đà ; không những thuyết-pháp cho hạng người an-tĩnh không dự việc đời, mà cũng thuyết-pháp cho vua Tần-bà-ta-la trong lúc đang bận rộn việc nước ; không những thuyết-pháp cho hạng thanh-niên trẻ tuổi, mà cũng thuyết-pháp cho ông già 80 tuổi ; không những thuyết-pháp cho bà Hoàng-hậu Mạt-Ly, mà cũng thuyết-pháp cho dâm-nữ Liên-Hoa".

II.- NĂM THỜI NÓI KINH

Tóm lại, trong một đời của đức Phật, tùy theo

trình-độ của mọi người mà thuyết-pháp giáo-hóa, mãi đến khi Ngài nhập-diệt, cộng là 49 năm. Những kinh pháp của Ngài nói ra, về sau các đệ-tử kiết tập chia ra làm năm thời :

1.- Thời thứ nhất Phật nói Kinh Hoa-Nghiêm

Khi Phật mới thành đạo, ở tại cõi Bồ-đề, nói kinh Hoa-nghiêm 21 ngày, vạch rõ chân-tánh, chỉ bày chỗ cao-sâu mầu-nhiệm của đạo Phật. Chủ đích có hai điều :

a) Dắt-dẫn các bậc Bồ-tát lên địa-vị Đẳng-giác và Diệu-giác.

b) Nêu bày giáo-pháp rốt-ráo của Như-Lai, chỉ có Phật với Phật mới rõ mà thôi ; ngoài ra hàng Nhị-thừa ngồi nghe như đui, như điếc, hướng chi ngoại-đạo tà-giáo làm sao hiểu nổi ! Đức Phật trình bày giáo-pháp siêu-việt tuyệt-vời ấy, là muốn cho đại-chúng phải tu theo Đại-thừa Phật-giáo mới được hoàn-toàn rốt-ráo.

2.- Thời thứ hai Phật nói Kinh A-Hàm

Biết rằng : "Muốn đi xa phải do nơi gần, muốn lên cao phải từ nơi thấp", đức Thích-Ca y theo chư Phật mà nói pháp Tam-thừa. Vì vậy thời thứ hai, Ngài nói kinh A-Hàm trọn 12 năm, dùng thí-dụ thật tế, chỉ rõ chân-lý cho hàng Tiểu-thừa dễ thừa nhận, mà lo bề tự tu và tự độ.

3.- Thời thứ ba Phật nói Kinh Phương Đẳng.

Đạo Phật chẳng những dạy pháp giác-ngộ phần mình mà Ngài còn chỉ bày phương-pháp giác-tha nữa, tức là khuyến-khích từ cái giác-ngộ tiêu-cực nhỏ hẹp của Tiểu-thừa (A la hán) để tiến lên cái giác-ngộ tích-cực bao la của Đại-thừa Phật - giáo. Ấy là thời nói kinh Phương Đẳng trọn 8 năm, dẫn Tiểu-thừa qua Đại-thừa.

4.- Thời thứ tư Phật nói Kinh Bát-Nhã

Đến khi đức Phật xem căn-cơ của chúng-sanh có thể tiến lên một tầng cao nữa là hấp thụ được hoàn-toàn giáo-pháp Đại-thừa, nên Ngài chỉ bày đạo-lý chân-không của vũ-trụ, thuyết-minh cái thật-tướng vô-tướng của các pháp. Ấy là thời nói kinh Bát-nhã trọn 22 năm.

5.- Thời thứ năm Phật nói Kinh Pháp-Hoa và Niết-Bàn

Sự hóa-dộ một đời của Phật gần viên-mãn, thêm thấy căn-cơ chúng-sanh đã thuần-thục, có thể gánh vác Đại-thừa chánh-pháp của Như-Lai, nên Ngài bèn nói rõ bản-hoài của Ngài thị-hiện ra đời là vì một nguyên-nhân lớn : "**Khai thị chúng-sanh ngộ nhập Phật tri kiến**". Ngài phú-chúc, thọ ký cho các hàng đệ-tử, tương-lai sẽ thành Phật. Ấy là thời nói Pháp-hoa và

Niết-bàn trọn 8 năm. Đến đây nhiệm-vụ thuyết-pháp độ sanh của đời Ngài đã viên-mãn.

Tóm lại 5 thời thuyết-pháp, Cổ-nhơn có làm bài kệ như sau :

**Hoa-nghiêm tối sơ tam thất nhật
A-hàm thập nhị Phương-đẳng bát
Nhị thập nhị niên Bát-nhã đàm
Pháp-hoa Niết-bàn cộng bát niên.**

DỊCH NGHĨA

*Trước nói Hoa-nghiêm hăm một ngày
A-hàm mười hai, Phương-đẳng tám
Hai mươi hai năm nói Bát-nhã
Pháp-hoa Niết-bàn cộng tám năm.*

III.- SỰ HÓA-ĐỘ VIÊN-MÃN

Từ khi thành-đạo dưới gốc cây Bồ-đề cho đến ngày nhập diệt, trải qua một thời-gian 49 năm, đức Phật đã đi khắp xứ Ấn-độ rộng lớn bao-la, hết nước này đến nước khác. Hễ chỗ nào có chân Ngài giẫm đến là ánh Đạo vàng bùng tỏa huy-hoàng.

Mỗi ngày, Ngài theo một thời-dụng-biểu, một chương-trình nhất định, không bao giờ xao-lãng, giải-dãi, từ khi trẻ cho đến già, từ mùa mưa cho đến mùa nắng. Mỗi ngày, khi trời chưa sáng, Ngài đã lìa khỏi giường đi tắm rửa, thay đổi

y-phục rồi vào phòng quán-cơ cho đến lúc mặt trời xuất-hiện. Sau đó Ngài thuyết-pháp cho chúng Tăng đến lúc trưa mới nghỉ để thụ trai.

Buổi chiều, Ngài thuyết-pháp cho tín-đồ ở các vùng lân cận đến nghe ; rồi lại giảng-giải những nghi-vấn của các chúng Tăng về những vấn-đề mà Ngài đã thuyết-pháp buổi sáng.

Mỗi năm, Ngài đi chu-du để thuyết-pháp độ sanh trong chín tháng nắng ráo ; còn ba tháng về mùa hạ có mưa lớn (theo thời tiết Ấn-độ), thì Ngài lại ở luôn trong các tịnh-xá để an-cư kiết-hạ.

Ròng-rã 49 năm như thế, hạt giống từ-bi được Ngài tinh-tấn gieo khắp các xứ ở Ấn-độ. Từ Bắc chí Nam, từ Đông sang Tây, từ rừng núi đến đồng bằng, không nơi nào là Ngài không đặt chân đến, hay truyền đệ-tử đến thay Ngài để hóa-độ chúng-sanh. Và ở đâu Ngài và các đệ-tử cũng được nhân-dân, từ vua đến dân, từ giàu đến nghèo, từ già đến trẻ, từ phái nam đến phái nữ, đổ xô ra đón tiếp Ngài, vui thú được tắm gội trong ánh sáng Trí-tuệ và nước Từ-bi do Ngài tưới xuống. Ở đâu có ánh Đạo vàng đến, thì tà-giáo và ngoại-giáo lui xa dần, tan biến như những làn mây, như những bóng tối, tan biến trước ánh bình-minh đang lên. Giọng thuyết-pháp của Ngài có cái oai-lực như tiếng sư-tử rống, làm cho cầm-thú phải khiếp-phục, như

tiếng hải-triều lên, lán át tất cả bao nhiêu tiếng tí-tê của côn-trùng, chim chóc.

Đạo Bồ-đề từ đấy đã ăn sâu gốc rễ trên bán đảo Ấn-độ bao la, và trở thành một tôn-giáo chính của các nước lớn, nhỏ thời bấy giờ tại Ấn-độ. Đức Phật sau khi tự giác, đã giác-tha và đến đây giác-hạnh của Ngài đã viên-mãn.

IV.- TRƯỚC KHI NHẬP NIẾT-BÀN

1- Phật báo tin sắp lìa cõi đời

Khi giác-hạnh của Ngài đã viên-mãn thì Phật đã 80 tuổi. Đến đây, sắc thân tứ-đại của Ngài cũng theo luật vô-thường mà biến đổi, yếu già. Năm ấy Ngài vào hạ ở rừng Sa-la trong xứ Câu-ly, cách thành Ba-la-nại chừng 120 dặm.

Một hôm, Ngài gọi ông A-Nan, người đệ-tử luôn luôn ở bên cạnh Ngài đến và phán bảo :

— "A-Nan ! Đạo ta nay đã viên-mãn. Như lời nguyện xưa, nay ta đã có đủ 4 hạng đệ-tử : Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di. Nhiều đệ-tử có thể thay ta chuyển xe pháp, và Đạo ta cũng đã truyền-bá khắp nơi. Bây giờ ta có thể rời các người mà ra đi. Thân hình ta, theo luật vô-thường, bây giờ như một cỗ xe đã mòn rã. Ta đã mượn nó để chở Pháp, nay xe cũng vừa mòn mà Pháp cũng đã lan khắp các nơi, vậy ta còn mền tiếc làm gì trong cái thân tiêu-tụy này

nữa ? A-Nan ! Trong ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn".

Tin đức Phật sắp vào Niết-bàn, lan ra như một tiếng sét. Các đệ-tử Ngài đi truyền giáo ở các nơi xa, lục tục trở về để cùng đấng Giác-ngộ chia ly lần cuối.

Trong thời-gian ba tháng cuối cùng của Ngài, đức Phật vẫn không nghỉ-ngoi, mà vẫn tiếp tục đi truyền đạo.

Một hôm, Ngài đi thuyết-pháp ngang qua một khu rừng, gặp một người làm nghề đốt than, ông Thuần-Đà, thỉnh Ngài về nhà để thọ trai. Ngài im lặng cùng các đệ-tử đi theo ông. Đến nhà, ông Thuần-Đà dọn ra cúng-dường Ngài một bát cháo nấm, thường gọi là nấm heo rừng, vì thứ nấm này rất được giống heo rừng ưa thích.

Thụ trai xong, Phật cùng các đệ-tử lại từ giã ông Thuần-Đà ra đi. Được một khoảng đường, Ngài giao bình-bát cho ông A-Nan và truyền treo võng lên trong rừng cây Ta-la ⁽¹⁾ để Ngài nằm nghỉ. Ngài nằm xuống võng giữa hai cây Ta-la, đầu trở về hướng Bắc, mình nghiêng về phía tay phải, mặt xây về phía mặt trời lặn, hai chân chéo vào nhau.

Nghe tin Ngài sắp nhập Niết-bàn, dân-chúng quanh vùng đến kính viếng rất đông, trong số

(1) Ta-la, Tàu dịch là Song-thọ : cây có hai cành lớn chia ra như cái nạng.

ấy có một ông già ngoài tám mươi tuổi, tên Tu-bạt-dà-la đến xin xuất-gia thọ giới Sa-di với Ngài. Ngài hoan-hỷ nhận lời. Đó là người đệ-tử chót trong đời Ngài.

2.- Phật nói kinh Di - giáo và những lời phú- chúc

Lúc bấy giờ các đệ-tử Ngài đều có mặt đông đủ, chỉ trừ ông Ca-Diếp vì đi thuyết-pháp xa, chưa về kịp. Ngài hội tất cả đệ-tử và tín-đồ đến quanh Ngài và dặn dò một lần cuối. Ngài phú-chúc như sau :

- a) Y, bát của Ngài sẽ truyền cho ông Ma-ha Ca-Diếp.
- b) Các đệ-tử phải lấy giới-luật làm thầy.
- c) Ở đầu các kinh, phải nêu lên 4 chữ : " Như thị ngã văn ".
- d) Xá-lợi của Ngài sẽ chia ra làm 3 phần :
 - Một phần cho thiên-cung,
 - Một phần cho long-cung,
 - Một phần chia cho tám vị Quốc-vương ở Ấn-độ.

Sau đây là lời vàng ngọc mà Ngài đã để lại trong giờ phút cuối cùng.

— " Này ! Các người phải tự thắp đuốc lên mà đi ! Các người hãy lấy Pháp của ta làm đuốc ! Hãy theo Pháp của ta mà tự giải-thoát ! Đừng

tìm sự giải-thoát ở một kẻ nào khác, đừng tìm sự giải-thoát ở một nơi nào khác, ngoài các người !... ”.

— " Này ! Các người đừng dục-vọng mà quên lời ta dặn. Mọi vật ở đời không có gì quý giá. Thân-thê rồi sẽ tan-rã. Chỉ có đạo ta là quý báu. Chỉ có Chân-lý của đạo ta là bất-di, bất-dịch. Hãy tinh-tấn lên để giải-thoát, hỡi các người rất thân yêu của ta ! ”.

Sau khi đã dặn dò cận kề xong, Ngài nhập-định rồi vào Niết-bàn. Lúc bấy giờ nhằm ngày rằm tháng hai âm-lịch (theo giáo sử Trung-hoa).

Rừng cây Ta-la tuôn hoa xuống phủ lên thân Ngài, trời đất u-ám, cây cỏ héo úa, chim-chóc im bất tiếng hót. Vạn-vật như chìm lặn trong những giây phút nặng nề của sự chia-ly.

Các đệ-tử tấn liệm xác Ngài vào kim-quan và bảy ngày sau, đưa kim-quan Ngài vào thành Câu-thi để tại chùa Thiện-quang và làm lễ trà-tỳ (lễ hỏa thiêu).

Tám vị Quốc-vương lớn ở Ấn-độ kéo binh hùng tướng dũng đến toan tranh giành xá-lợi. Nhưng ông Hương-Tích y theo dị-chức của Phật, đứng ra điều đình, và nhờ thế sự phân chia xá-lợi đều được ổn thỏa.

C.- KẾT LUẬN :

Đức Phật đã nhập Niết-bàn, nhưng gương

sáng của đời Ngài vẫn còn chiếu sáng rực trước mắt chúng ta. Suốt một đời, trong 80 năm trời, không một lúc nào Ngài xao lãng mục-dịch tối-thượng là hóa-độ chúng-sanh đang trầm-luân trong bể khổ. Khi còn tại-gia, Ngài là người ở trong một địa-vị có diễm phúc nhất, cao nhất của người đời, thế mà Ngài vẫn không màng tưởng đến ; khi vào trong đạo, Ngài là người ở trong địa-vị cao chót vót của Đạo, thế mà Ngài vẫn không chịu ở yên trong địa-vị ấy, lại vất vả duỗi rong trên mọi nẻo đường bụi-bặm, gai-góc để đưa dắt chúng-sanh lên con đường hạnh-phúc an vui và giải-thoát hoàn-toàn. Lòng thương của Phật thật là vô-lượng, ân-đức của Phật thật vô-biên.

L- Người đời nên noi gương sáng của Phật. — Sự hy-sinh cao cả, lòng từ-bi rộng lớn, trí-tuệ sáng-suốt, ý-chí dũng-mãnh của Ngài không những là bao nhiêu gương sáng cho riêng hàng Phật-tử, mà còn cho tất cả mọi người. Nếu chúng ta quan-niệm Ngài là một vĩ-nhân, thì đó là một vĩ-nhân trên hết các vĩ-nhân của nhân-loại từ xưa đến nay. Nếu chúng ta quan-niệm Ngài là một bậc siêu-nhân, thì đó là một bậc siêu-nhân cao hơn bao nhiêu bậc siêu-nhân khác. Nếu chúng ta quan-niệm đời Ngài là một sự thị-hiện của Phật, thì đó là sự thị-hiện đẹp đẽ nhất và đầy đủ ý-nghĩa hơn hết trong các sự thị-hiện.

Cho nên không những đối với tín-đồ Phật-giáo, mà đối với toàn thể mọi người, đức Phật đáng được kính cẩn tôn-sùng và chiêm ngưỡng.

2.- Tín-đồ nên ghi nhớ những lời di-chức của Phật. — Chúng ta, những Phật-tử, ai cũng biết đời đức Phật là đẹp đẽ, cao-cả ; bài học của đời Ngài là quý-báu, sâu-xa. Nhưng nếu chúng ta không cố-gắng học tập, thì bài học dù hay ho quý-báu bao nhiêu cũng vô ích. Đức Phật, trước khi nhập-diệt, đã dạy chúng ta một câu cuối cùng :

— " Mọi vật ở đời không có gì quý giá. Thân-thể rồi sẽ tan rã. Chỉ có Đạo ta là quý báu. Chỉ có Chân-lý của Đạo ta là bất di bất dịch.

Hãy tinh-tấn lên để giải-thoát ! "

Vậy thì điều-kiện trọng-yếu nhất để giải-thoát là sự tinh-tấn. Chúng ta đừng bao giờ quên điều-kiện ấy trong sự tu-hành.

HOÀNG-PHÁP

Chú ý :

NIÊN-LỊCH của PHẬT THÍCH-CA
(theo kinh-diễn đại-thừa)

- PHẬT GIÁNG-SANH NGÀY MỪNG 8 THÁNG 4
(trước Chúa giáng-sanh 624 năm. Nếu tính năm Phật Nhập-diệt thì trước Chúa giáng-sanh 544 năm).
- 19 TUỔI XUẤT-GIA, NHĂM NGÀY MỪNG 8 THÁNG 2.
- 5 NĂM TÂM HỌC CÁC ĐẠO.
- 6 NĂM TU KHỔ-HẠNH.
- 49 NGÀY NHẬP-ĐỊNH.
- 30 TUỔI THÀNH ĐẠO, NHĂM NGÀY MỪNG 8 THÁNG CHẬP.
- 49 NĂM THUYẾT-PHÁP ĐỒ ĐỜI.
- 80 TUỔI NHẬP NIẾT-BÀN, NHĂM NGÀY RẼM THÁNG 2.

BÀI THỨ TƯ

QUY-Y TAM BẢO

A.- MỞ ĐỀ :

Cảnh-giới Ta-bà của chúng ta là một cảnh-giới đầy mê-mờ và đục-vọng. Chúng ta đang lặn hụp trong bể nước mắt của đau khô và bùn nhơ của đục-vọng, sóng trôi lăn trong cảnh ấy, chúng ta khó thấy được bến bờ sáng - sủa, yên-ôn đề lộ vào. Thật là đáng thương cho thân phận con người chúng ta.

Nhưng bản-nguyên chúng ta đâu có thế ! Chúng ta, từ vô-thỉ, ở nơi nguồn chơn vắng-lặng, sáng-suốt vô cùng. Vì một niệm bất giác, khởi vô-minh vọng-tưởng, nên chúng ta bị quay cuồng trong sanh tử, trôi nổi trong ba cõi sáu đường.

Vậy thì trong chúng ta, ai là người không muốn thoát ra khỏi cõi đen tối, sầu đau này, để được trở về nguồn trong sáng, an vui ?

Nhưng làm sao để thoát ra được ? Ai sẽ là kẻ rủ lòng thương để đưa đường chỉ lối cho chúng ta ? Ai là người có đủ phương-pháp thần-diệu để giúp chúng ta ra khỏi sanh-tử luân-hồi ?

— Đáng cao cả sáng suốt và đầy đủ năng-lực

ấy không ai khác hơn là Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni, người đã chúng quả bất-sanh, bất-diệt ; và chỉ có giáo-pháp của Ngài mới cứu được chúng sanh ra khỏi vô-thường đau khổ.

Vậy thì chúng ta còn ngần ngại gì nữa mà chẳng chịu quy-y Tam-bảo.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- ĐỊNH DANH VÀ GIẢI NGHĨA

1.- Quy-y nghĩa là gì ?—Quy là trở về ; Y là nương tựa, Quy-y là trở về nương tựa nơi mà mình đã vì si-mê, phóng-lãng lìa bỏ ra đi, như đứa trẻ khờ dại đã rời bỏ cha mẹ để ra đi hoang-phá, bây giờ biết sự dại khờ do kinh-nghiệm khổ-đau, quay trở về nương tựa lại dưới bóng hạnh-phúc và yêu thương của cha mẹ. Chữ quy-y nguyên dịch nghĩa chữ Nam-mô của Phạn-ngữ. Quy-y cũng có nghĩa là kính vâng hay phục tùng.

2.- Tam-bảo nghĩa là gì ?—Tam-bảo là ba ngôi quý-báu : Phật, Pháp, Tăng.

Ở thế-gian, vàng bạc, ngọc ngà và danh-vọng là quý báu. Nhưng sự thật, vàng bạc và danh-vọng đâu có cứu được con người khỏi khổ, sống, già, bệnh, chết, mà lắm khi lại còn làm cho con người thêm khổ nữa ! Còn Phật, Pháp, Tăng thì có đủ năng-lực dắt-dẫn con người ra khỏi những cái khổ nói trên. Bởi thế, người đời mới

tôn sùng Phật, Pháp, Tăng là ba ngôi quý báu (Tam-bảo).

a) Phật : Chữ Phật do chữ Phạn Bouddha phiên-âm ra. Người Tàu dịch là Giác-giả ; người Pháp dịch là L'Illuminé. Ba chữ ấy đều cùng một nghĩa là : bực đã giác-ngộ sáng-suốt hoàn-toàn về ba phương-diện : tự-giác, giác-tha, giác-hạnh viên-mãn.

b) Pháp : Pháp là do chữ Phạn Dharma mà dịch nghĩa ra. Pháp là phương-pháp tu hành mà Phật đã phát-huy ra để diệt trừ mọi mê-muội, khổ đau và chúng được quả Phật. Ba tạng kinh-diễn gọi chung là Pháp.

c) Tăng : Tăng hay Tăng-già là do chữ Phạn Shanga mà phiên-âm ra ; Tàu dịch là : hòa-hợp chúng, nghĩa là một đoàn-thể tu-hành từ 4 người sắp lên, cùng nhau sống chung một chỗ, đồng giữ giới-luật của Phật, đồng chia sót cho nhau một cách hòa-thuận những gì đã thâu nhận được, từ vật-chất cho đến tinh-thần.

3.- Quy-y Tam-bảo là thế nào ?—Quy-y Tam-bảo là trở về nương tựa ba ngôi quý-báu : Phật, Pháp, Tăng.

Tại sao lại quy-y Phật ?—Vì Phật là đáng hoàn-toàn sáng-suốt, từ-bi vô-lượng, phước-huệ vô-biên, đức-hạnh viên-mãn ;—Vì Phật là kẻ dẫn đường vĩ-đại nhất, đã có cái kinh-nghiệm

bản-thân thoát ra ngoài vòng sanh-tử để chúng Đạo.

Tại sao quy-y Pháp ?—Vì chỉ có phương-pháp của Phật là đầy đủ công-năng để đưa chúng ta qua khỏi bể khổ, đến bờ giải-thoát.

Tại sao lại quy-y Tăng ?—Vì Tăng là người đã hy-sinh gia-đình, tiền của, danh vọng... để tình nguyện thay Phật dắt dẫn chúng-sanh trên đường đạo.

II.- BA BỰC TAM-BẢO

Tam-bảo có ba bực :

- Đồng-thể Tam-bảo,
- Xuất-thế-gian Tam-bảo.
- Thế-gian trụ-trì Tam-bảo.

1.- ĐỒNG-THỂ TAM-BẢO

a) **Đồng-thể Phật-bảo**, tức là nói tất cả chúng-sanh cùng chư Phật đồng một thể tánh sáng suốt.

b) **Đồng-thể Pháp-bảo**, tức là nói tất cả chúng-sanh cùng chư Phật đồng một pháp-tánh từ-bi, bình - đẳng.

c) **Đồng thể Tăng-bảo**, tức là nói tất cả chúng-sanh cùng chư Phật đồng một thể-tánh thanh-tịnh, sự, lý hòa-hợp.

2.- XUẤT-THẾ-GIAN TAM-BẢO

Xuất-thế-gian Tam-bảo :

a) **Xuất-thế-gian Phật-bảo**, là chỉ cho đức Phật Thích-Ca Mâu-ni, đức A-DI-ĐÀ, chư Phật trong mười phương ba đời, đã tự giải-thoát ra khỏi sự ràng buộc của thế-gian.

b) **Xuất-thế-gian Pháp - bảo**, là chỉ cho chánh-pháp của Phật, có công-năng làm cho chúng-sanh thoát khỏi sự ràng buộc của thế-gian, như Tứ-đế, Thập-nhị nhân-duyên, Lục-độ v.v...

c) **Xuất-thế-gian Tăng-bảo**, là chỉ cho các vị thánh-Tăng đã thoát ra ngoài sự ràng buộc của thế-gian như đức Quan-Thế-Âm, Đại-Thế-Chí, Văn-Thù, Ca-Diếp, A-Nan v.v...

3.- THẾ-GIAN TRỤ-TRÌ TAM-BẢO

a) **Thế-gian trụ-trì Phật-bảo**, là chỉ cho xá-lợi của Phật, tượng Phật đúc bằng kim-khí, chạm trổ bằng danh mộc, tô bằng đất, đắp bằng xi-măng, thêu bằng vải, hay vẽ trên giấy.

b) **Thế-gian trụ-trì Pháp-bảo**, là chỉ cho ba tạng giáo-diễn : Kinh, Luật, Luận, viết hay in trên giấy, trên vải, trên lá buông v.v...

c) **Thế-gian trụ-trì Tăng-bảo**, là chỉ các vị Tỳ-kheo tu-hành chơn-chánh, đạo-đức trong sạch, giới-luật trang-nghiêm trong hiện tại.

III.- SỰ QUY-Y TAM-BẢO

Sau khi đã hiểu rõ thế nào là quy-y Tam-bảo, tất nhiên phải thực hành sự hiểu biết ấy.

Thực-hành Tam-quy bằng sự tướng cung kính, vâng theo Tam-bảo, như thế gọi là sự quy-y Tam-bảo.

1.- Sự quy-y Phật : Hằng ngày chúng ta phải nhớ tưởng luôn đến Phật, niệm danh-hiệu Ngài, chiêm-ngưỡng tượng Ngài, chí tâm thật ý lễ bái để tỏ lòng sùng kính Ngài, và nguyện suốt đời theo bước chân Ngài, ấy là sự quy-y Phật.

2.- Sự quy-y Pháp : Hằng ngày tụng đọc kinh, luật, luận trên giấy trắng mực đen ; sớm hôm hai thời công-phu, tìm hiểu nghĩa-lý thâm-huyền của Pháp-bảo càng tốt, không biết nghĩa tụng suông, cũng không phải là vô ích. Khi tụng đọc Kinh-điển, tâm trí chúng ta không nghĩ đến những ý nghĩ xằng-bậy, không nhớ tưởng những việc không hay, không bàn mưu tính kế để lợi kỷ, tôn nhơn. Chúng ta trừ bỏ được dục-vọng, tâm trí được sáng suốt, an lành, thanh tịnh.

3.- Sự quy-y Tăng : Thế-gian thường nói : "Trọng Phật, phải kính Tăng". Cho nên, nếu chúng ta thành tâm thờ Phật bao nhiêu thì chúng ta lại phải thật dạ kính Tăng bấy nhiêu. Người thực-hành sự quy-y Tăng, hề thấy người đầu tròn áo vuông, có thân-chính tu-hành, giữ gìn giới-luật, thì liền kính nể, quý trọng xem như đó là vị đại-diện của Đức Phật. Làm như thế là sự quy-y Tăng.

Tóm lại, thờ Phật cốt, Phật tượng, tụng kinh, giữ giới nghiên-cứu Phật-pháp, kính trọng Tăng-già chân-chính, đó chính là sự quy-y Tam-bảo, hay nói nôm-na là theo đạo Phật.

IV.- LÝ QUY-Y TAM-BẢO

Lý là bên trong. Lý quy-y Tam-bảo nghĩa là quy-y Tam-bảo trong tâm chúng ta. Nếu chúng ta chỉ thực-hành sự quy-y, chỉ giống ruồi theo Tam-bảo bên ngoài, mà quên lý quy-y, nghĩa là quên Tam-bảo bên trong tâm chúng ta, thì chúng ta chưa thực-hành đúng nghĩa Tam-quy. Thật thế, bên trong tâm chúng ta cũng có đủ Tam-bảo. Chúng ta cần thực-hành lý quy-y, hay tam tự quy-y : tự quy-y Phật, tự quy-y Pháp, tự quy-y Tăng.

1- Tự quy-y Phật : Tự nghĩa là mình đối với tự tâm mình. Tự quy-y Phật là mình tự trở về với Phật-tánh sáng-suốt của tâm mình.— Vâng, mỗi người đều có Phật-tánh, và đều có thể thành Phật. Đó là lời Phật Thích-ca đã dạy. Nhưng Phật-tánh ấy bị mê lầm, vọng-tưởng che lấp. Vọng-tưởng như mây mờ, Phật-tánh như trăng. Mây mờ có thể che khuất, chứ không thể tiêu diệt được trăng sáng.

Phật-tánh của chúng ta dù bị vọng-tưởng, vô-minh che lấp sâu kín đến đâu cũng vẫn thường còn. Vậy thì sao chúng ta lại bỏ quên Phật-tánh của chúng ta, mà chỉ chạy theo cầu

khẩn Phật bên ngoài ; như đũa "cùng tử" có viên ngọc quý, cha mẹ đã giấu sẵn trong chéo áo mà nó không biết, lại đi xin ăn cùng khắp mọi nơi !

2.- Tụ quy-y Pháp : Tụ quy-y Pháp và vãng theo Pháp-tánh của mình. Trong tâm ta có đủ các pháp Từ-bi, Trí-tuệ, Bình-đẳng, Nhẫn-nhục, Tinh-tấn... Chúng ta cần phát-huy những đức tánh ấy và hành-động theo chúng, tuân theo chúng ; như thế là tụ quy-y Pháp.

3.- Tụ quy-y Tăng : Tụ quy-y Tăng là vãng theo thầy trong tâm mình. Thầy trong tâm mình là đức tánh thanh-tịnh hòa-hợp của mình, như Tăng-già là hiện thân của sự hòa-hợp thanh-tịnh bên ngoài. Bấy lâu vì mình mê-muội, không nhận thấy được ông thầy trong tâm, nay nhờ Phật chỉ dạy, mình nhận thấy được ông thầy thanh-tịnh ấy, thì mình phải quy-y thầy của mình trước đã chứ !

Nói tóm lại, mình phải nương tựa, quay về với Phật trong tâm mình là tánh sáng-suốt ; với Pháp của mình là các đức tánh Từ-bi, Hỷ-xả v.v...; với Tăng của mình là sự hòa-hợp, thanh-tịnh của bản tâm. Như thế là *Lý quy-y Tam-bảo*.

V.- NGHI-THỨC QUY-Y

Sau khi chúng ta đã hiểu rõ Sự và Lý quy-y rồi, chúng ta cũng cần biết qua nghi-thức của lễ quy-y.

1- Trước tiên phải gội rửa thân tâm cho trong sạch.

Quy-y là buổi lễ quan-trọng nhất trên đường tu-tập của chúng ta. Nó là cuộc khởi hành để đi đến mục-đích giải-thoát, vì thế chúng ta không thể xem thường, cử hành một cách bừa bãi được.

Khi muốn quy-y, chúng ta phải y-phục chỉnh-tề, sắm khay lễ thỉnh chư Tăng đến trai đường, đánh lễ và cầu xin chư Tăng rủ lòng từ-bi truyền trao quy-giới cho mình.

Trước ngày hành lễ, thân tâm chúng ta phải được gội rửa trong sạch. Ta tắm rửa sạch-sẽ ăn mặc chỉnh-tề. Đó là về Thân ; còn về Tâm thì ta phải ba phen sám-hối, cho ba nghiệp được thanh-tịnh. Nhờ sự tẩy gội cả trong lẫn ngoài ấy, ta mới xứng đáng đón nhận pháp thanh-tịnh cao quý của Tam-bảo.

2.- Phát nguyện.

Đến giờ quy-y, chúng ta phải quỳ xuống ; theo lời hướng-dẫn của chư Tăng, chí-thành phát-nguyện :

- Đệ-tử xin suốt đời quy-y Phật.
- Đệ-tử xin suốt đời quy-y Pháp.
- Đệ-tử xin suốt đời quy-y Tăng.

Sau khi phát-nguyện Tam-quy rồi, người phát nguyện tin chắc rằng mình đã gieo hạt

giống giải-thoát, thế nào cũng sẽ gặt được kết-quả tốt là thoát ly ba đường ác : địa-ngục, nga-quỷ, súc-sanh. Vì thế, người quy-y liền nói tiếp ba lần :

- **Đệ-tử quy-y Phật rồi, khỏi dọa địa-ngục.**
- **Đệ-tử quy-y Pháp rồi, khỏi dọa nga-quỷ.**
- **Đệ-tử quy-y Tăng rồi, khỏi dọa súc-sanh.**

Thế là trọn vẹn Tam-quy và Tam-kiết.

Để bảo tồn lý-tưởng cao-cả của mình và giữ vững đức tin trên đường Đạo người quy-y tự nguyện một cách mạnh mẽ và thành khẩn :

- **Đệ - tử quy - y Phật, nguyện trọn đời không quy-y thiên, thần, quỷ, vật.**
- **Đệ - tử quy - y Pháp, nguyện trọn đời không quy-y ngoại-dạo, tà-giáo.**
- **Đệ - tử quy - y Tăng, nguyện trọn đời không quy-y tôn hữu, ác đảng.**

Như thế là lễ quy-y đã hoàn-tất. Người tín-đồ chỉ còn việc làm theo đúng những lời mình đã phát-nguyện và đã tuyên-thệ trước Tam-bảo.

VI.- LỢI ÍCH CỦA QUY-Y TAM-BẢO

1.- Khởi di lạc đường đời vào nơi tăm tối.

Như chúng ta đã thấy ở đoạn mở đầu bài này, chúng-sanh đang lặn hụp trong biển khổ, đang bơ-vơ lạc-lỡng giữa đêm tối mênh-mông. Trong hoàn-cảnh bi thảm như thế, nếu không thấy được những phương-tiện để đi đến, không có những bậc thầy để dìu-dắt đến, thì chúng ta sẽ quay cuồng mãi mãi trong biển sanh-tử luân-hồi. Cái đích sáng ấy là đức Phật, những phương-tiện ấy là Pháp, và những bậc thầy dìu-dắt ấy là Tăng. Khi chúng ta đã biết có những sự quý-báu như thế mà không nắm bắt lấy, thì chẳng khác gì người sắp chết đuối thấy cái bè gỗ trôi qua mà lại đại khờ xua đẩy nó ra.

Sự quy-y chính là một cách bám víu vào cái bè Tam-bảo mà Phật đã chế ra để cứu vớt những kẻ sắp chết đuối trong biển đời là toàn thể chúng ta.

2.- Khi đã phát-nguyện quy-y, mình dễ giữ đúng lời đã hứa, vì có sự chứng minh của Chư Phật và Chúng Tăng.

Có người nói : "Tôi tôn sùng đức Phật, vì biết Ngài là một đấng sáng-suốt hoàn-toàn ; tôi trọng

Pháp vì biết Pháp Phật có đủ năng-lực đưa người đến giải-thoát ; tôi kính Tăng vì biết đây là những vị đại-diện của Phật. Biết như thế cũng đủ, cần gì phải làm lễ phát-nguyện quy-y?"

Nói như thế là chưa hiểu giá-trị về phương-diện tâm-lý của lời hứa, lời thề trước mặt người khác. Khi chúng ta đã hứa với ai một điều gì, mà nuốt lời hứa, thì tâm-hồn chúng ta bức-rức, hối-hận không an. Đã hứa tất có bổn-phận làm trọn lời hứa, nếu thất lời hứa, tất ta sẽ tự khinh ta. Nhất là khi lời hứa, lời nguyện ấy lại cử hành trong một khung-cảnh trang-nghiêm trước điện Phật, trên có sự chứng tri của chư Phật, dưới có sự chứng tri của chư Tăng, chung quanh có sự hộ niệm của những thân bằng quyến thuộc ; phát-nguyện trong khung-cảnh ấy, tất nhiên chúng ta khó lòng mà trái lời nguyện, hay xao-lãng nó được.

Vậy đã biết Tam-bảo là quý, tất nhiên ta phải quy-y Tam-bảo và cử hành lễ quy-y một cách trang-nghiêm mới được.

C.- KẾT LUẬN :

**Khuyên tín-đồ nên quy-y cả sự
lấn lý và tinh tiến trong sự quy-y**

Chúng ta đã thấy, là Phật-tử thì phải quy-y. Quy-y phải đủ Sự và Lý. Không nên hoàn-toàn ý-lại bên ngoài mà xao-lãng bên trong. Cũng

không nên hoàn-toàn tự tôn tự trọng riêng mình mà khinh thị bên ngoài. Muốn quy-y thì trước tiên phải long-trọng làm lễ quy-y để đánh dấu bước đi đầu tiên của mình trên đường giải-thoát. Lễ ấy như là lễ tiễn đưa một người ra đi nhận một nhiệm-vụ mới. Nhưng một khi đã đặt chân lên đường, thì người ấy phải giông-ruổi, quyết tiến mau cho đến đích, chứ không phải chần-chờ, quay đi lộn lại một chỗ, hay rẽ qua một ngã khác. Đã phát-nguyện quy-y mà không theo dấu chân của đức Phật đã để lại, không soi vào gương sáng của đức Phật đã nêu cao, không theo giáo-pháp mà rèn luyện tâm tánh; không giữ giới luật, không vâng lời nhắc nhở của chư Tăng, như thế là tự lừa dối mình và lừa dối người khác, và cái tai hại lại càng lớn lao hơn cả không quy-y.

Trái lại, nếu chúng ta quy-y và thực-hành đúng như lời đã phát-nguyện thì con đường giải-thoát dù xa, cũng sẽ có ngày thấy đích.

Xin hãy nhớ luôn lời nói cuối cùng của Phật:
— "Hãy tinh-tấn lên để giải-thoát !".

HOÀNG-PHÁP

BÀI THỨ NĂM

NGŨ-GIỚI

A.- MỞ ĐỀ :

Sau khi quy-y Tam-bảo rồi, người Phật-tử tại-gia phải sống đúng theo quy-luật mà đức Phật đã chế ra, để tiến bước trên đường Đạo. Quy-luật ấy là Ngũ-giới. Người theo đạo Nho phải sống đúng theo Tam-cương, Ngũ-thường, thì người theo đạo Phật cũng phải sống theo Tam-quy, Ngũ-giới. Người theo đạo Nho không thể theo Tam-cương mà bỏ Ngũ-thường, thì người theo đạo Phật cũng không thể chỉ thọ Tam-quy mà không trì Ngũ-giới.

Người đã phát tâm quy-y Tam-bảo là đã bước chân lên nấc thang giải-thoát, nhưng nếu không giữ năm giới là chỉ mới bước một nấc đầu rồi dừng lại, không thể tiến đến giải-thoát thật sự được.

Năm giới này không những đưa người mạnh tiến trên đường giải-thoát, mà còn đem lại trật-tự, an-vui, hòa-bình cho gia-đình, quốc-gia, xã-hội nữa. Ngũ-giới chính là giềng mối chắc thật tạo hạnh-phúc cho cá-nhân và đoàn-thể, chính là ông thầy ngăn ngừa chúng ta làm điều

xăng-bậy trong thời mạt-pháp. Vì thế, đức Phật Thích-Ca đã có lời di-chức khản-thiết sau đây trước khi Ngài nhập Niết-bàn :

— "Sau khi ta diệt-độ, các người tu-hành phải tôn-kính giới-luật làm thầy ; dầu cho ta còn tại-thế để dạy-dỗ các người mấy ngàn đời đi nữa, ta cũng không thêm điều nào ngoài giới-luật ".

Giới-luật Phật chế ra thì rất nhiều, vì cần phải áp-dụng cho nhiều hạng người tu-hành : Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di, Sa-di-ni. Riêng đối với hàng Phật-tử tại-gia, thì chỉ có năm giới mà thôi. Nhưng nếu giữ được năm giới ấy thì lợi-ích cho mình, cho người không xiết kể.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- ĐỊNH NGHĨA

Ngũ-giới là năm điều ngăn cấm mà Phật đã chế ra, để ngăn những tưởng-niệm ác, nói năng chẳng lành, hành-động bất chính. Năm điều răn ấy là : Không được giết hại, không được trộm cướp, không được tà-dâm, không được nói dối, không được uống rượu. Năm điều này y cứ trên tâm từ-bi, bình đẳng trên phương-diện dứt trừ tội-lỗi cá-nhân và đem lại trật-tự, an vui cho xã-hội mà thành-lập. Đức Phật không bắt buộc chúng ta phải triệt-đề tuân theo và cũng không hăm dọa nếu chúng ta không tuân theo thì phải

bị Ngài trừng phạt. Sự giữ hay không giữ giới là hoàn-toàn do chúng ta tự liệu lấy. Đạo Phật khác với các tôn-giáo khác chính là ở điểm đức Phật không phải là một quan Tòa tối cao giữ quyền thưởng phạt. Một ý-nghĩ, một lời nói, một hành-động tốt hay xấu chính đã mang theo nó một cái mầm thưởng phạt rồi. Đức Phật chỉ là một vị dẫn đường rất từ-bi và rất sáng-suốt. Ngài chỉ cho chúng ta con đường nào là con đường sáng và con đường nào là con đường nguy-hiểm không nên đi.

Nhưng nếu chúng ta không theo con đường sáng mà lại muốn đi vào con đường nguy-hiểm, thì tất-nhiên chúng ta sẽ gặp tai-họa tự-nhiên, chứ Phật không tạo ra tai-họa để trừng phạt chúng ta. Tòa-án chính là luật nhân-quả. Ta làm ác thì ta bị quả xấu ; ta làm thiện thì ta được quả tốt. Năm giới chính là năm thành trì ngăn chặn cho ta đừng đi lạc vào đường ác, là năm hàng rào ngăn chặn cho ta khỏi rơi xuống vực sâu, trong khi ta đi trên con đường giải-thoát.

II.- NĂM GIỚI

1.- Không được giết hại.

Điều răn cấm thứ nhất mà Phật khuyên chúng ta là không được giết sanh-mạng, từ loài người cho đến các loài vật. Sanh mạng có một giá-trị quý báu, nhất là sanh mạng người ; giết

hại sanh-mạng kia để tô bồi sanh mạng này là một điều ác, không hợp lý đạo.

Phật-giáo căm sát-sanh bởi nhiều lý-do :

a) *Tôn-trọng sự công-bằng.*—Chúng ta coi sanh mạng mình là quý, là một của báu tuyệt-dối. Nếu ai mưu hại, là mình chống trả triệt-để bảo-vệ sanh mạng. Mình đã biết quý-trọng thân mạng mình, tại sao lại muốn chà đạp sanh mạng người ? Suy rộng ra, các loài vật cũng biết quý-trọng mạng chúng. Như khi một con bò hay con heo sắp bị đập đầu, thọc huyết, ta thấy sự phản-kháng mãnh-liệt, sự đau thương cùng cực của chúng, bằng những tiếng kêu gào, những cái giẫy-giụa thoát chết ! Theo lẽ công-bình, điều ta không muốn ai làm cho ta, thì ta cũng đừng làm cho người khác hay loài khác. Phật dạy: "Ai ai cũng sợ gươm đao, ai ai cũng sợ sự chết. Vậy nên lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết !".

b) *Tôn-trọng Phật-tánh bình-dẳng.*— Chúng-sanh mỗi loài tuy thân hình khác nhau, mà vẫn đồng một Phật-tánh. Phật-tánh đã bình-dẳng thì không thể viện một lý-do gì để nói rằng Phật-tánh ở người có giá-trị hơn ở vật, ở giai-cấp này, màu da này có giá-trị hơn ở giai-cấp kia, màu da kia. Sát hại một sanh-vật là sát hại Phật-tánh.

c) *Nuôi-dưỡng lòng từ-bi.*—Lòng từ-bi của đức Phật xem mọi loài như con, nên Ngài không đồng ý cho đệ-tử Ngài sát hại sanh vật, bất cứ trong trường hợp nào. Bởi vì đem tâm giết hại sanh-mạng là lòng độc-ác đã cực thịnh, tâm từ-bi bị bóp chết. Nhân tâm vô cớ giết một con vật, tính bạo-ác không kém giết một con người. Nhân tâm làm cho kẻ khác hay vật khác phải giãy-giụa, rên-siết, quằn-quại trong máu đào, trong lệ nóng trước khi trút hơi thở cuối cùng, là tự giết lòng từ-bi của mình, là bóp chết cái mầm thương yêu rất quý-báu trong tâm-hồn chúng ta. Như thế, khó mà tu-hành để thành chánh-quả được. Đức Không-tử có dạy: "Vấn kỳ thanh bất nhân kiến kỳ thực, kiến ký sanh bất nhân kiến kỳ tử". (Nghe tiếng kêu la của con vật, không nỡ ăn thịt nó; thấy nó sống, không đành thấy nó chết). Như vậy, người có tâm từ-bi hay lòng nhân đều không nỡ sát-hại người hay vật.

d) *Tránh nhân-quá báo-ứng oán-thù.*—Khi ta giết một người hay một con vật thì sự oán-hận của họ tràn trề khó dập tắt được. Họ vì cô-thế, vì yếu sức nên bị ta giết hại. Trong khi ấy, họ ôm lòng căm hận, chờ gặp dịp báo-thù, hay con cái, thân-nhân họ sẽ báo-thù lại. Cứ thế, mỗi ngày ta đều gieo căm-hờn cho người và vật, tích lũy lâu ngày, khối oan-gia ấy to hơn sức ta, chừng ta sẽ bị nó sát-hại lại. Càng tạo nghiệp

sát, càng lao mình vào vòng đau-khổ. Phật dạy: "Người thường sanh tâm sát-hại, càng tăng-trưởng nghiệp khổ, mãi xoay-và trong sanh-tử, không có ngày ra khỏi", (Kinh Lăng-già).

Lợi ích của sự không giết hại

Vì những lý-do trên, đức Phật cấm Phật-tử giết hại. Không giết hại, sẽ có những điều lợi sau đây:

a) *Về phương-diện cá-nhân.*—Một người không tàn-nhân sát nhân, hại vật, không độc-ác làm đổ máu, không lột da, xẻ thịt, chặt đầu, thắt cổ, thì trong lòng không bức-rút, hối-hận, thân tâm được nhẹ-nhàng, thư-thới, giấc ngủ được an-lành, nét mặt được hiền-hòa, trong sáng.

b) *Về phương-diện xã-hội.*—Nếu tất cả nhân-loại trên thế-giới này đều giữ đúng giới thứ nhất của Phật dạy đây, thì chiến-tranh sẽ không có, mà các nghiệp sanh-tử luân-hồi cũng được giải-thoát. Cho nên Tổ xưa có dạy :

Nhứt thiết chúng-sanh vô sát nghiệp,

Thập phương hà xứ động đao binh.

Gia gia, hộ hộ đồng tu thiện,

Thiên-hạ hà sâu bất thái bình.

Nghĩa là :

Hết thầy chúng-sanh không nghiệp giết,

Mười phương nào có nổi đao binh.

*Mỗi nhà, mỗi chôn đều tu thiện,
Lo gì thiên-hạ chẳng thái-bình.*

Hạn chế : Vẫn biết giết hại là tạo nhân khổ, nhưng người tại-gia còn ăn mặn, còn làm công kia việc nọ, thì khó tránh khỏi phạm giới sát. Ở đây không bắt-buộc chúng ta phải giữ triệt-đề như thế, chỉ cần giữ phần quan-trọng là không giết người, và các con vật lớn như : trâu, bò, ngựa, chó, heo...

Còn những con vật nhỏ, nếu tránh giết được bao nhiêu thì quý bấy nhiêu. Chúng ta nên đi từ từ thì chắc chắn hơn. Nhất là không nên giết hại sinh-vật một cách vô-lý, giết để thỏa lòng thích giết.

Trong khi giữ giới sát, chúng ta nên đề-phòng hai điều sau đây :

a) Không nên để cho ác ý sanh-khởi. Giết một con vật lớn mà vì vô-ý hay vì tự-vệ, thì cái quả của nó còn nhẹ hơn là giết một con chuồn-chuồn với cái ác ý muốn giết cho vui tay.

b) Nên tránh sự huân-tập trong hoàn-cảnh giết hại : Những đứa bé lên 3, lên 5 ra sân gặp chuồn-chuồn, bướm-bướm chụp bắt rồi ngắt cánh, rút đầu, nếu cha mẹ thấy mà không la-rầy ; đến 12, 13 tuổi, chúng sắm ná, giàng thun bắn chim, đến 20, 25 tuổi, chúng đâm hòng heo, giết chó, vẫn không bị ngăn-cấm thì sau này, quen với tánh hung bạo, trong cơn giận dữ,

chúng có thể giết người không góm tay. Vậy không những chúng ta không nên để tự-do cho con cái quen với sự giết hại sinh-vật, mà cũng không nên cho chúng mục-kích những cảnh chém giết ở các rạp chiếu bóng hay ở giữa đời.

2.- Không được trộm cướp.

Ai cũng biết trộm cướp là lấy những vật thuộc quyền sở-hữu của người, mà không có sự ưng-thuận, hay cưỡng ép người ta ưng-thuận bằng võ-lực hay quyền-hành. Những vật quý giá như nhà cửa, ruộng vườn, tiền bạc, ngọc-ngà... cho đến vật hèn mọn như lá trà, trái ớt v.v... người ta không cho mà mình cố lấy đều là trộm cướp.

Trộm cướp có nhiều hình-thức : Ý mạnh bề đảng giựt ngang của người là ăn cướp ; cậy thế ý quyền làm tiền kẻ yếu là ăn cướp ; bắt chẹt người ta trong lúc túng thiếu để cho vay nặng lời, cầm bán với giá rẻ mạt là ăn cướp ; tích-trữ đầu cơ để bán giá chợ đen là ăn cướp. Dùng mưu-mẹo rình rập, lén lút lấy của người là ăn trộm ; cân non, đong thiếu, trốn xâu, lậu thuế, được của người ta mà không tìm cách trả lại cũng là ăn trộm. Có thể nói tóm một câu là : bất cứ hình thức nào, do lòng gian-tham lấy của người bất chính đều là trộm cướp cả.

Nếu vì nghèo-nàn túng thiếu, vợ ốm con đau, thiếu gạo thiếu thuốc, nên phải buộc lòng

gian-xảo, thì tội còn được châm-chế ; chứ đã giàu có, ăn sung mặc sướng, lên xe xuống ngựa mà còn lường-gạt người lấy của, cướp công, để sống một cách vương-giả trên mồ hôi nước mắt của kẻ nghèo đói, thì tội ác thật nặng nề !

Vì lý do gì Phật cấm trộm cướp ? Phật cấm trộm cướp vì những lý-do sau đây :

a) *Tôn trọng sự công-bằng* : Chúng ta không muốn ai lấy của mình, tại sao mình lại chăm chăm muốn đoạt của người ? Quyền sở-hữu cá-nhân của ta, ta biết tôn-trọng, thì tại sao ta lại chà đạp lên quyền sở-hữu của người ? Làm như thế là trái lẽ công-bằng. Một xã-hội mà thiếu công-bằng thì không thể tồn tại lâu dài được.

b) *Tôn-trọng sự bình-đẳng*. — Mỗi người đều có Phật-tánh như nhau, tại sao ta lại muốn làm khổ người khác để ta được sung sướng ? Tại sao ta lại muốn hưởng những đặc-ân bất chính trong khi ta cũng chỉ là một con người như bao nhiêu con người khác ?

c) *Nuôi dưỡng lòng từ-bi*. — Một khi vô ý đánh mất một vật gì hay một số tiền, ta dầu-dầu buồn khổ, ăn không ngon, ngủ không yên, tại sao ta lại nỡ tâm lấy của người để cho người phải khóc than, đau-khổ vì ta ? Người ta thường nói: " Tiền tài là huyết mạch ". Như vậy, kẻ cướp đoạt của người tức là cướp đoạt xương máu

người, sát-hại sinh-mạng người vậy. Chỉ những người không có lòng thương người, tán tận lương-tâm mới làm những việc đen tối như vậy. Còn ta, đã là Phật-tử, đang cố gắng nuôi dưỡng lòng từ-bi, ta không thể trộm cướp của ai được.

d) Tránh nghiệp-báo oán-thù. — Trong xã-hội có tổ- chức, tôn-trọng lẽ công-bằng, thì tội trộm cướp bao giờ cũng bị trừng-trị. Ăn trộm thì bị đưa ra tòa-án tiêu-hình, ăn cướp thì ra tòa-án đại-hình. Khi chưa bị bắt, kẻ trộm cướp phải tìm trăm phương ngàn kế để trốn tránh, sống chui-rúc trong bóng tối. Khi bị bắt, người trộm cướp phải bị trói buộc, tra-khảo, ngồi tù, nhốt khám. Phận mình đã dành cực thân khổ trí, lại làm cho gia-đình mình, cha mẹ, vợ con cũng buồn-rầu, xấu hổ, và mất hết cả hy-vọng ở tương-lai.

Nhưng nếu luật-pháp thế-gian không trừng trị, thì người trộm cướp cũng không thoát khỏi luật nhân-quả nghiệp-báo. Trộm cướp của người thì sẽ bị người trộm cướp lại, gây bao thù-oán khổ-đau. Phật dạy : " Người tham-luyến sắc tài không chịu rời bỏ, cũng như đứa bé luyến-tiếc một chút mật dính trên lưỡi dao, thè lưỡi liếm, phải bị cái họa đứt lưỡi " (kinh Tứ-thập-nhi chương). Chính thế, vì tham tiền của, lắm người đã tự gieo mình vào

khám-đường, vào địa-ngục. Chúng ta hãy lắng nghe bài kệ cảnh-tĩnh của vua Trần-thái-Tông :

**Tạc bích xuyên tường ý bất hư,
Thiên ban bách ké, khổ vinh cầu ;
Kim sanh cầu đắc tha nhưn vật,
Bất giác chung thiên thọ mã ngư.**

Dịch :

*Khoét vách soi tường chỉ những dâu,
Ngàn mưu trăm kế luống tham cầu ;
Của người dẫu có đời nay được,
Đời khác luôn luôn kiếp ngựa trâu.*

Vì những lý-do trên, nên đức Phật cấm đệ-tử trộm cướp.

Lợi-ích của sự không trộm cướp

a) *Về phương-diện cá-nhân.* — Người không gian tham thì đời sống hiện-tại được an-ôn, không bị đòi hỏi, giam-cầm, tù-tội, đi đâu cũng được người khác tin-cậy, giao-phó cho mình những địa-vị quan-trọng. Người không gian tham thì đời sau được hưởng phước báo giàu-sang, an-vui, và con cháu nhiều đời cũng nhờ thừa hưởng âm-chất của ông bà, cha mẹ mà được vinh-hiến.

b) *Về phương-diện đoàn-thể.* — Nếu một ngày nào trong xã-hội không ai có tâm gian tham, trộm cướp thì nhà không cần đóng cửa, của khỏi

giữ-gìn, vật đánh rơi không mất, thật không còn gì sung-sướng hơn ! Người ta khổ bởi không có của, nhưng kẻ có của nhiều cũng vẫn khổ, vì phải lo giữ-gìn. Người không trộm cướp tức là đã âm-thầm ban cho người khác sự an-ôn rồi.

Nhà Nho có câu : " Nhơn phi nghĩa bất giao, vật phi nghĩa bất thủ ". Huống chúng ta là Phật-tử lại đi trộm cướp hay sao ?

3.- Không được tà dâm.

Tà-dâm tức là muốn nói về sự dâm-dục phi lễ, phi pháp. Luật dạy người xuất-gia ly tục phải dứt hẳn dâm-dục, còn người tại-gia thì không được tà-dục. Khi vợ chồng có cưới hỏi đủ lễ gọi là chánh ; ngoài ra, lén-lút lang-chạ làm việc phi-pháp gọi là tà. Nhưng nếu vợ chồng chánh-thức đi nữa, mà ăn nằm không phải chỗ, gần-gũi nhau không chừng mực thì cũng thuộc về tà-dâm cả. Đó là nói về mặt thô-thiền. Nói một cách vi-tế hơn, thì phạm những sự phóng tâm đắm sắc, nghĩ ngợi bất chánh, chơi bời lả-loi, cũng đều thuộc về loại tà-dâm cả.

Phật cấm tà-dâm vì những lý-do sau đây:

a) *Tôn trọng sự công-bình.*— Mỗi người ai cũng muốn gia-đình mình đầm ấm yên-vui, vợ con mình đoan-chánh, thì sao lại đi phá hại gia-cang, làm nhục-nhã tông-môn người, đưa vợ con người vào con đường dâm-loạn.

b) *Bảo-vệ hạnh-phúc gia-đình.*— Không gì

đau-khổ, đen tối hơn, khi một gia-đình mà người chồng hoặc vợ có dạ riêng tư, tà-vạy. Hạnh-phúc đâu còn, khi chồng vợ không tin nhau ! Khi một gia-đình lâm vào cảnh ấy, thì con cái sẽ xấu-hổ, bê-tha, côi-cút, bà con không đoái-hoài đến, sự nghiệp tan tành, làng xóm chê-bại, danh-giá hoen-ố. Điều - kiện thiết - yếu để giữ vững hạnh-phúc gia-đình chính là lòng chung-thủy của hai vợ chồng. Người ta thường bảo : "Thuận vợ thuận chồng, tát bể đông cũng cạn". Vì sự tà tâm của một trong hai người bạn đường mà trong gia-đình thường xảy ra những sự ghen-tương, cãi-vã, đánh-đập có khi đến gây án-mạng. Có khi, để trả thù, người ta thường thấy xảy ra cái cảnh "ông ăn chả, bà ăn nem". Một người chồng để tâm dòm ngó vợ con người, thì chính vợ con họ cũng lăm-le vạch rào sang nhà kẻ khác rồi. Họ phá hạnh-phúc gia-đình người, thì chính hạnh-phúc gia-đình họ cũng đã tan rã trước.

Cho nên cấm tà-dâm là một điều-kiện cần-thiết để xây-dựng hạnh-phúc cho gia-đình mình và gia-đình người.

c) *Tránh oán-thù và quả-báo xấu xa.*— Phật dạy : "Người ôm lòng ái-dục cũng như kẻ cầm đuốc đi ngược gió, quyết bị nạn cháy tay" (kinh Tứ-thập-nhi chương). Thật vậy, người ta có tâm xấu xa dấm mê sắc-dục, không sớm thì chầy quyết bị hại : nếu không tan nhà mất nước, thì cũng gãy chân mất mạng bởi mũi

súng, ngọn guom. Xưa nay những kết quả thảm-khốc đen tối do sự đắm mê sắc-dục gây ra không thiếu gì ; chúng ta chỉ cần đỡ những chồng sách lịch-sử hay chồng báo hằng ngày, sẽ thấy nhan-nhân trong mỗi trang, mỗi đoạn.

Trong các sự oán-thù, không có sự oán-thù nào mãnh-liệt bằng sự oán-thù do sự lừa dối phụ rẫy về tình-ái gây ra. Các cuộc án-mạng xảy ra hằng ngày, phần lớn là kết-quả của tà-dâm.

Lợi ích của sự không tà-dâm

Vì thế nên sự giữ giới cấm tà-dâm sẽ có những lợi-ích sau đây :

a) *Về phương-diện cá-nhân.*— Kinh Thập-thiện nói: "Người thế-gian không tà hạnh thì được hưởng bốn điều lợi như sau :

- Sáu căn (tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý) đều được vẹn-toàn.
- Trọn đời được người kính-trọng.
- Đoạn trừ hết cả phiền-lụy khuấy nhiễu.
- Cuộc tình - duyên trọn đời không ai dám xâm-phạm".

b) *Về phương-diện đoàn-thể.*— Trong một xã-hội mà ai cũng không tà-hạnh, thì gia-đình được yên-vui hạnh-phúc, những sự thương luân bại lý sẽ tiêu tan, những cảnh thù hiềm, chém giết không xảy ra nữa ; con cái được mạnh khỏe, nâng niu, xã-hội sẽ cường-thịnh.

Nói tóm lại, cõi Ta-bà ô-trọc, đau-khổ này sẽ biến thành thế-giới thanh-tịnh, an-vui.

4.- Không được nói sai sự thật.

Nói sai sự thật có 4 cách : Nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung-ác.

a) *Nói dối hay nói láo*, là nói không thật, chuyện có nói không, chuyện không nói có ; việc phải nói trái, việc trái nói phải ; điều nghe nói không nghe, điều không nghe nói nghe ; hoặc giả trước mặt khen dôi, sau lưng chê mạt ; hay là khi ưa thì dụ ngọt thơm tho, khi ghét lại đấng cay chua chát. Tóm lại, ý nghĩ lời nói việc làm trước sau mâu-thuẫn, trên dưới khác nhau, trong ngoài bất nhứt, đều thuộc về nói dối cả.

b) *Nói thêu-dệt*, là việc ít xích cho nhiều, làm cho người nghe nói sân-hận ; là trau-tria lời nói, chuốt ngót giọng hay, lên hơi xuống giọng cho êm tai mát dạ để cám dỗ người nghe, làm cho người say-mê đắm-nhiễm ; cũng có khi là nói biếm, nói bâm, nói châm, nói chích làm cho người nghe phải khổ-sở. Tóm lại, bao nhiêu lời nói không đúng nghĩa chân-thật, thêm bớt, cho đến văn-chương phù-phiếm, bóng bẩy làm cho kẻ nghe phải loạn tâm, sanh phiền-não, đều gọi là nói thêu-dệt cả.

c) *Nói lưỡi hai chiều*, hay nôm-na hơn, là nói "đòn xóc nhọn hai đầu", nghĩa là đến chỗ này thì về hòa với bên này để nói xấu bên kia, đến bên

kia thì về hòa với bên ấy để nói xấu bên này, làm cho bạn bè đang thân nhau trở lại chống nhau, kẻ ân người nghĩa chống đối, oán-thù nhau.

d) Nói lời hung-ác, là nói những tiếng thô-tục, cộc-cằn, chửi rủa, làm cho người nghe phải đau-khổ, buồn-rầu, sợ-hãi.

Vì sao Phật cấm nói sai sự thật ? — Phật cấm nói sai sự thật vì những lý-do sau đây :

a) Tôn-trọng sự thật.—Đạo Phật là đạo như thật ; người tu theo đạo Phật phải tôn-trọng sự thật. Người quen với dối-trá, không thiết tìm sự thật thì khó có thể chứng quả được. Chúng ta đang sống trong vọng-tưởng, công việc chính của người tu-hành là cố-gắng phá tan vọng-tưởng ấy để thấy được bản-nguyên ; nếu không làm được như thế mà trái lại còn chông chất thêm cái vọng-tưởng ấy với những sự dối-trá lừa-phỉnh nữa, thì thật là vô cùng trái đạo.

b) Nuôi dưỡng lòng từ-bi.— Cái động-lực chính của sự dối-trá là lòng ích-kỷ, ác-độc, muốn hại người để thỏa lòng dục-vọng đen tối của mình. Người bị lừa-dối, phỉnh-gạt phải đau-khổ vì mình, có khi phải mắc thù vương oán, có khi phải tan gia bại sản. Người tu-hành mà làm như thế là đã tán tận lương-tâm, đã bóp chết tình thương trong lòng họ rồi. Một khi lòng từ-bi không có nữa, nghĩa là cái động-lực chính đã

mất, thì sự tu-hành chỉ còn là giả-dối, lừa-bịp người, và tất nhiên không bao giờ có kết-quả tốt.

c) *Bảo-tồn sự trung-tín trong xã-hội.*— Trong một gia-đình, một đoàn-thể, một xã-hội mà không ai tin ai, thì mọi công cuộc từ nhỏ đến lớn đều thất-bại. Trong đạo Nho, một trong 5 đức-tánh căn bản là lòng tin. "Nhơn vô tín bất lập", đó là lời dạy của Khổng-Tử. Hạnh-phúc gia-đình và xã-hội không thể có được trong sự dối-trá, nghi-ngờ, đổ-ky.

d) *Tránh nghiệp báo khổ-đau.*— Lời nói tuy không phải là lưỡi kiếm, nhưng nó nguy-hiêm hơn lưỡi kiếm, vì nó có hai mũi nhọn, một mũi đâm vào người khác và một mũi đâm vào chính người xử-dụng nó. Ai ai chắc cũng chưa quên câu chuyện thằng bé chăn cừu muốn đánh lừa hàng xóm, bằng cách la "Lừa ! Lừa !", nhưng nó chỉ phỉnh người được một lần ; lần sau, nhà nó cháy thật, mặc dù nó kêu la thảm-thiết cũng không ai thềm đến chữa nữa. Đây, người dối-trá chỉ gây họa cho mình. Do đó, Phật dạy : "Phù sĩ xử thế phủ tại khẩu trung, sở dĩ trảm thân do kỳ ác ngôn", nghĩa là : Phạm kẻ ở đời, lưỡi búa bén nằm sẵn trong miệng, sở dĩ chém mình là do lời nói ác. Đã đành nói ly-gián, nói xuyên-tạc là để hại người, nhưng khi đã làm hại người thì thế nào người cũng hại lại mình. "Ác lai ác báo" là thế. Để tránh sự thù-hằn, tránh

nghiệp dữ, chúng ta không nên dối-trá, điều-ngoạ.

Lợi-ích của sự không dối-trá

a) *Về phương-diện cá-nhân.*— Được người trọng-nề, tin cậy, không ai oán-hận thù-hiềm ; đi đâu cũng được người chung quanh dành cho một địa-vị thân tín, niềm nở đón tiếp. Trong nghề-nghiệp làm ăn, người chân-thật được nhiều thân chủ, và được giao phó cho nhiều trọng-trách quý-báu.

b) *Về phương-diện đoàn-thể.*— Gia đình và xã-hội được đoàn-kết trong sự tin-cậy. Mọi công-kuộc chung được xúc tiến có kết-quả tốt. Đồng-bào thương yêu, thông-cảm nhau hơn.

Hạn chế : Nói dối là một tai-họa lớn-lao cho mình và xã-hội. Tuy nhiên, cũng có vài trường-hợp nên nói dối. Đó là khi nào vì lòng từ-bi mà phải nói dối để cứu người hay vật. Nói dối phạm tội là trong trường-hợp do lòng tham, sân làm động-cơ thúc-đẩy. Ngược lại, nếu do lòng từ-bi thúc đẩy mà phải nói dối, thì không phạm tội.

5.- Không được uống rượu.

Tất cả những thứ có chất men làm say người, hay chất độc hại người đều không được uống. Chính mình không uống đã đành, mà cũng không được ép nài người khác uống. Ép nài, khuyến-khích người khác uống, tội lại nặng

hơn cả chính mình uống nữa. Lúc lâm bệnh nặng, uống các thứ thuốc không lành, lương-y bảo phải dùng rượu hòa vào thuốc, thì tạm được dùng. Nhưng trước khi dùng phải bạch cho chúng Tăng biết, Khi hết bệnh, không được tiếp tục uống thuốc có hòa rượu ấy nữa.

Vì những lý-do gì Phật cấm uống rượu?

— Phật cấm uống rượu vì những lý-do sau đây :

a) *Bảo-toàn hạt giống trí-tuệ.*— Rượu còn nguy-hiêm hơn thuốc độc. Một chén thuốc độc ta uống vào chết ngay, nhưng chỉ chết một thân hiện-tại, chứ rượu uống vào, làm mất giống trí-tuệ, phải chết đi sống lại vô số kiếp. Vì thế, để bảo-toàn hạt giống trí-tuệ quý-báu, Phật cấm uống rượu.

b) *Ngăn-ngừa những nguyên-nhân sanh ra tội-lỗi.* — Rượu chính nó không phải là một tội-lỗi như sát-sanh, trộm cướp, tà-dâm, nhưng nó có thể làm nhân cho những tội-lỗi kia sanh ra. Khi đã uống rượu vào say sưa, thì tội nào cũng có thể phạm được. Dưới đây là một câu chuyện để chứng minh điều đó :

Một anh nông-phu kia đang cày ruộng giữa đồng, bỗng thấy hiện ra sùng-sùng trước mặt mình một hung-thần to lớn, kỳ dị, hăm giết anh. Anh kinh-sợ, khóc-lóc xin tha mạng. Vị hung-thần bảo :

-- Nếu người làm một trong ba việc này thì ta tha chết cho : hoặc là giết cha người, hoặc là đánh mẹ người hay uống hết lít rượu để trên bàn nhà người.

Anh nông-phu suy-nghĩ một hồi trả lời :

— Xin Ngài cho con được uống lít rượu.

Ác thần nghe xong, có vẻ hài-lòng, rồi biến mất.

Trưa hôm ấy, anh nông-phu về nhà, thấy lít rượu mà ông thân mua để đãi khách, vì nhà sắp có giỗ, anh ta vội vàng chụp lấy, nốc cạn một hơi. Cha anh thấy đưa con hỗn láo, nắm gậy xông lại đánh mắng con. Ma men đã thấm, anh ta không còn biết phải trái, giựt gậy của cha, đánh ông một cây chết tốt ! Bà mẹ chạy đến ôm con la làng. Anh ta chưa hả cơn giận, đánh mẹ túi-bụi. Làng xóm chạy lại bắt anh dẫn lên quan vì tội giết cha đánh mẹ. Tỉnh lại anh mới biết uống rượu là tội nặng nhứt trong 3 điều mà hung-thần đã bắt anh làm.

Tóm lại, rượu gây ra rất nhiều tội-lỗi. Sau đây là 10 tai hại của rượu mà trong kinh đã nói đến :

Của cải rơi mất ;

Tăng-trưởng lòng giết hại ;

Trí-tuệ kém dần ;

Sự nghiệp chẳng thành ;

Thân tâm nhiều khổ ;
 Thân hay tật bệnh ;
 Tâm sân hận bông-bột, ưa cãi lẫy ;
 Phước đức tiêu mòn ;
 Tuổi thọ giảm bớt ;
 Mạng chung dọa vào địa-ngục.

LỢI-ÍCH CỦA SỰ CẤM RƯỢU

a) *Về phương-diện cá-nhân.*— Người không uống rượu thì tránh được 10 điều hại vừa kể trên : không mất tiền của, thân ít bệnh tật, không sinh lòng ác-độc giết hại, bớt nóng giận, trí-tuệ tăng-trưởng, tuổi thọ càng cao v.v...

b) *Về phương-diện đoàn-thể.*— Gia-đình được yên-vui, con cái ít bệnh tật, xã-hội được hòa-mục, nòi-giống được hùng-cường.

C.- KẾT-LUẬN :

1. Phật-tử không giữ giới không phải là Phật-tử.— Chúng ta đã thấy công-dụng thiết-thực và lợi-ích của năm giới về phương-diện cá-nhân và đoàn-thể. Nếu Tam-quy là nền-tảng, thì Ngũ-giới là 5 nấc thang của người Phật-tử tại-gia để bước dần lên Thánh-quả. Trong bước đầu, người Phật-tử nếu có thể phát-nguyện giữ cả năm giới thì càng tốt ; nếu vì nhiều sự ràng buộc chưa thể giữ được cả năm giới thì có thể giữ vài giới mà mình thấy có thể thực-hành

được, như : không uống rượu, không nói dối. Rồi với sự tinh-tấn và Bò-đề-tâm đồng-mãnh, ta tiếp-tục phát-nguyện giữ thêm những giới khác như không trộm cắp, không tà-dâm... Nhưng đã phát-nguyện giữ giới nào thì giữ cho trung-kiên, đừng có một bước tiến tới, hai bước thoái-lui, dưng-dằng như thế mãi thì không bao giờ đi đến đâu cả.

Nếu người Phật-tử mà không giữ được giới nào, thì sao gọi được là Phật-tử ? Người thường, không theo Phật mà còn có thể giữ đúng tư-cách như không uống rượu, không nói dối, không trộm cắp thay, huống hồ là Phật-tử ? Ta đến với đạo Phật là vì muốn vượt lên trên đời tầm thường của thế-nhân. Nếu chúng ta vào đạo rồi mà vẫn tiếp tục cuộc đời trôi nổi cũ, hay còn tệ hơn cuộc đời thường của thế-nhân, thì đó là chúng ta muốn làm hoen-ố đạo, chứ không phải là ngưỡng mộ đạo.

Cho nên, người Phật-tử phải cố-gắng giữ giới để cho xứng-đáng với danh-nghĩa của mình, để đem hạnh-phúc đến cho mình và chúng sanh.

2.- Người không theo đạo Phật cũng nên giữ giới.— Năm giới nói trên không có gì là cao-siêu, huyền-bí. Đó là một bài học công-dân thông-thường mà bất cứ một xã-hội nào, một quốc-gia nào muốn phồn - thịnh, hùng - cường cũng

không thể bỏ sót được. Cho nên 5 điều luật ấy không phải chỉ để áp-dụng riêng cho giới Phật-tử, mà còn chung cho tất cả những ai muốn sống một cuộc sống lành-mạnh, an-vui, có lẽ nghĩa và tiến-bộ.

Một xã-hội mà mọi phần-tử đều thực-hiện được 5 giới cấm ấy, thì đó là một xã-hội gương-mẫu, văn-minh nhưt thế-giới.

HOÀNG PHÁP

BÀI THỨ SÁU

SÁM-HỐI

A.- MỞ ĐỀ :

Chúng ta sống trên đời này không ai là hoàn-toàn trong sạch

Phật thường dạy : "Phàm còn xuống lên ba cõi, lăn lộn trong sáu đường, thì không một loài nào được hoàn toàn trong sạch, không một giống nào dứt hết tội-lỗi".

Thật thế, cõi đời này đã được gọi là cõi trần, thì làm sao trong sạch được ? Người ta thường nói "ở bầu thì tròn, ở ống thì dài" ; vậy thì ở trong bụi tất phải lấm bụi. Bụi đời đã lâu đời lâu kiếp phủ lên thân, lên đầu chúng ta, vào trong buồng gan lá phổi của chúng ta. Nó làm cho chúng ta mờ mắt không thấy được đường chánh ; nó làm cho chúng ta đục lòng, không thấy được chân-tâm.

Nếu chúng ta muốn sống mãi trong cảnh bụi nhơ, muốn đắm mình trong tội-lỗi, thì không nói làm gì. Nhưng khi chúng ta đã muốn được trong sạch thanh-thời, muốn trút bỏ tội-lỗi cho lòng được nhẹ nhàng, thư-thối, thì tất nhiên chúng ta phải tìm phương-pháp để trừ cho hết bụi

bặm, tẩy trừ cho hết tội-lỗi. Trong đạo Phật, phương-pháp tẩy trừ ấy gọi là Sám-hối.

B.-CHÁNH ĐỀ :

I.-ĐỊNH NGHĨA

Chữ " Sám ", tiếng Phạn gọi là Samma ; Tàu dịch là " Hối-quá ". Kinh nói : " Sám giả sám kỳ tiền khiên, Hối giả hối kỳ hậu quá ". Nghĩa là Sám là ăn-năn lỗi trước, còn Hối là chừa bỏ lỗi sau. Nếu dùng một chữ Sám hay một chữ Hối không, thì chưa đủ ý-nghĩa, nên các Tổ xưa ghép hai chữ lại thành danh-từ " Sám-hối ", dịch theo tiếng Việt là " ăn-năn chừa-lỗi "

Như thế trong chữ Sám-hối có hàm nghĩa ăn năn, hối-hận vì những lỗi lầm trong quá-khứ, bất luận là lâu mau, và bây giờ cho đến về sau, mình nguyện là không tái phạm nữa. Nếu biết lỗi cũ là bậy, bây giờ mình xin chuộc lỗi, mà sau này vẫn còn làm lại, thì không phải là đúng nghĩa Sám-hối trong đạo Phật.

II.-CÁC CÁCH SÁM-HỐI

1- Sám hối sai lầm.

Đúng ra chữ Sám-hối là danh từ riêng của Đạo Phật. Khi Sám-hối mà gọi là sai lầm, thì không phải là Sám-hối nữa rồi. Nhưng để tiện việc diễn-đạt, chúng ta hãy tạm dùng hai chữ ấy

để nói chung những cách chuộc tội ở thế-gian hay trong các ngoại-đạo.

Người thế-gian, khi có tội-lỗi với ông bà, làng nước, thường dùng trâu rượu, hay heo gà, tiền bạc để tạ tội, xin lỗi. Có khi người ta lại dùng hình-thức " doái công thực tội ", như khi phạm tội với triều-đình hay trong quân ngũ chẳng hạn. Hình-thức lấy công chuộc tội cũng có chỗ hay, nhưng chưa hoàn-hảo và còn thô-thiển. Nó chỉ áp-dụng để đối phó với bên ngoài, chứ trong trường-hợp những tội-lỗi xảy ra trong nội tâm của chúng ta, những tội-lỗi rất vi-tế rất sâu-xa, thì khó có thể mà áp-dụng được hình-thức nói trên.

Trong các ngoại-đạo, người ta cũng có dùng nhiều hình-thức chuộc tội : như có đạo dùng máu thú vật để xin rửa tội với thần linh ; có đạo chủ-trương xuống tắm ở những sông, suối mà người ta cho là linh thiêng thì hết tội ; có đạo lại đem phẩm vật để xin Thánh-thần xá tội ; có đạo lại chủ-trương khô-hạnh, ép xác như đánh đập thân mình, nhịn đói khát, chịu nóng rét, nằm gai nệm mật để được giải - thoát tội-lỗi.

Những cách chuộc tội như thế đều sai lầm hết. Tội lỗi thuộc về tâm-lý, không có hình tướng. Vậy thì làm sao có thể lấy vật-chất như nước, máu huyết, phẩm vật hay xác thân để làm cho sạch tội được.

2.- Sám-hối chân chính

Đức Phật dạy rằng : Tội-lỗi do tâm của người tạo ra, không ai có quyền thưởng phạt được. Kẻ gieo giống xấu thì ăn trái dở, người trồng giống quý thì hưởng quả ngon. Tội-lỗi đã từ tâm tạo, thì cũng phải từ tâm mà sám. Lời nói thật rõ-ràng, chí lý, hợp với thực-nghiệm. Vậy chúng ta muốn hết tội, phải y theo những pháp Sám-hối chân-chánh của Đạo Phật mà thật hành. Trong đạo Phật, có 4 pháp sám-hối sau đây, có pháp thuộc về sự, có pháp thuộc về lý :

- Tác-pháp sám-hối (sự).
- Thủ-tướng sám-hối (sự).
- Hồng-danh sám-hối (sự).
- Vô-sanh sám-hối (lý).

a) Tác-pháp sám-hối : Pháp sám-hối này thuộc về sự, phải lập giới đàn và thỉnh thanh-tịnh Tăng chứng-minh, nên gọi là tác-pháp. Khi vào giới-tràng, mình phải thành thật tỏ bày tội lỗi một cách thành khẩn, chí tâm ăn-năn và nguyện về sau không tái phạm nữa. Một lòng thành kính sám-hối như vậy, khi giới-thê được thanh-tịnh, tức là hết tội.

b) Thủ-tướng sám-hối : Pháp này thuộc về sự và khó hơn pháp trước. Phật chế pháp này, là pháp sám-hối thuộc quán-tướng, cho những

người tu-hành có trình độ cao, hoặc ở chỗ không có Tăng, hay có, nhưng không được thanh-tịnh.

Muốn tu pháp này, hành-giả phải đến trước tượng Phật hay Bồ-tát, thành tâm lễ bái, trình-bày những tội-lỗi đã phạm, và nguyện ăn-năn chừa bỏ. Làm như thế từ một ngày, ba ngày, bảy ngày, 49 ngày, và mãi cho đến khi nào thấy được hảo-tướng : như thấy hào-quang, hoa sen báu, thấy Phật, Bồ-tát đến xoa đầu v.v... thì mới thôi.

c) Hồng-danh sám-hối : Pháp Hồng-danh sám-hối này cũng thuộc về sự, do Ngài Bất-Động Pháp-sư đời Tống bên Trung-hoa soạn ra. Ngài rút 53 danh-hiệu Phật trong kinh "Ngũ Thập Tam Phật" tức là từ đức Phật Phổ-Quang cho đến Phật Nhứt thế Pháp-tràng Mãn-vương, và rút 35 hiệu Phật trong kinh "Quán Dược-vương, Dược-thượng" với pháp-thân đức Phật A-Di-Đà, sau thêm vào kệ Phổ-Hiền đại nguyện, thành nghi sám-hối này, tổng cộng là 108 lạ, để ám chỉ trừ 108 phiền não.

Nghi-thức sám-hối này, nếu ai chí thành kính lễ, thì sẽ diệt trừ được những phiền-não và tội-lỗi đã tạo, trong đời hiện-tại cũng như nhiều đời về quá-khứ. Đức Phật Tỳ-Bà-Thi nói : "Nếu chúng-sanh nào nghe danh-hiệu 53 vị Phật này, thì trăm ngàn ức kiếp không đọa vào ba đường ác". Đức Phật Thích-Ca nói : "Thuở xưa,

đời Phật Diệu-Quang, ta đi tu nhằm đời mạt - pháp, nhờ được nghe danh-hiệu 53 vị Phật này, và thành tâm lễ bái, mà tránh khỏi những đau khổ trong đường sanh-tử luân-hồi nhiều kiếp". Còn 35 danh-hiệu Phật sau, từ đức Phật Thích-Ca cho đến đức Phật Bửu-Liên-Hoa-Thiện-Trụ-Ta-La-Thọ-Vương, thì trong kinh Bửu-Tích nói : "Nếu tất cả chúng-sanh, hoặc phạm tội ngũ nghịch hay thập-ác, đến muôn kiếp không thể sám-hối, chỉ xưng danh-hiệu 35 vị Phật này và lễ bái, thì bao nhiêu tội chướng đều tiêu-trừ".

Hồng-danh của chư Phật có công-đức không thể nghĩ bàn như vậy, nên ngài Bất-Động pháp-sư mới soạn ra để làm nghi-thức sám-hối. Pháp Hồng-danh sám-hối, hiện nay, hầu hết các chùa đều thực-hành theo.

Về sau Ngài Từ-Vân Pháp-sư vì những người yếu-đuối hoặc không quen lạ nhiều, nên đã soạn ra một nghi-thức sám-hối, rất gọn dễ và đầy đủ ý-nghĩa, cũng gọi là pháp tiểu sám-hối, để cho Phật-tử có thể hằng ngày sám-hối tội-lỗi của mình.

d) Vô- sanh sám-hối : Pháp này thuộc về lý sám-hối, rất cao và khó, bậc thượng-căn mới có thể thực-hành được. Có hai cách sám :

— *Quán tâm vô sanh :* Nghĩa là quan-sát tự tâm mình hiện tiền không sanh. Như trong kinh

Kim-Cang nói : "Tâm quá-khứ không thể được, tâm hiện-tại chẳng có, tâm vị-lai cũng không". Quán trong ba thời-gian đều không có tâm, thì vọng niệm không từ đâu mà có, nếu vọng niệm không có, thì các tội lỗi cũng không. Kinh nói : "Tội từ nơi tâm sanh mà cũng từ nơi tâm diệt. Nếu tâm này không sanh, thì tội kia cũng chẳng còn, thế mới thật là sám-hối".

— *Quán pháp vô sanh*: Nghĩa là quan-sát thật-tướng (chơn-tánh) của các pháp không sanh. Chữ "thật-tướng", nghĩa là cái tướng ấy không sanh không diệt, không hư dối; từ xưa đến nay nó vẫn thường như thế, không bị thời-gian thay đổi, hay không gian chuyển dời, suốt xưa thâu nay, nên gọi là thật-tướng (tướng chân-thật). Nó cũng có tên là chơn-như hay chơn-tâm...

Khi nhận được thật-tướng rồi, thì các giả-tướng đều không còn. Lúc bấy giờ những tội-lỗi (giả-tướng) kia, không còn gá nương vào đâu mà tồn tại. Trong kinh Quán Phổ-hiền có chép : "Muốn sám-hối, phải quán thật-tướng của các pháp, thì tội mới hoàn-toàn tiêu diệt".

III.- PHÁT-TRIỂN HẠNH LÀNH MỚI, ĐỂ TIÊU TRỪ TỘI-LỖI CŨ

Làm lễ sám-hối xong, cần phải phát-triển những hạnh lành cho nhiều, để tiêu trừ tội-lỗi cũ.

1- Luận về tội-lỗi thời đã qua.

Những tội-lỗi xưa của chúng ta rất nhiều, có thể nói là vô số. Sự sống của chúng ta tiếp nối liên-lạc với nhau từ đời nọ đến đời kia, như một chuỗi dài vô tận. Rồi cứ trong mỗi đời, từ sanh đến tử, từ tử đến sanh, chúng ta cứ tạo thêm tội mãi. Từ cái tệ này bắt qua cái dở khác, từ cái lỗi nhỏ đi tới cái tội lớn, cái đà ấy cứ tăng tiến mãi tạo thành một sức mạnh gọi là nghiệp-lực, dắt dẫn chúng ta vào đường khổ-não, mê lầm, tức là dòng sanh-tử mà chúng ta đang thọ vậy.

Trong kinh Hoa-Nghiêm, đức Phổ-Hiền Bồ-tát nói : "Nếu tội-lỗi của chúng-sanh có hình tướng, thì tất cả hư-không cũng không thể chứa hết". Thật thế, tội-lỗi của chúng-sanh chất chồng từ muôn vạn kiếp, và truyền nối qua thời-gian, bởi di truyền, phong-tục, thói quen v.v... Chẳng hạn như tánh tham, chúng ta mới sanh, nào có ai dạy cho chúng ta đâu, thế mà chúng ta vẫn biết ! Cũng không ai bảo chúng ta giận hờn, vậy mà gặp điều gì trái ý, là chúng ta cau-có, la-lối liền. Những tánh xấu ấy có một lần với thân và rất sâu-sắc, khó dứt trừ. Trong kinh gọi chúng nó là "câu sanh phiền-não", hay "bôn hữu chủng tử", nghĩa là những hạt giống có từ lâu. Những hạt giống xấu này lại còn làm duyên sanh ra các tội-lỗi khác, mà trong kinh luận

gọi là "Phân-biệt phiền-não" hay "thử khỏi chủng-tử", nghĩa là hạt giống mới nhiệm do ảnh-hưởng thời-đại, tập-quán, phong-tục chi-phối. "Phân biệt phiền-não" thì có thể dễ trừ, nhưng "câu sanh phiền-não" rất khó trừ. Chúng như cỏ cú, đâm sâu gốc rễ rất xa; nếu người làm vườn khinh thường nó thì không dễ gì dọn đất sạch cỏ.

Cho nên chúng ta cũng không nên sám-hối lấy lệ, lấy có được ! Chúng ta phải làm sao cho:

a) Những tánh xấu kia yếu bớt dần dần, do sức mạnh của lòng thành-khẩn và chí cương-quyết;

b) Rồi dứt tuyệt các tánh xấu không cho chúng tái sanh.

Muốn dứt tuyệt chúng, mà nếu không có phương-pháp thích hợp, thì chẳng khác gì lấy đá đè cỏ : nó nằm bẹp tạm thời, nhưng khi dời đá đi, nó sẽ mọc lên mạnh-mẽ hơn trước. Phương-pháp thích hợp trong sự sám-hối là: **phát-triển hạnh lành, để tiêu trừ tội-lỗi cũ.**

2.- Phát triển hạnh lành.

Trong lòng mỗi chúng ta không phải toàn chứa đựng những tánh xấu-xa. Nếu tánh xấu đã có từ muôn đời, thì tánh tốt cũng có từ vô-thỉ. Chúng ta mỗi người đều có Phật-tánh là cái mầm của muôn hạnh lành, cái mầm ấy đã bị chôn vùi dưới bao lớp dục-vọng, si - mê. Bây giờ

muốn tiêu trừ dục vọng thì chúng ta phải tạo điều kiện, cho cái mầm Phật-tánh trở lá, lên hoa kết trái Bồ-đề. Điều-kiện làm cho mầm Bồ-đề phát-triển là những hạnh lành như Từ-bi, Hỷ-xả, Bố-thí, Trì-giới, Nhẫn-nhục, Tinh-tấn v.v... Nếu chúng ta phát-triển những tánh tốt ấy, tất nhiên những tánh xấu không có đất để mọc lên nữa.

C.- KẾT LUẬN :

Như chúng ta đã thấy ở các đoạn trên, người thế-gian hay các tôn-giáo đều có những cách thức ăn-năn ngừa lỗi cả. Song, chỉ có pháp sám-hối của đạo Phật mới dứt trừ được tội-lỗi, do chỗ lấy sự cải ác, từng thiện làm cốt-yếu.

Trong 4 pháp sám-hối của đạo Phật, có pháp về Sự, có pháp về Lý, có pháp cao, có pháp thấp. Vậy phải tùy theo căn-cơ và hoàn-cảnh của mỗi người mà áp-dụng. Người thượng-căn, thì quán pháp vô-sanh sám-hối. Người không gặp cảnh thuận-tiện, không có giới-dàn, không gặp cao Tăng, thì dùng pháp thủ-tướng sám-hối. Người được cảnh thuận-tiện có giới đàn thanh-tịnh, có cao Tăng đại-đức thì dùng pháp tác-pháp sám-hối. Còn thấy mình tội chướng nặng-nề, và thấy các pháp trên khó thực-hành được, thì cứ mỗi đêm, hay trong những bữa ăn chay và ngày sóc-vọng, tùy tiện đến chùa hoặc ở nhà chỉ

tâm lạy Hồng-danh sám-hối hoặc tiêu sám-hối cũng tốt.

Trong các pháp sám-hối của Đạo Phật, mặc dù có lạy có quỳ, có lễ bái, nhưng không phải để cầu cạnh van xin được tha tội đâu. Trong cái lạy cái quỳ ấy, có chứa không biết bao nhiêu ý nghĩa và ích lợi. Vẫn biết lạy và quỳ, nhưt là trong pháp Hồng-danh sám-hối, thật là hao hơi mệt xác, nhưng trong cái mệt xác thân, có cái vui tinh-thần, trong cái sự tướng bên ngoài có hàm cái lý nghĩa bên trong.

Thật vậy, tuy có lạy nhiều, niệm lâu, nhưng vẫn không ra ngoài những mục-dịch sau:

1.— Tìm cách thiết-thực làm cho tâm tánh con người được trong sạch, hết sự lỗi lầm ở trong đời hiện - tại, mà cũng tiêu trừ những tội ác trong đời quá-khứ.

2.— Tìm cách phát-triển những hạnh cao cả, noi theo những gương mẫu sáng-suốt của các bậc Thánh-hiền.

Tóm lại, các pháp sám-hối của Đạo Phật, nếu thực-hành một cách đúng đắn, sẽ đem lại những kết-quả quý-báu sau đây:

- Làm phát-triển tánh thành-thật.
- Trau-dồi đức tánh cương-quyết trong sự diệt trừ tánh xấu.
- Dứt được tội, sanh phước.

— Mau thẳng đến chỗ giải-thoát an vui.

Nhờ pháp sám-hối của đạo Phật, con người có thể cải hóa lòng mình tốt đẹp hơn. Nhờ pháp sám hối, con người có thể làm cho đời sống cá-nhân được hạnh-phúc, và đời sống xã-hội được hòa-bình, an-lạc.

Vậy ai là người muốn hết tội-lỗi; ai là người muốn giải-thoát sanh-tử luân-hồi; ai là người yêu chuộng chân lý, hãy cùng nhau nghiên-cứu và thực-hành các pháp sám-hối của Đạo Phật cho kỹ-lưỡng, để trước là cải thiện đời sống cá-nhân, sau là đời sống của giống hữu-tình được bớt đau khổ, và thêm an vui.

HOÀNG PHÁP

BÀI THỨ BẢY

THỜ PHẬT, LẠY PHẬT, CÚNG PHẬT

A. MỞ ĐỀ :

Xưa nay, những bậc có công ơn lớn đối với quốc-gia, xã-hội đều được tôn-sùng, ngưỡng-mộ. Sự tôn-sùng ngưỡng-mộ này do nhiều nguyên-nhân, nhưng nguyên nhân chính là lòng tri-ân và sự mong muốn được noi theo gương sáng.

Tục-ngữ ta có câu : " Ăn trái phải nhớ kẻ trồng cây, uống nước phải nhớ người đào giếng ". Lòng tri-ân là một đức-tánh quý-báu, mà những người có chút công-bằng không thể thiếu được. Một xã-hội gồm những phần tử phi-ân bội-nghĩa, ăn cháo đá bát, không có thể tồn-tại được lâu-dài, vì nó làm chán-nản những kẻ có lòng, và làm khô cạn nguồn hy-sinh. Và lại, nếu con người thấy điều tốt, người hiền mà chẳng hâm-mộ, thấy điều xấu, người ác mà không tránh xa, thì con người ấy là người thiếu căn-bản đạo-đức, thiếu mầm thiện, khó có thể tiến bộ.

Vì những lý-do trên, ta thấy trên thế-giới, bất luận ở phương trời nào, dân-tộc nào, thời-đại nào, kẻ kẻ có công-đức với làng xóm, thì được làng xóm tôn thờ, kẻ có công-đức với quốc-gia, dân-tộc, thì được quốc-gia, dân-tộc tôn-thờ, kẻ có công-đức với nhân-loại, thì được nhân-loại sùng-thượng.

Sự thờ cúng trong các tôn-giáo cũng không ra ngoài những lý-do đã kể trên. Nhưng ở các tôn-giáo, sự thờ cúng có tánh cách thường-trục và thiết-tha hơn, vì các vị giáo-chủ là những bậc có công ơn lớn đối với nhân-loại và là những gương sáng mà tín-đồ cần đặt luôn luôn ở trước mắt để soi sáng đời mình. Trong các vị giáo-chủ, thì đức Phật là vị được nhiều tín-đồ sùng-mộ nhất. Sự sùng-mộ ở đây biểu hiện trong sự thờ, lạy và cúng Phật.

B.-CHÁNH ĐỀ :

1.- Thờ Phật

1- Phật là bậc đáng tôn thờ. Phật là những bậc đã dày công tu-luyện phước-đức và trí-huệ, cho nên đã được hoàn-toàn sáng-suốt và có đầy-đủ đức-hạnh cao-quý. Các Ngài đã dùng cái đức và trí ấy để dắt-dẫn chúng-sanh ra ngoài biển khổ sanh-tử luân-hồi, và đưa đến địa-vị sáng-suốt an-vui. Trong công việc độ sanh ấy, các Ngài lại không bao giờ thối-chuyển ngã lòng mặc

dù gặp trở lực khó khăn. Các Ngài đã nguyện độ cho toàn-thể chúng-sanh, cho đến khi nào không còn một chúng-sanh nào để độ nữa mới thôi. Thật là đúng với câu : " Tự giác, giác tha, giác hạnh viên-mãn ".

Một bậc có đủ ba đức-tánh quý-báu là Bi, Trí, Dũng, ba đức-tánh căn-bản mà một con người muốn được toàn thiện, toàn mỹ, toàn chân, không thể thiếu được. Một bậc siêu phàm xuất chúng, có những lời dạy quý-báu, những cử-chỉ cao-thượng, những hành-động sáng-suốt, một đời sống gương-mẫu như Phật, mà chúng ta không tôn thờ, thì còn tôn thờ ai nữa ?

2.-Nhưng chúng ta phải thờ Phật như thế nào mới đúng ý-nghĩa. Như trên đã nói, chúng ta thờ Phật là để tỏ lòng tri-ân của chúng ta đối với một vị đã có ân-đức lớn với nhân-loại. Chúng ta thờ Phật là để có luôn luôn ở trước mặt một gương-mẫu sáng-suốt trọn lành để khuôn rập tư-tưởng, lời nói và hành-động của chúng ta được chân, thiện, mỹ như Phật vậy. Người ta thường nói : " Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng ". Chúng ta thờ Phật là muốn luôn luôn được có bên mình cái ngọn đèn trí-tuệ của Ngài, cái hương từ-bi của Ngài để được sáng lây, thơm lây, chứ không phải chúng ta có mục-đích cầu cạnh Ngài để Ngài ban phước, trừ họa, để Ngài che chở cho chúng ta mua may bán đắt một

cách bất lương, hay để chúng ta dựa vào thế lực của Ngài, tha hồ làm những điều bất chính.

Nếu chúng ta thờ Ngài với mục-dịch sai lạc như vừa nói ở trên, thì không những chúng ta đã phỉ-báng đức Phật, mà chúng ta còn tự tạo tư-tưởng không tốt cho chúng ta nữa.

3.- Phải thờ đức Phật nào ? Đức Phật nào cũng có nghĩa vô-lượng-quang, vô-lượng-thọ bao la cùng khắp và công-đức tu-hành phước trí vô lượng vô biên cả; nên hễ thờ một đức Phật là thờ tất cả các đức Phật.

Nhưng chúng ta cũng nên tùy theo thời-kỳ giáo-hóa của mỗi đức Phật và pháp-môn tu-hành mà thờ cho xứng lý, hợp cơ. Thí-dụ như hiện nay, chúng ta ở vào thời-kỳ giáo-hóa của Phật Thích-Ca-Mâu-Ni, thì lẽ cố-nhiên, chúng ta phải thờ Ngài trước hết.

Nếu tín-đồ nào tu về " Tịnh-độ-tông ", chuyên về pháp môn " trì danh niệm Phật " để cầu vãng-sanh, thì tín-đồ ấy phải thờ đức Phật A-Di-Đà.

Hoặc giả, nếu Phật-tử muốn thờ đủ tất cả các đức Phật trong ba đời, thì nên thờ đức Thích-Ca, Đức A-Di-Đà và đức Di-Lặc, gọi là thờ " Tam-thế-Phật ".

4.- Cách thức thờ Phật. Như vậy, trong nhà tín-đồ, nếu muốn thờ tượng Phật, thì nhiều nhất là ba vị. Và nên nhớ rằng, trong khi thờ Tam-thế Phật, phải sắp đặt chung một bàn.

Nếu tượng lòng kiếng thì nên treo ngay thẳng, không được cái cao, cái thấp, cũng không được cái to, cái bé ; còn như tượng gỗ, tượng đồng, tượng sành, thì để ngang hàng đồng bực, không nên để từng trên, cấp dưới. Bàn thờ Phật phải đặt chính giữa nhà, bàn thờ ông bà, thì nên thờ một bên. Nếu nhà lầu thì thờ Phật ở tầng trên. Tại bàn thờ Phật không nên để tạp vật nào khác, ngoài bình bông, lư hương, chân đèn và đĩa quả. Những vật này, mỗi ngày đều sẵn sóc lau quét sạch-sẽ luôn.

Lần đầu tiên thỉnh tượng Phật, tín-đồ phải làm lễ thượng tượng, cũng gọi là lễ an-vị Phật. Lễ này không bắt buộc phải tổ-chức linh-đình, chỉ nên làm một cách đơn-giản, nhưng không kém vẻ trang-nghiêm và tinh-khiết. Muốn được hai đặc-điểm ấy, chủ nhà phải dọn mình sạch-sẽ : ăn chay, giữ giới và mời thêm thiện-hữu tri-thức đến hộ-niệm một thời kinh.

Và bắt đầu từ ngày làm lễ an-vị Phật trở đi, tất cả mọi người trong nhà, mỗi ngày ra vô trông thấy tượng Phật, nên nghĩ nhớ đến đức-hạnh cao-cả của Ngài mà chỉnh đốn lại thân tâm mình. Mỗi ngày đều lo cải thiện lại sự cư-xử với nhau, đối nội cũng như đối ngoại, phải luôn thấm-nhuần tinh-thần từ-bi, bác-ái và bình-đẳng. Như thế mới xứng-đáng với danh-nghĩa của một gia-đình có thờ Phật.

Thờ phụng lâu năm, tượng Phật bị hư rách, không thể sơn phết hay sửa chữa lại được, thì nên thay đổi tượng mới. Khi có tượng mới rồi thì tượng cũ phải dâng vào chùa để chờ dịp nhập tháp, chứ không nên bạ đâu bỏ đó, mà mang tội.

II.—LẠY PHẬT

1.—Ý-nghĩa lạy Phật.— Ngày xưa, khi đức Phật còn tại-thế, các đệ-tử từ vua quan cho đến dân-chúng, mỗi lần được may mắn gặp đức Phật Thích-Ca, đều cúi xuống ôm chân Phật và đặt trán mình lên chân Ngài để tỏ lòng ngưỡng-mộ, tôn-thờ một bậc tối-thượng : Bi, Trí siêu phàm. Cử-chỉ ấy là một cử-chỉ vô cùng khiêm-tốn, nhu-thuận và hoàn toàn tin cậy đối với đức Phật.

Sau khi Phật nhập-diệt, toàn-thể tín-đồ vẫn xem Ngài như còn tại-thế, và cái cử-chỉ cúi xuống ôm chân Phật vẫn còn tiếp nối tồn-tại cho đến ngày nay và muôn ngàn năm sau. Cái cử-chỉ ấy chỉ có cái công-dụng làm cho tín-đồ bao giờ cũng hình-dung như đức Phật còn ngồi trước mặt mình để chứng-giám cho tấm lòng thành-kính thiết-tha của mình.

2.— Phải lạy như thế nào mới đúng ý-nghĩa.— Để cho đúng với ý-nghĩa trên, khi lạy Phật phải quỳ xuống, ngửa hai bàn tay ra như đang nâng hai chân Phật và cúi lưng xuống đặt trán mình lên trên hai lòng bàn tay.

Trước khi lạy Phật, phải dọn mình cho sạch-sẽ : rửa mặt, súc miệng, lau tay chân, thay y phục và mặc áo tràng. Xong xuôi, mới đốt hương ra trước bàn Phật, đứng ngay thẳng, tay chắp đở trước ngực, mắt nhìn tượng Phật, tâm tưởng đến các tướng tốt và những đức-hạnh cao cả của Ngài, và tỏ bày nguyện-vọng chân-chánh của mình, xá rồi cắm hương vào lư, đánh tiếng chuông và lạy Phật 3 lạy.

Lễ Phật như thế mới đúng phép ; trong kinh gọi là "thân tâm cung-kính lễ", nghĩa là thân thì hăng-hái tề-chỉnh, nghiêm-trang, tâm thì hớn-hở vui-mừng và hết lòng thành-kính như gặp được Phật còn tại-thế.

Trái lại, nếu chúng ta lễ Phật với lòng ngã-mạn (trong kinh gọi là ngã-mạn lễ), hay với tâm cầu danh (trong kinh gọi là cầu danh-lễ), thì đã không có kết-quả gì, mà còn mang thêm tội.

Ngã-mạn lễ là khi lạy Phật mà trong tâm còn ngạo-nghe, kiêu-căng, nậm vóc (đầu, hai tay, hai chân) không sát đất, đứng lên cúi xuống một cách cầu-thả, qua-loa cho có chuyện.

Cầu danh lễ là khi thấy có đông người thì miệng liền to tiếng dài hơi xưng danh-hiệu Phật, thân lại siêng-năng lạy không ngừng nghỉ, có ý để được mọi người khen ngợi. Trái lại, khi không có người thì thân lại biếng-nhác, tâm lại giải-dãi, không muốn lễ-bái gì cả.

Hai cách lễ bái trên này rất giả-dối, vậy những ai muốn tiến trên đường đạo, phải nên tránh ngay.

3.— Bốn phép lạy (thuộc về lý). — Về phương-diện Lý, thì có 4 phép lễ.

a) *Phát trí thanh-tĩnh lễ.*— Trong phép này, người hành lễ phải thấu suốt rằng cảnh-giới của chư Phật đều tùy tâm hiện bày, nên lạy một đức Phật, tức là lạy tất cả chư Phật, lạy một lạy tức là lạy tất cả Pháp-giới, vì Pháp-thân của Phật dung-thông.

b) *Biển nhập pháp-giới lễ.*— Trong phép này, người hành lễ phải tự quán thân, tâm cùng tất cả các pháp, từ hồi nào đến giờ đều không rời pháp-giới.

c) *Chánh quán lễ.*— Trong phép này, người hành lễ lạy đức Phật ngay nơi tự tâm của mình, chứ không duyên với đức Phật nào khác, vì tất cả chúng-sanh từ xưa đến nay, đều sẵn có Phật-tánh viên-mãn, bình-đẳng và chân-giác.

d) *Thật-tướng bình-đẳng lễ.*— Trong phép lễ này, người hành lễ không thấy có tự, có tha ; người và mình là một, phàm và thánh nhưt như; thể và dụng không hai. Do đó, Ngài Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-tát có nói : "Năng lễ, sở lễ tánh không tịch", nghĩa là người lạy và đấng mình lạy, thể-tánh đều vắng-lặng. Như thế mới thấu-đáo và hợp với lý Bát-nhã.

Bốn cách lễ này, lý cao khó nghĩ bàn, nếu chẳng phải là bậc thượng căn thượng-trí, thì không thấu nổi và khó làm theo được.

III.- CÚNG PHẬT

Cúng Phật là nói tắt, nói cho đủ là cúng-dường Tam-bảo : Phật, Pháp, Tăng. Cúng-dường có nghĩa là cung-cấp và nuôi-dưỡng.

1.— Ý-nghĩa về cúng Phật.— Có người sẽ hỏi : Tại sao đức Phật đã là bất sanh, bất diệt mà lại còn phải cúng dường ?

Thật ra, đức Phật đã thoát ra ngoài vòng sanh tử, thì đâu còn hạn cuộc trong sự ăn uống. Nhưng, đây chỉ là một hình-thức để ngụ ý rằng, mặc dầu Phật đã nhập diệt lâu rồi, nhưng đối với chúng ta, bao giờ cũng xem như Ngài còn tại-thế. Xưa, các đệ-tử, các đàn-na thí-chủ đã cúng-dường Ngài như thế nào, nay chúng ta vẫn tiếp tục cái cử-chỉ ấy. Sự cúng-dường này làm cho chúng ta gần với Phật, có cảm-tưởng như bao giờ cũng ở bên cạnh Phật. Cũng như sự thờ-phụng, lễ-bái cúng-dường này mà chúng ta được kết duyên lành với Phật, hình dung rõ rệt được cuộc đời của Ngài để quyết noi theo bước chân của Ngài.

2.— Phải cúng Phật với những gì ? (về sự).— Vẫn biết rằng chúng ta nên cúng-dường Phật để hình dung như Ngài còn tại thế, nhưng nếu chúng ta, mỗi khi cúng Phật, lại bày biện đủ

mọi thức ăn uống, nào yến-tiệc cỗ-bàn linh-đình thì thật là phí của, phí công mà lại còn làm sai-lạc ý-nghĩa sâu-xa của sự cúng Phật.

Vậy, muốn cúng Phật đúng ý-nghĩa thì chỉ nên dùng hương thơm, đèn sáng, hoa tươi, trái tốt, nước trong và đôi khi thêm com trắng là đủ.

3.— Năm món diệu hương để cúng Phật.

— Đoạn trên là nói về Sự, về hình tướng bên ngoài khi cúng Phật. Còn về phương-diện Lý, thì phải dùng năm món diệu-hương để cúng Phật như sau:

a) *Giới hương*.— Pháp-thân của Phật rất thanh-tịnh, nếu về mặt Sự, chúng ta đã dùng hương trầm đốt cúng, thì về mặt Lý, chúng ta cũng phải trì giới cho trang-nghiêm thanh-tịnh, để lễ cúng-duờng được đủ cả về Sự và Lý.

b) *Định hương*.— Thân tâm chúng ta bị mê-nhiễm và thường loạn động trong mọi hoàn-cảnh. Nếu để buông trôi mãi trong tình-trạng ấy, thì chúng ta chẳng tu-hành gì được. Vậy hằng ngày, hằng giờ, hằng phút, hằng giây, hằng sát-na chúng ta phải cố-gắng tập định-tĩnh tâm-hồn, đừng để cho những ý-nghĩ, hành-động xấu xa xâm chiếm tâm-hồn và làm cho chúng ta phải loạn động. Làm cho tâm-tư lắng xuống, như thế gọi là dùng Định hương cúng Phật.

c) *Huệ hương*.— Huệ hương cúng Phật là lúc

nào cũng phải lưu tâm vào ba món sáng tỏ : Văn huệ, Tư huệ và Tu huệ. Văn huệ là lắng nghe những lời giáo-hóa quý-báu của chư Phật và Thánh-Hiền-Tăng; Tư huệ là đem những lời giáo-hóa quý-báu nói trên ra suy-xét, nghiền-ngẫm, biết thế nào là phải, thế nào là quấy, cái nào là chân-thật, cái nào là luống-dối để khỏi làm-lạc vào đường tà ;Tu huệ là quyết tâm thực-hành những điều mình cho là phải, trừ bỏ những điều mình cho là trái, thực-hiện đúng-đắn giáo-lý sáng-suốt của đức Phật.

d) *Giải-thoát hương*.—Giải-thoát hương cúng Phật là quyết tâm phá trừ ngã-chấp, nguồn-gốc của bao sự đau-khổ luân-hồi. Chúng ta phải luôn luôn quán vô-ngã, không nhận chiếc thân tứ đại này là mình, cũng không nhìn cái nghiệp-thức phân-biệt là mình, để được thoát-ly ra ngoài vòng sanh-tử luân-hồi.

d) *Giải-thoát tri-kiến hương*.— Chúng ta đã biết quán vô-ngã, để phá trừ ngã-chấp thì được giải-thoát, song vẫn còn "Pháp-chấp" ràng buộc, nên chưa đến được cảnh-giới tự-tại, vô-ngại như Phật. Còn Pháp-chấp nghĩa là còn thấy các pháp như : đất, nước, gió, lửa là có thật ; còn thấy vui, buồn, sướng, khổ là có thật. Khi nào chúng ta thể-nhận được rằng tứ-đại sở-dĩ in tuồng có thật là vì chúng ta còn ở trong nghiệp-người, chớ đối với các loài khác, như cá chẳng hạn, thì nước đâu phải là nước như chúng ta

quan-niệm, mà chính là lâu-dài, nhà cửa ; đối với loài một, thì gỗ dâu phải như chúng ta quan-niệm, mà là những thức ăn và nhà ở ; cho đến vui, buồn, sướng, khổ đều là đối-đãi với nhau mà sanh ra. Vậy thì Pháp cũng như Ngã, đều là giả-dối, không có thật, mà chỉ là những danh-từ suông mà thôi. Luôn luôn quán như thế, để được giải-thoát ra khỏi sự chấp Pháp, như thế gọi là "Giải-thoát tri-kiến hương" cúng Phật.

4.- Cúng-dường Pháp-bảo. — Pháp-bảo là các pháp của Phật đã giảng-dạy, để cho chúng-sanh y theo đó mà tu-hành. Muốn cúng-dường Pháp-bảo, trước hết chúng ta phải học kinh, luật, luận và nghiên-cứu giáo-lý để nhận-định thế nào là Pháp-bảo, là chánh-giáo. Nếu chúng ta có học thực rộng thì phải nghĩ đến việc phiên-dịch các kinh-điển ngoại-ngữ ra Việt-ngữ để hoàn-thành một bộ Tam-tạng Việt-nam, chúng ta cũng có thể giúp vào việc hoằng-pháp lợi-sanh bằng sự diễn giảng hay sáng-tác những vấn-đề có liên-quan đến Phật-pháp. Nếu chúng ta có tài-chánh thì nên xuất-tiên ra ấn-tổng hay xuất-bản kinh-điển để phổ-thông Pháp-bảo. Những việc làm như trên đều là cúng-dường Pháp-bảo cả.

5.- Cúng-dường Tăng-bảo. — Nếu chúng ta đã thành tâm thờ cúng Phật, thì tất nhiên chúng ta cũng phải kính trọng Tăng. Chư Tăng đã thay Phật mà truyền giáo-lý của Ngài lại cho chúng

ta, lẽ nào chúng ta lại làm ngơ không biết đến? Chúng ta không nên phân-biệt Tăng ở xứ nào, chùa nào, hay phái nào. Vị Tăng nào có đủ giới-đức chúng ta cũng sẵn lòng cung-phụng cả, như thế gọi là cúng-dường Tăng-bảo.

C.- KẾT LUẬN:

1- Lợi ích của sự thờ, lạy và cúng Phật.

Như các đoạn trên đã nói, chúng ta thờ lạy và cúng Phật là do lòng tri-ân sâu xa của chúng ta đối với bậc đã hy-sinh tất cả hạnh-phúc vĩnh cửu cho chúng-sanh; lý do thứ hai của sự thờ lạy và cúng ấy là để chúng ta luôn luôn có trước mắt, trên đầu chúng ta, một cái gương mẫu hoàn-toàn chân, thiện, mỹ để noi theo.

Sự thờ, lạy và cúng Phật, nếu thực-hành một cách thành tâm, thiện-chí và đúng ý-nghĩa, thì sẽ đem lại cho người rất nhiều lợi-ích trong hiện-tại và vị-lai :

1.- Trong hiện-tại, mỗi chúng ta và gia-đình chúng ta bao giờ cũng như sống trong bầu không-khí xán-lạn, trong ảnh-hưởng tốt lành, đạo-vị của chư Phật. Chúng ta luôn luôn sống trong nghiêm-chỉnh, trong lễ-nghi, trên thuận dưới hòa, vì mỗi ý nghĩ, mỗi cử chỉ, mỗi lời nói của chúng ta đều được đôi mắt sáng-suốt của đức Phật soi xuống. Chúng ta không dám sống bừa bãi, làm xằng, nghĩ quấy khi đức Phật

đang ngự-trị trong gia-đình và trong lòng mỗi chúng ta. Chỉ những tâm hồn trống rỗng, không tin tưởng, không tôn thờ một vị thiêng-liêng cao cả nào, mới dễ sa-ngã, trụy-lạc.

Cho nên trong gia-đình, nếu muốn có hạnh-phúc trong hiện-tại, muốn sống một đời có ý-nghĩa, muốn con em đừng bê-tha, trụy-lạc, thì người gia-chủ nên thiết bàn Phật, để ngày ngày lễ bái và cúng-dường Ngài và tập cho con em sống một đời sống hiền-lương và có đạo-vị.

2.- Khi lâm-chung, nghiệp lành mà chúng ta đã huân-tập trong hằng ngày sẽ cảm-ứng đến lòng từ-bi vô hạn của chư Phật và Bồ-tát. Do "luật đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu", chư Phật và Bồ-tát sẽ phóng quang đến tiếp dẫn giác-linh chúng ta về cõi Tịnh-độ an vui, tự-tại.

2.- Khuyên phát tâm chánh-tín trong sự thờ, lạy và cúng Phật, Pháp, Tăng.

Muốn có được kết-quả tốt đẹp như trên, chúng ta phải phát tâm chánh-tín. Nếu thờ, lạy và cúng dường Tam-bảo một cách sai lạc thì không những không ích-lợi gì cho ta mà lại còn mang thêm tội, và trôi lăn mãi trong cảnh sanh-tử luân-hồi.

Chúng ta phải tin-tưởng một cách mạnh mẽ rằng:

1.- Đức Phật là bậc hoàn-toàn giác-ngộ, siêu

sanh, thoát tử, có năng-lực độ thoát chúng-sanh khỏi nẻo luân-hồi, và xứng đáng làm thầy chúng-sanh trong ba cõi. Vì thế nên chúng ta thờ Ngài.

2.- Phật-pháp là phương thuốc thần-diệu, trừ được tất cả nguyên nhân đau khổ của chúng-sanh; vì thế cho nên chúng ta thờ Phật-pháp.

3.- Chư Tăng, nếu có đủ giới đức thanh-tịnh, là những Thầy sáng, bạn lành của chúng ta. Vì thế, chúng ta kính thờ, thân cận các Ngài để học hỏi đường lối tu hành.

4.- Tất cả chúng-sanh đều có Phật-tánh sáng-suốt, nếu chí tâm tu tập theo Phật-pháp thì chắc chắn sẽ thành Phật.

5.- Lý nhân-quả không hề sai chạy, nếu tạo nhân lành thì hưởng quả tốt. Trong các nhân lành, không có nhân lành nào thù-thắng hơn là nhân "thờ Phật, lạy Phật và cúng dường Tam-bảo", đủ Sự và Lý. Vẫn biết rằng thờ, lạy và cúng đủ cả hai phương-diện Sự và Lý là khó, nhưng chung-quanh chúng ta, ở trong thế-giới này sẵn có vô lượng vô biên Kim-cang Bồ-tát và Hộ-pháp thần vương, đồng phát tâm giúp đỡ, hộ-niệm cho tất cả người phát tâm chánh-tín thờ cúng Phật, thì lo gì công của chúng ta không tròn, quả của chúng ta không mất?

HOÀNG-PHÁP

BÀI THỨ TÁM

TỤNG KINH, TRÌ CHÚ, NIỆM PHẬT

A.- MỞ ĐỀ :

Người Phật-tử, nếu chỉ thờ, lạy và cúng Phật . thì cũng chưa có thể được gọi là thuần-thành. Người Phật-tử thuần-thành còn phải tụng kinh, trì-chú và niệm Phật. Vả lại nếu bỏ qua ba cái phần sau này, thì ba phần trước là thờ, lạy và cúng khó có thể viên-dung cả Sự và Lý được. Vì phần Lý là phần cao-siêu khó thực-hành, mà nếu chúng ta không tụng kinh niệm Phật để cho tâm-hồn được sáng-suốt, tỏ ngộ các lý lẽ sâu-xa huyền-diệu trong kinh-diễn, thì chúng ta không làm thế nào để đạt được 4 phép lạy thuộc về Lý là : Phát trí thanh-tịnh lễ, biến nhập pháp-giới lễ, chánh-quán lễ, thật-tướng bình-đẳng lễ, và năm món diệu-hương để cúng Phật là : giới-hương, định-hương, huệ-hương, giải-thoát-hương, giải-thoát tri-kiến hương. Và nếu không thực-hành được 4 phép lạy về lý và cúng-dường được 5 món diệu-hương, thì sự lạy và cúng chỉ còn có phần "Sự" là phần hình-thức; và vì thế, kể tín-đồ khó có thể tiến

được trên đường đạo. Bởi vậy, cùng một lần với thờ, lạy và cúng Phật, chúng ta phải tụng kinh, trì chú và niệm Phật. Đó là những điểm căn-bản tối thiểu mà một Phật-tử thuần-thành không thể bỏ qua được.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- ĐỊNH NGHĨA

1.- Tụng kinh: Tụng là đọc thành tiếng một cách có âm-điệu và thành kính. Tụng kinh là đọc một cách thành kính những lời đức Phật đã dạy trong kinh điển, hợp với chân-lý và căn-cơ của chúng-sanh.

2.- Trì chú: Trì là nắm giữ một cách chắc-chắn. Chú là lời bí-mật của chư Phật mà chỉ có chư Phật mới hiểu được, chứ các hàng Bồ-tát cũng không thể hiểu thấu. Các bài chú đều có oai-thần và công-đức không thể nghĩ bàn, dứt trừ được nghiệp-chướng, tiêu-tai giải-nạn và tăng-trưởng phước-huệ, nên cũng gọi là thần-chú.

3.- Niệm Phật: Niệm là tưởng nhớ. Niệm Phật là tưởng nhớ danh-hiệu Phật, hình-dung Phật và đức-hạnh của Phật, để luôn-luôn cố-gắng noi theo bước chân Ngài.

II.- LÝ DO PHẢI TỤNG KINH, TRÌ CHÚ VÀ NIỆM PHẬT

1- Vì sao phải tụng kinh ?

Chúng ta sống trong cõi dục, cho nên lòng dục-vọng của chúng ta không bao giờ ngừng nghỉ, cho đến trong giấc ngủ, cũng còn chiêm-bao cãi lầy, cười khóc, vui buồn như lúc thức. Trong cảnh mê-mờ đầy dục-vọng ấy, may thay, đức Phật đã vì thương xót chúng-sanh mà truyền dạy những lời vàng ngọc có thể phá tan màn mây u ám của vô-minh và tội-lỗi. Nhưng những lời lẽ cao-siêu ấy, chúng ta nghe qua một lần, hai lần cũng không thể hiểu thấu và nhớ hết được. Cho nên chúng ta cần phải đọc đi đọc lại mãi mãi, để cho lý nghĩa thâm-huyền được tỏa ra, và ghi khắc trong thâm tâm chúng ta, không bao giờ quên được. Đó là lý-do khiến chúng ta phải tụng kinh.

2.- Vì sao phải trì-chú ?

Chú có công-năng phi-thường, nếu người thành tâm trì-chú, thì được nhiều hiệu-lực không thể tưởng tượng. Chẳng hạn, thần-chú "Bạt nhứt thế nghiệp-chướng căn-bổn đắ-sanh Tịnh-độ đà-la-ni" có hiệu-lực tiêu trừ hết gốc rễ nghiệp-chướng, làm cho người được vãng-sanh về Tịnh-độ. Thần-chú "Tiêu-tai kiết-tường" có hiệu-lực làm cho tiêu trừ các hoạn-nạn, tai-chướng, được gặp những điều lành. Thần chú "Lăng-Nghiêm" thì phá trừ được những ma-chướng và nghiệp-báo nặng nề v.v...

Thần-chú "Chuẩn-dề" trừ tà, diệt quỷ. Thần-chú "Thất Phật diệt tội" có công-năng tiêu trừ tội chướng của chúng ta từ nhiều đời nhiều kiếp v.v... Vì thế nên chúng ta phải trì-chú.

3.- Vì sao phải niệm Phật ?

Tâm chúng ta bị vô-minh làm mờ đục, chẳng khác gì nước bị bùn nhơ làm ngàu đục. Muốn cho nước đục kia hóa ra trong, không có phương-pháp nào hay hơn là gia một chút phèn vào, thì các chất nhơ bẩn ngàu đục kia dần dần lóng xuống, bấy giờ nước đục trở nên trong sạch.

Phương-pháp niệm Phật cũng vậy, có công-năng phá trừ các vọng-niệm đen tối ở nơi tâm của chúng ta, làm cho tâm mê-muội, mờ-ám trở nên sáng-suốt, chẳng khác gì chất phèn làm cho nước đục trở nên trong vậy.

Vì sao niệm Phật lại làm cho tâm mê-muội trở nên trong sáng ?

— Vì lý do rất dễ hiểu sau đây :

Tâm của chúng ta rất điên-đảo, không bao giờ dừng nghỉ. Kinh thường nói: "Tâm viên, ý mã", nghĩa là "tâm" lăng-xăng như con vượn nhảy từ cành này sang cành khác, và "ý" như con ngựa chạy lung-tung luôn ngày suốt buổi. Làm sao cho tâm ý chúng ta dừng nghỉ xằng bậy ? Chỉ có một cách là bắt nó nhớ nghĩ những điều tốt lành, hay đẹp. Niệm Phật chính là nhớ nghĩ đến

những vị hoàn-toàn tốt đẹp, những hành-dộng trong sáng, những đức tánh thuần-lương. Càng niệm Phật nhiều chừng nào, thì ít niệm Ma chừng ấy. Ma ở đây là tất cả những gì xấu xa đen tối, làm hại mình hại người. Vì thế chúng ta nên luôn luôn niệm Phật.

III.- PHẢI THƯỜNG TỤNG NHỮNG BỘ KINH NÀO, TRÌ CHÚ GÌ VÀ NIỆM DANH HIỆU PHẬT NÀO ?

1.- Các kinh thường tụng.

Phàm là Kinh Phật thì bộ nào tụng cũng được cả, vì kinh nào cũng có công-năng thù-thắng là phá trừ mê-mờ, khai mở tâm trí sáng-suốt cho chúng-sanh, nếu chúng ta chí thành đọc tụng.

Nhưng vì căn-cơ của chúng-sanh không đến, nên chúng ta phải lựa những bộ kinh nào thích-hợp với căn-cơ và sở-nguyện của chúng ta mà tụng đọc.

Thông thường, các Phật-tử Việt-Nam, từ xuất-gia cho đến tại-gia đều trì tụng những kinh như : Di-đà, Hồng-danh, Vu-lan, Phổ-môn, Dược-sur, Địa-tạng, Kim-cang, Lăng-nghiêm, Pháp-hoa v.v...

Nhiều người lại có quan-niệm, chọn bộ kinh cho thích-hợp với mỗi hoàn-cảnh mỗi trường-hợp để tụng, như lúc :

- a) Cầu-siêu thì tụng kinh Di-đà, Địa-tạng, Vu-lan v.v...
- b) Cầu an thì tụng kinh Phổ-môn, Dược-sư v.v...
- c) Cầu tiêu-tai và giải bịnh thì tụng kinh Kim-cang, Lăng-nghiêm v.v...
- d) Cầu sám-hối thì tụng Hồng-danh.

Cái quan-niệm chọn lựa như thế cũng có phần hay là làm cho tâm chuyên nhất sẽ được hiệu nghiệm hơn. Nhưng chúng ta không nên quên rằng về mặt giáo-lý cũng như về mặt công-đức, bất luận một bộ kinh nào, nếu chí-tâm trì tụng, thì kết-quả cũng đều được mỹ-mãn như nhau cả.

2.- Các chú thường trì.

Ở chùa, chư Tăng hằng ngày, trong thời khóa tụng khuya, trì-chú Lăng-nghiêm, Đại-bi, Thập-chú hoặc Ngũ-bộ chú v.v... Còn ở nhà, phần nhiều cư-sĩ chỉ trì-chú Đại-bi và Thập-chú, bởi hai lẽ : một là thời-giờ ít ỏi, vì còn phải lo sinh sống cho gia-đình; hai là chú Lăng-nghiêm đã dài, lại thêm chữ âm-vận trắc-trở khó đọc, khó thuộc. Nhưng nếu cư-sĩ nào có thể học hết các thần-chú, trì tụng được như chư Tăng thì càng tốt.

3.- Các hiệu Phật thường niệm.

Đức Phật nào cũng đủ cả 10 hiệu, đồng một

tâm toàn-giác, từ-bi vô lượng, phước-trí vô biên, thương chúng-sanh vô cùng vô tận, nên chỉ niệm danh-hiệu một đức Phật nào cũng đều được cảm-ứng đến tất cả chư Phật, công-đức cũng đều vô lượng vô biên.

Nhưng đứng về phương-diện trình-độ và hoàn-cảnh mà luận, thì hiện nay, chúng ta là người ở thế-giới Ta-bà, nhằm quốc-độ của đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni giáo-hóa, lẽ cố-nhiên chúng ta phải niệm danh-hiệu của Ngài. Dù như dân chúng ở trong nước nào, phải nhớ nghĩ đến ơn nhà cầm quyền chánh-trị sáng-suốt ở trong nước đó.

Nếu tín-đồ nào tu theo pháp-môn Tịnh-độ, thì thường ngày phải niệm danh-hiệu đức Phật A-Di-Đà. Pháp-môn này thành-lập do lời dạy sau đây của đức Phật Thích-Ca : "Ở cõi thế-giới Ta-bà này, đến thời-kỳ mạt-pháp, cách Phật lâu xa chỉ có pháp "Trì danh niệm Phật", cầu vãng-sanh về Tây-phương Cực-lạc là quốc-độ của đức Phật A-Di-Đà, thì dễ tu dễ chứng hơn hết".

Ngoài ra, tín-đồ cũng có người niệm danh hiệu đức Phật Di Lặc, để cầu sanh về cõi trời Đâu-suất; hoặc niệm danh-hiệu đức Phật Dược-sư, để cầu cho khỏi tật bệnh.

Tóm lại, Tín-đồ Phật-giáo phải niệm đủ Tam-thế Phật :

a) **Niệm đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni**, là niệm đức Phật hiện-tại, mà cũng là đức Phật giáo-chủ của chúng ta.

b) **Niệm đức Phật A-Di-Đà**, là niệm đức Phật đã thành từ quá-khứ xa xưa, mà cũng là đức Phật tiếp-dẫn chúng ta về Cực-lạc.

c) **Niệm đức Phật Di-Lặc**, là niệm đức Phật vị-lai.

IV.- LỢI ÍCH CỦA SỰ TỤNG KINH, TRÌ CHÚ VÀ NIỆM PHẬT

1- Lợi ích của sự tụng kinh

Những lời giáo-hóa trong 3 tạng kinh-điển của Phật, đều toàn là những lời hiền lành, sáng-suốt do lòng từ-bi và trí-tuệ siêu-phàm của Phật nói ra. Kinh Phật, vì thế, có phần siêu-việt hơn tất cả những lời lẽ của thế-gian. Nếu chúng ta chí tâm trì tụng, chắc-chắn sẽ được nhiều lợi-ích cho mình, cho gia-đình và những người chung quanh :

a) *Cho mình*: Lúc tụng niệm, hành-giả đem hết tâm trí chí-thành đặt vào văn kinh để khỏi so suát, nên sáu căn: tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý đều thu nhiếp lại một chỗ. Chăm lo tụng kinh, nên ba nghiệp của thân, khẩu, ý không còn móng khởi lên mười điều ác nữa, mà chỉ ghi nhớ những lời hay, lẽ phải.

b) *Cho gia-đình* : Trước khi sắp sửa tụng

kinh, những người trong nhà đều dứt các câu chuyện ngoài đời, và khách hàng xóm đến ngồi lê đôi mách cũng tự giải tán. Trong gia-đình nhờ thế được thanh-tĩnh, trang-nghiêm, hòa-thuận.

c) Cho người chung quanh : Trong những lúc đêm thanh canh vắng, lời tụng kinh trầm bổng theo với tiếng mõ nhịp đều, tiếng chuông ngân-ngã, có thể đánh thức người đời ra khỏi giấc mê, đưa lọt vào tai kẻ lạc lối những ý-nghĩa thâm-huyền, những lời khuyên dạy bổ ích, chứa đựng trong kinh-điển mà hành-giả đang tụng.

Như vậy rõ ràng tụng kinh chẳng những có ích-lợi cho mình, cho gia-đình, mà còn cho những người chung quanh nữa. Đó là mới nói những điều ích-lợi thông thường có thể thấy được, ngoài ra tụng kinh còn có những điều lợi-ích, linh-nghiệm lạ thường, không thể giải-thích được, ai tụng sẽ tự chứng-nghiệm mà thôi.

2.- Lợi ích của sự trì-chú

Các thần-chú tuy không thể giải-nghĩa ra được, nhưng người chí tâm thọ trì, sẽ được công-hiệu thật là kỳ-diệu, khó có thể nghĩ bàn, như người uống nước ấm, lạnh thì tự biết lấy.

Có thể nói : một câu thần-chú, thấu gồm hết một bộ kinh, vì vậy, hiệu-lực của các thần-chú rất phi-thường. Khi gặp tai nạn, nếu thực tâm

trì-chú thì mau được giải nguy. Như thuở xưa, ngài A-Nan mắc nạn, đức Phật liền nói thần-chú Lăng-nghiêm, sai ngài Văn-Thù Sư-Lợi đến cứu, thì ngài A-Nan liền được thoát nguy.

Ngày nay, cũng có nhiều trường-hợp mà người thành tâm niệm chú thấy được hiệu-nghiệm rõ ràng. Theo lời Bác-sĩ Thiện-Thành nói lại, thì vào năm 1946, giữa lúc loạn-ly, Bác-sĩ ở trong một vùng rừng sâu, núi hiểm tại Trung-Việt. Một lần Bác-sĩ bị chứng bệnh nan-y, mặc dù lương được Đông, Tây sẵn có trong tay, cũng không làm sao trị được. Bác-sĩ tưởng sẽ bỏ mình trong xóm người sơn-cước, không ngờ nhớ lại lúc còn ở dưới mái nhà cha mẹ, thường đêm nghe thân phụ trì-chú "Công-đức Bảo-son", Bác-sĩ liền đem thần-chú ấy ra áp-dụng. Trong lúc ấy, các người nuôi bệnh cũng xúm lại hộ-niệm cho Bác-sĩ suốt đêm. Sáng hôm sau, quả thật Bác-sĩ lành mạnh một cách dễ-dàng, làm cho tất cả các bạn đồng-nghiệp đều ngạc nhiên.

3.- Lợi ích của sự niệm Phật

Niệm Phật công-đức lại còn to lớn hơn nữa, vì một câu niệm Phật có thể gồm thâu cả ba tạng giáo-diễn, hết thấy thần-chú, cùng là các pháp viên-đốn, như tham-thiền, quán-tướng v.v...

Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni có dạy rằng: "Sau khi Phật nhập diệt đã lâu, về thời-kỳ mạt-pháp,

đến kiếp hoại, các kinh sẽ bị tiêu diệt hết, chỉ còn kinh Di-Đà lưu truyền lại được một thời-gian rồi cũng diệt luôn. Lúc bấy giờ chỉ còn một câu niệm Phật gồm 6 chữ "Nam-mô A-Di-Đà Phật", mà đủ năng lực đưa chúng-sanh về cõi "Cực-lạc".

Lời Phật nói không sai, bằng chứng là có nhiều nhân-vật chuyên trì một câu niệm Phật này mà biết được ngày giờ và thấy được điềm lành trước khi vãng-sanh. Như ngài Tổ Huệ-Viễn, trong mười năm niệm Phật, ba lần thấy đức A-Di-Đà rờ đầu; trong hội Liên-xã, có 123 người chuyên tu phép "Trì danh niệm Phật", đều lần lượt được Phật rước về cõi Tịnh-dộ. Gần đây, ở Nam-phần Việt-Nam, vào năm 1940 có ba vị sĩ-quan Pháp là Đại-úy Touffan, Trung-úy Retourna, Thiếu-úy Brillant đồng lái một chiếc thủy phi-cơ bay từ đảo Côn-lôn về Saigon. Giữa đường, chiếc phi-cơ hư, rơi xuống biển. Thiếu-úy Brillant (người Pháp lai Việt) niệm Phật cầu cứu. Chiếc thủy phi-cơ lững-dững trên mặt biển suốt ba giờ đồng hồ, mới gặp được chiếc tàu đánh cá của người Nhật đến cứu. Khi ba vị sĩ-quan vừa bước sang tàu, thì chiếc thủy phi-cơ chìm ngay xuống biển. Ai nấy đều lầy lăm lạp, hỏi nhau: — Tại sao khi nãy có 3 người ngồi nặng, phi-cơ lại nổi, mà bây giờ không người nó lại chìm ngấm ?

Chỉ có Thiếu-úy Brillant mới giải-thích được

sự lạ-lùng ấy. Ông kể lại cho mọi người nghe sự linh-ứng của phép niệm Phật mà ông thường áp-dụng, và lần này là lần thứ hai ông được thoát nạn nhờ phép niệm Phật ấy. Đại úy Touffan và Trung-úy Retourna hết lòng tin-tưởng, nên khi về đến Saigon, hai vị sĩ-quan ấy chung nhau một số tiền, cất một cái am đẹp-đẽ ở Cát Lái, làng Thạnh-Mỹ-Lợi, tỉnh Gia-Định để thờ Phật, gọi là tỏ lòng tri-ân.

Đây chỉ là một câu chuyện trong muôn ngàn câu chuyện về sự lợi-ích của phép niệm Phật.

C.- KẾT LUẬN :

KHUYÊN PHẬT-TỬ TỤNG KINH, NIỆM PHẬT VÀ TRÌ CHÚ CẢ SỰ LÃN LÝ CHO ĐƯỢC VIÊN-DUNG

Tụng kinh, trì chú, niệm Phật là 3 phương-pháp tu-hành gồm đủ cả Sự và Lý. Dù tại-gia hay xuất-gia, dù tiểu-thừa hay đại-thừa, tiêu-cực hay tích-cực, không ai có thể rời ba phương-pháp này được. Bởi thế, Phật-tử cần phải học tụng kinh, niệm Phật và trì chú cho Sự, Lý đi đôi, lời nói và việc làm phù-hợp, mới có được kết-quả tốt đẹp.

Ba pháp-môn tụng kinh, trì-chú và niệm Phật, tuy không đồng mà kết-quả đều thù thắng. Phật-tử có thể tùy theo trình-độ, hoàn-cảnh của mình mà tu một, hai hay cả ba pháp ấy. Thí-dụ

như người biết chữ và mạnh khỏe, công ăn việc làm hằng ngày không bận rộn lắm, thì nên tụng kinh, trì-chú, niệm Phật đủ cả 3 pháp-môn. Còn người tuổi già sức yếu, mắt lờ, răng rụng, miệng lưỡi phều-phào, thân thể mỗi mệt, nếu tụng kinh, trì-chú không nổi thì phải chuyên tâm niệm Phật, đi đứng nằm ngồi, lúc nào cũng đều niệm Phật.

Nhưng các Phật-tử nên nhớ, khi miệng tụng kinh, trì-chú, niệm Phật, tay gõ mõ, đánh chuông, lần chuỗi, thì tâm trí phải gội rửa hết bao nhiêu ý nghĩ bất chính, những ham muốn đê-hèn, và đặt vào đây hình ảnh của đấng Từ-bi. Rồi phải noi gương Ngài, mở lòng thương rộng lớn, nghĩ đến nỗi thống khổ của muôn loài và phát-nguyện đem sức mình ra, ban vui cứu khổ cho tất cả. Đến khi thôi tụng niệm, trở lại tiếp xúc việc đời, thì phải làm thế nào cho những hành-động của mình cũng được từ-bi như tư-tưởng và lời nói của mình vậy.

Người tụng kinh, trì-chú và niệm Phật, làm đúng như thế, thì chắc-chắn sẽ được chứng quả Thánh không sai.

HOẢNG PHÁP

BÀI THỨ CHÍN

BỒN-PHẬN CỦA PHẬT-TỬ TẠI-GIA

A.— MỞ ĐỀ :

1— Người đời ai cũng có bồn phận :

Người ta sanh ra trên hoàn-vũ này, ai cũng có bồn-phận. Nói một cách tổng-quát, thì đã có cái danh, tất phải có cái phận. Con kiến, con ong, có cái phận của kiến, của ong; mặt trăng, mặt trời có cái phận của mặt trăng, mặt trời. Dù nhỏ dù lớn, mọi vật mọi người đều có cái phận riêng của mình. Những điều cần phải làm, đối với cái phận ấy, chính là bồn-phận.

Danh càng lớn, thì phận càng nhiều ; phận càng nhiều thì bồn-phận càng nặng. Hễ có thêm một cái danh, là thêm một bồn-phận. Càng nhiều danh lại càng nhiều bồn-phận...Người có bồn-phận của người ; nhưng khi người + làm quan, tất nhiên ngoài bồn-phận người, có thêm bồn phận làm quan, (bồn-phận người + bồn-phận quan). Và nếu người làm quan ấy lại là quan đầu tỉnh, (người + quan + đầu tỉnh) thì tất nhiên ngoài hai bồn-phận trên, còn thêm bồn phận cai-trị cả tỉnh nữa (bồn-phận người + bồn-phận quan + bồn-phận cai-trị cả tỉnh). Nếu

muốn có nhiều danh, mà lại muốn trút bớt bôn-phận, thì là gian lận, lừa bịp. Và khi ấy, cái danh ấy chỉ là hư danh. Và khi danh đã hư, thì mọi việc đều hư cả. Cho nên ngày xưa đức Không-Tử nêu lên thuyết "Chính danh" để chỉnh đốn xã-hội là vì thế.

2.— Người Phật-tử tại-gia lại có nhiều bôn-phận hơn ai cả :

Dựa lên lý-luận trên mà suy diễn, chúng ta thấy bôn-phận của người Phật-tử tại-gia thật là nặng nề. Cái danh của chúng ta gồm có đến năm chữ : Người + Phật-tử + tại-gia. Như thế, tất nhiên chúng ta có những bôn-phận của người + bôn phận của Phật tử + bôn phận tại-gia. Đó là chưa kể người Phật-tử tại-gia ấy còn có những cái danh khác như : Công-chức, Giáo-sư, Tỉnh-trưởng v.v...Nhưng đề cho vấn-đề này khỏi đi vào chi tiết quá ; dưới đây chúng ta chỉ nói đến **bôn-phận người Phật-tử tại-gia** mà thôi. Nhưng nếu muốn vấn-đề được đặt một cách sáng sủa, giản-dị, và sát đề hơn nữa, chúng tôi đề nghị nên bỏ bớt chữ **người** nữa. Nghĩa là chúng ta sẽ không nói đến bôn-phận của người ở đây ; bôn-phận ấy **mọi người**, vì đã là **người** đều biết cả rồi (trong mọi sách luân-lý, công-dân đều có nói đến).

Như thế dưới đây, chúng tôi chỉ xin đề cập đến "**bôn-phận của Phật-tử tại-gia**" mà thôi.

B.— CHÁNH ĐỀ :

Bổn-phận của Phật-tử tại-gia là những gì?

Phật là một bậc toàn trí, toàn năng, toàn đức, đã dứt sạch ngã-chấp, pháp-chấp tất cả việc lành gì cũng làm được, nên công-đức được đầy đủ và Phật đã biết rõ các phép đều tuân theo luật nhân quả, nên bao giờ cũng chỉ biết gieo nhân lành, làm việc lành.

Phật-tử, muốn được làm con Phật, muốn theo dấu chân Phật, muốn xứng đáng với danh-từ Phật-tử, tất phải làm tròn bổn-phận của Phật-tử nghĩa là nghe những lời Phật đã dạy, làm theo những việc Phật đã làm, đi theo con đường Phật đã đi.

Phật-tử, đáng lẽ phải làm y như thế đó. Nhưng bởi vì chúng ta là **Phật-tử tại-gia**, nên chưa có thể hoàn toàn theo đúng như Phật. Hai chữ tại-gia ràng buộc chúng ta trong những bổn-phận mà chúng ta phải làm tròn.

Do đó, Phật-tử tại-gia, có những bổn-phận như sau :

- Bổn-phận đối với tự thân .
- Bổn-phận đối với gia-đình, quyến-thuộc.
- Bổn-phận đối với người ngoài gia-đình.

I.— BỔN PHẬN ĐỐI VỚI TỰ THÂN

Tu tâm dưỡng tánh.— Ngoài bổn-phận làm

người cho xứng với danh nghĩa con người, cho tròn nhân-cách, Phật-tử còn luôn luôn cố-gắng trau-dồi đức hạnh, tu tâm dưỡng tánh, để cho thân tâm được an lạc, thanh-tĩnh, hầu hưởng được hạnh-phúc trong hiện-tại và bước lên đường giải-thoát trong tương-lai.

Mỗi Phật-tử phải luôn luôn cố-gắng vượt lên khỏi kiếp người, vượt ra ngoài lục đạo. Chúng ta từ vô-thỉ đến nay, vẫn sống say chết ngủ trong trường giả danh mộng huyễn, luân-hồi đã nhiều đời nhiều kiếp mà chúng-sanh cũng hoàn lại là chúng-sanh. Ngày nay, chúng ta may nhờ phúc báo đời trước, được làm học trò Phật, mắt được trông vào quyển kinh, tai được nghe Phật-pháp, cũng như đêm tối sẵn có đèn, trong bể khổ gặp thuyền tế-độ. Nếu chúng ta không gắng sức tu tập, dứt bỏ những thói quen mê lầm phiền-não, để cho tâm tánh chúng ta được tiến-hóa dần đến chỗ hoàn toàn viên mãn, thì sao cho khỏi phụ duyên lành đời trước của chúng ta và phụ công ơn đức Thích-Ca, đáng Từ-phụ đã hiện thân thuyết pháp, chỉ bày cho chúng ta những phương-pháp tu hành để thoát khỏi sanh- tử luân- hồi. Phương pháp tu hành mà một Phật-tử tại-gia phần giải quyết tâm thực hiện là : giữ Ngũ-giới, tu Thập-thiện, sám trừ các phiền-não, chuyên tâm niệm Phật, phát tâm từ-bi tế-độ. Có như thế thì chúng ta mới

có thể vượt ra khỏi kiếp người, bước thêm một bước dài trên con đường giải-thoát.

II.— BỒN PHẬN ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH QUYẾN-THUỘC

Phật-tử tại-gia còn có gia-đình quyến-thuộc , nên còn nhiều bồn-phận không thể làm ngơ được. Phật-tử có cha mẹ, vợ hay chồng, con cái, bà con thân thích, người giúp công hay kẻ mượn việc...Đối với mỗi hạng người ấy, Phật-tử đều có mỗi cách đối xử, mỗi bồn-phận.

Theo kinh Thiện-Sanh, thì Phật-tử tại-gia có những bồn-phận như sau đối với những người trong nhà :

1.— Bồn-phận con đối với cha mẹ, phải đủ 5 điều :

- a) Làm con phải hết lòng hiếu kính đối với cha mẹ, tùy theo mùa tiết hàn, nhiệt, mà chăm nom mền chiếu, ấm mát hợp thời, để cha mẹ được nghỉ ngơi yên giấc.
- b) Làm con mỗi ngày phải dậy sớm, để phân công việc cho người làm lụng đúng giờ, và lo sắp đặt miếng ăn thức uống cho cha mẹ được vừa miệng đẹp lòng.
- c) Làm con phải gánh vác tất cả công việc nhọc nhằn, thay thế cho cha mẹ, để cha mẹ được thư thái, vui vẻ trong tuổi già.
- d) Làm con phải nhớ nghĩ luôn luôn đền ơn

sanh thành, dưỡng dục, để lo báo đáp cho kịp trong lúc cha mẹ còn sanh tiền.

đ) Làm con, khi cha mẹ đau ốm, phải hết lòng săn sóc, hầu hạ bên giường, không nài khó nhọc và ân-cần rước thầy xem mạch, thuốc thang điều-trị không sợ hao tốn.

2.- Bôn phận cha mẹ đối với con, cũng phải đủ 5 điều :

a) Phải dạy dỗ con dứt trừ tất cả điều hung ác, làm tất cả điều lành, để trở nên người có đức hạnh.

b) Phải khuyên răn con cái, nên gần-gũi người trí-huệ.

c) Phải nhắc nhở con cái, cần mẫn học hành.

d) Phải liệu định cưới gả con cái cho kịp lúc xuân thời.

đ) Phải cho con cái bàn tính tham dự việc nhà, cùng góp công trong sự xây-dựng hạnh-phúc gia-đình.

3.- Bôn-phận vợ đối với chồng, phải đủ 5 điều :

a) Phải kính yêu và hòa-thuận với chồng, khi chồng ra đi hay trở về, phải đưa đón niềm nở.

b) Khi chồng đi vắng, ở nhà phải lo quét dọn, may vá, com nước sẵn sàng, đợi chồng về mới cùng ăn uống.

- c) Phải giữ gìn tiết hạnh, không được ngoại tình.
- d) Lúc chồng nóng giận nặng lời, không nên bưng mặt cãi lầy, làm mất hòa-thuận và có khi phải rã-rời giềng mối. Lại khi chồng có lời khuyên bảo chánh đáng, vợ phải vâng theo ; khi có món ngon vật quý, không nên dùng riêng một mình.
- đ) Mỗi đêm, khi chồng ngủ rồi, phải xem xét cửa-nẻo, trước sau đóng gài kín đáo, cất đặt cẩn-thận, soi rọi khắp cả trong nhà, rồi mới đi ngủ sau.

4.- Bốn phận chồng đối với vợ, cũng phải đủ 5 điều :

- a) Khi vợ ra đi hay lúc trở về, phải đưa đón niềm-nở.
- b) Phải ăn uống cho có giờ khắc, và đừng quá khó khăn, để vợ khỏi phải phiền lòng nấu nướng không chừng, và lo lắng cực nhọc.
- c) Phải tùy phận giàu nghèo của mình, để vợ mua sắm áo quần và đồ trang-sức vừa theo sở thích, không hẹp lòng làm vợ buồn phiền.
- d) Phải tin cậy phó thác cho vợ các công việc nhà.

d) Không được sanh tâm tà vạy, sớm muộn tới dào, làm cho vợ ghen tương sầu não.

5.- Bốn phận đối với bà con thân-thích, phải có đủ 5 điều :

- a) Khi thấy bà con có người làm việc chẳng lành, thì phải thương xót khuyên can, răn nhắc.
- b) Trong bà con thân-thích, có người nào bị đau ốm, tai nạn, tật-nguyên, thì phải hết lòng giúp đỡ, hoặc com cháo thuốc men, hoặc áo quần, tiền bạc v.v...
- c) Những việc kín đáo, riêng tư của người này, mình có biết cũng không nên tiết-lộ cho người khác biết.
- d) Bà con thân thích, phải năng tới lui thăm viếng, nhắc nhở nhau tránh dữ làm lành. Đôi khi có ý kiến chẳng đồng, cũng nên hoan-hỷ, đừng cố chấp giận hờn nhau.
- đ) Trong thân bằng quyến thuộc, có kẻ giàu người nghèo, lẽ cố nhiên người dư ăn dư dẽ, phải giúp đỡ cho kẻ thiếu hụt.

6.- Bốn phận chủ đối với người giúp việc trong nhà, phải có đủ 5 điều :

- a) Chủ nhà trước khi sai khiên người giúp việc làm gì, trước phải biết họ, dõi, no, ấm, lạnh thế nào để họ có đủ sức khỏe và vui lòng làm lụng.
- b) Lúc nào người giúp việc bị bệnh hoạn, phải

chăm nom thuốc thang và để cho họ được nghỉ ngơi, để bồi bổ sức khỏe lại.

- c) Khi họ có phạm lỗi gì, phải xét coi họ có ý hay vô tình. Nếu vô ý làm lỡ, thì nên dung thứ; nếu họ quyết lòng phá hại, thì phải nghiêm trách hẳn hoi, với lời lẽ thanh-nhã, cho họ biết lỗi để chữa.
- d) Khi họ tiện tặn tích góp được số tiền riêng, không nên tìm cách thâu đoạt.
- đ) Khi muốn thưởng công lao cho họ, phải giữ mực công-bình, tùy công lao của mỗi người mà phân chia cho cân xứng.

7.- Bốn phận người giúp việc đối với chủ nhà, cũng phải có đủ 5 điều :

- a) Mỗi buổi sáng phải thức dậy trước chủ nhà, không đợi kêu.
- b) Phải biết phân việc nào của mình làm mỗi ngày, cứ y như thường lệ mà thi-hành, không đợi chủ sai bảo.
- c) Khi làm việc phải thận-trọng đồ dùng của chủ, không làm vụn chạc, hư hao.
- d) Phải hết lòng kính mến chủ nhà, lúc chủ ra đi, phải ân cần đưa tiễn, lúc chủ trở về, phải vui mừng tiếp đón.
- đ) Không nên chỉ trích, nói xấu chủ với người ngoài.

III.- BỔN-PHẬN ĐỐI VỚI NGƯỜI NGOÀI GIA ĐÌNH

Những người ngoài gia-đình, chúng tôi muốn nói ở đây, không phải những người xa lạ, hay hàng xóm láng giềng, mà chính là những người có sự liên-quan mật-thiết với chúng ta, nhưng không cùng quyền thuộc, không ở chung dưới một mái nhà, nên tạm gọi là những người ngoài gia-đình.

Những người này giữ một vai trò quan-trọng trong đời sống của chúng ta, lái chúng ta đi trên con đường hiểu biết đạo-đức, góp một phần lớn - lao trong việc xây-dựng hạnh-phúc cho chúng ta. Đó là những vị thầy dạy-dỗ và những vị Tăng-già và thiện-hữu tri-thức.

1.- Bổn phận học-trò đối với thầy, phải đủ 5 điều :

- a) Phải kính mến thầy như cha mẹ.
- b) Phải vâng lời thầy dạy bảo.
- c) Phải giúp đỡ thầy trong cơn hoạn-nạn.
- d) Phải siêng năng học tập cho vui lòng thầy.
- đ) Khi thôi học rồi, cũng phải năng tới lui thăm viếng thầy, để tỏ lòng cảm-mến công ơn dạy-dỗ và quý trọng tài đức của Thầy.

2.- Bổn phận thầy đối với trò, cũng phải đủ 5 điều :

- a) Phải cần-mẫn dạy dỗ học trò.
- b) Phải cố-gắng làm sao cho học-trò mình mau tiến bộ hơn học trò khác, về tài năng cũng như về đức hạnh.
- c) Phải để ý đến những điều cần yếu làm sao cho học trò in sâu mãi vào tâm-trí.
- d) Phải giảng giải rõ ràng các lý-thuyết rắc-mỏ và hỏi đi hỏi lại nhiều lần cho học-trò không lầm-lạc.
- đ) Phải có lòng rộng-rãi, mong muốn làm sao cho học-trò mình được trở nên giỏi hơn mình.

3.- Bốn phận Tín-dồ đối với Chư Tăng và thiện-hữu tri-thức phải đủ 5 điều :

- a) Phải hết lòng thành thật đối với chư Tăng và thiện-hữu tri-thức.
- b) Phải cung kính và vâng lời dạy bảo của quý vị minh-sur và các thiện-hữu.
- c) Phải chăm-chỉ nghe lời giảng dạy của các vị Tăng-già đức-dộ, thâm xét cho kỹ-lưỡng rồi như pháp mà tu-hành.
- d) Phải cầu học với chư Tăng và thiện-hữu những chỗ bí yếu về đạo-lý mà mình chưa hiểu.
- đ) Phải cầu thỉnh các vị minh-sur chỉ dạy cho

mình những pháp-môn cần yếu, như "tham thiền", "niệm Phật" để ngày đêm chuyên tâm tu-trì, không gián đoạn.

IV.- CÁCH XUNG HÔ VÀ MỘT SỐ NGHI THỨC CẦN-THIỆT CỦA PHẬT-TỬ TẠI-GIA

Ngoài những bổn-phận nói trên, Phật-tử tại-gia còn cần phải biết cách xưng hô khi tiếp xúc với quý vị Tăng-già, và những nghi-thức cần thiết khi đến chùa, khi lễ Phật, cầm kinh v.v... Đã là Phật-tử, thì những điều này, mặc dù là hình-thức, cũng không thể không biết đến.

1. Cách chào hỏi và xưng hô với Tăng-già :

Phật-tử phải biết cách đối xử, xưng hô với chư Tăng cho phải phép :

a) Khi gặp một vị hay nhiều vị Tăng tại chùa hay ngoài đường, nên chấp tay kính cẩn chào, bằng cách niệm : "Nam-mô A-Di-Đà Phật", với vẻ mặt hoan hỷ, làm cho mọi người cũng đều hoan-hỷ với mình. Lối chào ấy biểu-lộ một tình-cảm đậm-dà, còn hơn lối chào bắt tay của người Âu Tây. Sở dĩ chào nhau bằng một câu bảo-hiệu Phật, là để nhắc rằng ai cũng có Phật-tánh (bản-tánh A-Di-Đà), nếu quyết chí tu, rồi cũng đến được cảnh giới Tịnh-độ và cuối cùng sẽ thành Phật.

b) Về cách xưng hô, Phật tử tại-gia không nên kêu chư Tăng bằng Huynh hay Sư-huynh hay Đạo-hữu mà nên kêu bằng thầy, mặc dù vị ấy là đồng sư.

Những tiếng Thượng - tọa, Đại-đức không nên quá lạm dụng, không phải đối với vị sư nào cũng gọi là Thượng-tọa hay Đại-đức được cả. Chỉ đối với những vị sư có đạo-hạnh, nhiều niên lập (tuổi Đạo), và đối với mình chưa quen thân lắm, mới nên dùng chữ Thượng-tọa hay Đại-đức. Đối với các vị Bổn-sư, các vị tăng-già mình thường quen biết, dùng chữ "Thầy" là phải cách và đầy đủ ý nghĩa nhất. Thầy là có ý tôn kính như cha (quân, sư, phụ) và là người thường dạy bảo mình trên đường tu tập. Thầy có vẻ vừa tôn kính, vừa thân mật, vừa chân thật, chứ không như chữ Thượng-tọa hay Đại-đức có vẻ xã-giao kiêu cách, đái-bôi, bề ngoài. Hiện nay đang lan tràn cái dịch, dùng danh-từ Thượng-tọa và Đại-đức. Chúng ta nên thận-trọng mỗi khi dùng những chữ ấy, để khỏi bị người ngoại-đạo hiểu lầm là quý vị Tăng-già muốn được gọi như thế, vì còn thích chức tước, hư danh.

c) Trước khi vào Chánh-diện lễ Phật, phải rửa mặt, súc miệng, rửa tay cho sạch sẽ, để giày guốc ngoài thêm cửa, đừng mang vào Điện mà tổn phước. Khi tiến tới Điện thì đi ở phía trái, khi ra thì đi về phía hữu, theo cách "hữu nhiều"

của nhà Phật (đi quanh theo chiều hữu, ba hay bảy vòng, để tỏ lòng kính mến Phật).

Khi đi ra, phải chú ý coi chừng dưới chân, để tránh khỏi sự dẫm đạp trùng kiến. Giữ được như thế, được phước đức hơn là phóng-sinh mà không biết giữ.

d) Khi tụng kinh, phải chấp hai tay ngang ngực, mười ngón tay từng cặp bằng nhau, không so le, hai lòng bàn tay khít lại, dùng để trống giữa. Chân đứng ngang bằng, hình chữ "bát", mắt ngó xuống, chăm chỉ tụng cho có câu rành mạch, không nên ỷ giọng hay, tụng to tiếng động chúng. Phải tụng cho ăn nhịp, theo tiếng mõ và tiếng tụng của ông Duy-na (dẫn đầu).

Khi lễ Phật, năm vóc phải sát đất, nghĩa là đầu, hai tay, hai gối, phải sát chiếu, hết lòng thành kính mà lễ. Khi lạy phải xích qua một bên, vì phía sau thường có chùa thờ Hộ-pháp hay tượng Phật và nhường chỗ cho ngôi Trụ-trì. Khi lễ Phật xong, đi ra phải bước lui, mắt ngó tượng Phật, đừng quay lưng lại.

d) Trước khi cầm kinh xem hay tụng phải rửa tay. Cầm kinh sách đem đi đâu, nên ôm trên ngực, dùng cặp bên nách như quyển sách thường, vì kính kinh như kính Phật. Nếu cầm kinh mà muốn chào người, thì phải để kinh trên bàn trước khi chào. Gặp trường hợp không có

chỗ để kinh, thì ôm vào ngực mà chào : " A- Di-Đà Phật " là được. Kiêng nhất là cầm quyển kinh mà xá chào người.

Trên đây là kể sơ lược một số oai-nghi tế hạnh mà Phật-tử tại-gia phải giữ gìn. Oai-nghi của người xuất-gia thì nhiều lắm, nhưng không phải phạm vi của bài này, nên không nói đến.

C.- KẾT LUẬN :

Khuyên Phật-tử tại-gia giữ tròn bổn phận.

Bổn-phận của Phật-tử tại-gia như vừa trình bày ở trên, tuy kể ra thì nhiều, nhưng không có gì là cao kỳ khó khăn phức tạp. Những điều ấy, một người chưa phải là Phật-tử, nhưng có chút đức hạnh, cũng đã hiểu rồi, biết rồi.

Nhưng điều quan-trọng ở đây, không phải là hiểu biết mà là thực hành, những điều đã hiểu biết ấy. Trong cuộc sống tầm thường hằng ngày, làm tròn bổn-phận có nhiều khi còn khó hơn là ra trận giết quân thù, hay trèo non lội suối. Những công việc khó khăn nhưng bất thường này chỉ cần vận dụng sự cố-gắng và hăng hái trong một khoảng thời-gian nhất định, chứ những bổn-phận tầm thường hằng ngày, muốn làm cho tròn, phải vận dụng sự kiên-nhẫn và cố gắng suốt cả đời. Vì lý do ấy mà tục ngữ

ta có câu : " Thứ nhất tu nhà, thứ hai tu chợ, thứ ba tu chùa ".

Vậy chúng ta không nên xem thường những bổn-phận tầm thường hằng ngày của chúng ta, mà phải luôn luôn cố gắng làm cho tròn. Sự cố gắng này sẽ đem lại cho chúng ta một phần thưởng chắc thật là đưa dần chúng ta lên đường giải-thoát.

HOẰNG PHÁP

*

BÀI THỨ MƯỜI

THẬP-THIỆN-NGHIỆP

A.- MỞ ĐỀ :

Thập-Thiện-Nghiệp là cội gốc của tất cả pháp lành thế-gian và xuất-thế-gian

Trong hai bài "Nhân-quả" và "Luân-hồi" mà chúng ta đã học, chúng ta đã thấy một cách tường tận rõ ràng : hễ chúng ta gieo nhân gì thì chúng ta gặt quả ấy hoặc ngay trong đời hiện-tại, hoặc trong những đời sau. Nhân nhỏ thì quả nhỏ, nhân lớn thì quả lớn.

Nếu muốn được quả làm người thì phải gieo nhân làm người. Nhân làm người là sự chuyên giữ năm giới (không sát-sanh, không trộm cắp, không tà-dâm, không nói dối và không uống rượu). Với nhân này, ta được cái quả trong hiện-tại là mọi người từ trong gia-đình quyến thuộc cho đến ngoài xã-hội, đều yêu thương quý trọng. Nhưng nếu chúng ta muốn tiến xa hơn một bậc nữa, chúng ta gắng tu Thập - Thiện-Nghiệp. Với cái nhơn tu Thập - Thiện - Nghiệp, chúng ta sẽ hưởng được cuộc sống an-lạc trong hiện-tại và đời sau, chúng ta sẽ sanh lên sáu

tùng Trời cõi Dục, hưởng cảnh vui thú, an-nhàn.

Nếu chúng ta muốn vượt khỏi ba cõi thế-gian, để chứng quả Tam - thặng (Thanh-Văn, Duyên-Giác và Bồ-Tát), ta phải tu nhân Tứ-Đế, Thập-Nhị Nhân-Duyên và Lục-Độ. Tuy thế, muốn thực hiện được các môn tu này, không thể bỏ qua được môn tu Thập - Thiện-Nghiệp. Thập-Thiện-Nghiệp như là nấc thang quan-trọng cần phải vượt qua, nếu muốn trèo lên cao nữa. Nó như là cơ-sở căn-bản, hạ tầng vững chắc nhất, để xây-dựng lâu-dài cao lớn lên trên. Vì lẽ đó, người ta nói Thập-Thiện-Nghiệp là cội gốc của tất cả các pháp lành thế-gian và xuất-thế-gian.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- ĐỊNH NGHĨA :

"Thập-thiện-nghiệp" là 10 nghiệp lành.

"Nghiệp" là gì ?

"Nghiệp" là tiếng người Trung-Hoa dịch từ chữ Phạn Karma mà ra. Nó có nghĩa là tạo-tác, hành-động. Nghiệp có thể chia ra ba tánh cách : lành, dữ, hoặc không lành không dữ (vô-ký). Lành, theo đạo Phật, nghĩa là có lợi-ích cho chúng-sinh trong hiện-tại cũng như trong tương-lai. Dữ, nghĩa là có hại cho chúng sinh trong hiện-tại cũng như trong tương-lai.

II.- CHỖ PHÁT KHỞI MƯỜI NGHIỆP DỮ VÀ MƯỜI NGHIỆP LÀNH

Nghiệp thì nhiều, không thể kể xiết được. Nhưng tựu trung, người ta có thể phân ra mười loại nghiệp lành và mười loại nghiệp dữ. Những loại nghiệp này do ba chỗ phát khởi sau đây : Thân (việc làm), Khẩu (lời nói), Ý (ý nghĩ).

1.- Những nghiệp dữ :

Những nghiệp dữ chia ra như sau :

- a) Những nghiệp dữ về Thân có ba là :
Sát-sanh, trộm cắp, dâm dật.
- b) Những nghiệp dữ về Khẩu có bốn là :
Nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác.
- c) Những nghiệp dữ về Ý có ba là :
Tham-lam, giận-hờn, si-mê.
Cộng tất cả Thân, Khẩu, Ý thì có mười nghiệp dữ.

2.- Những nghiệp lành :

Nếu con người làm ngược lại với 10 nghiệp dữ trên đây thì sẽ có được 10 nghiệp lành. Mười nghiệp lành chia ra như sau :

- a) Về Thân có ba : Không sát-sanh, không trộm cắp, không dâm-dật.
- b) Về Khẩu có bốn : Không nói dối, không

nói thêu dệt, không nói lưỡi hai chiều, không nói lời hung ác.

c) Về Ý có ba : Không tham-lam, không giận-hờn, không si-mê.

III.- Ý-NGHĨA VÀ GIÁ-TRỊ CỦA MƯỜI NGHIỆP LÀNH

1.- Không sát-sinh

Không có sự vui mừng nào hơn sự vui mừng khỏi bị giết. Cũng chẳng có ân-huệ nào hơn ân-huệ không hại mạng.

Khi một con chim sắp bị cắt cổ nhờ lông, một con cá sắp bị chặt kỳ, đánh vẩy, thế mà được thả ra, thì hãy tưởng-tượng nỗi vui sướng của chúng, lớn-lao là bao nhiêu ! Chim sẽ nhảy nhót, tung bay, kêu hót giữa khoảng trời rộng ; cá sẽ vùng vẫy, bơi lội, giữa khoảng nước sâu. Thế mới rõ, thoát nạn giết hại, chúng-sanh nào lại không khắp-khởi vui mừng ? Cho nên, không sát-sanh mà lại phóng-sanh là nghiệp lành đứng đầu trong Thập-Thiện-Nghiệp.

Không sát sanh cũng như không ăn thịt chúng-sanh thì khỏi phạm hai tội lớn sau đây :

a) Giết hại các bậc vị-lai Phật. Vì Phật nói:

— "Tất cả chúng-sinh đều là chư Phật vị-lai"

b) Giết lộn bà con nhiều đời, ăn làm bà con nhiều kiếp.

Trong kinh Bồ-Tát giới có nói : "Tất cả lục-đạo chúng-sinh đều là họ hàng ta, cha mẹ ta đã chết đi rồi sanh lại trong nhiều đời nhiều kiếp".

Người hằng ngày không sát-sanh thì trong đời sống hiện-tại sẽ mở rộng thêm lòng từ-bi, là một nhân chánh để tu hành thành Phật, và được mười pháp lành, như kinh Thập - Thiện-Nghiệp đạo đã nói, dưới đây :

- a) Tất cả chúng-sinh đều kính mến
- b) Lòng từ-bi mở rộng đối với tất cả chúng-sinh
- c) Trừ sạch thói quen giận-hờn
- d) Thân-thể thường được khỏe mạnh
- đ) Tuổi thọ được lâu dài
- e) Thường được Thiên-thần hộ trợ
- ê) Ngủ ngon giấc và không chiêm-bao dữ
- g) Trừ hết các mối oán thù
- h) Khỏi bị đọa vào ba đường ác.
- i) Sau khi chết, được sanh lên cõi Trời.

2.- Không trộm cướp

Không trộm cắp là không lấy những vật gì không thuộc quyền sở-hữu của mình, và người ta không cho mình.

Quyền tư-hữu là một quyền quan-trọng. Đã dành, mạng sống là quý trọng, nhưng nếu có mạng sống mà không có đủ vật thực, áo quần, nhà cửa, những thứ cần-thiết để cung-cấp cho thân mạng, thì người ta không thể sống được. Vì thế, mọi người đều thấy mình cần phải nỗ lực làm việc, để có tài-sản đủ bảo-đảm cho đời sống hiện-tại và tương-lai của mình và con cháu. Người đời quý trọng tài-sản là vì thế. Nếu vì một lý-do, bất chính, người ta bị tước đoạt mất tài-sản, thì người ta cũng đau-khổ, buồn phiền như chính mình bị mất một phần sanh mạng. Tiền của là huyết mạch, cho nên khi bị trộm cắp hết của cải, nhiều người đã thất vọng, buồn phiền đến sinh đau ốm, có khi đến quỳên sinh. Như vậy, ai nỡ lòng nào trộm cắp cho đành !

Vả lại, theo lẽ công-bình, mình không muốn ai lấy của mình, thì mình cũng đừng lấy của ai. Việc gì mình không muốn người làm đau-khổ cho mình, thì mình cũng đừng làm đau-khổ cho người. Xã-hội chỉ tồn tại được, khi mọi người đều tôn trọng lẽ công-bằng.

Vả lại, của phi nghĩa, thường vào cửa trước ra ngõ sau, tiêu hao mau lẹ như nước xoi, cát chảy, rớt cuộc, tay trắng cũng lại hoàn tay trắng, mà lại còn bị người đời khinh khi, phỉ-nhò, xấu hổ cho mình và con cháu về sau.

Trái lại, người không trộm cắp, bao giờ lòng dạ cũng được thanh thoi, không sợ luật pháp truy tầm, chẳng lo ai thù-oán. Một xã-hội không có trộm cắp, thì nhà nhà khỏi đóng cửa, cửa đánh rơi không mất, cảnh tượng giành-giựt không diễn ra, xã-hội được thái-bình an-lạc.

Nếu không gian tham trộm cắp, mà lại làm hạnh bố-thí thì theo kinh Thập-Thiện-Nghiệp, được những pháp lành như sau :

- a) Tiền của có dư không bị nạn giặc-giả cướp mất, chánh quyền tịch thu, không bị nạn lụt trôi, lửa cháy và con cái phá tán.
- b) Được nhiều người tin cậy
- c) Không bị lừa dối, gạt gẫm
- d) Xa gần đều khen ngợi lòng ngay thẳng của mình
- d) Lòng được an-ôn, không lo-sợ vì sự tổn-hại gì cả
- e) Khi chết rồi được sanh lên cõi Trời.

3.- Không tà dục

Dâm-dật là cái nhân sanh-tử luân-hồi. Nó là ma chướng làm ngăn trở bước đường tu giải-thoát. Bởi vậy, người xuất-gia muốn chứng quả, thành đạo, phải đoạn trừ dâm-dật ở thân cũng như ở tâm. Kinh Lăng-Nghiêm nói :

"Lòng dâm không trừ, thì không thể ra khỏi trần-lao".

Còn người tại-gia, Phật chỉ ngăn tà-dâm, nghĩa là vợ chồng có cưới hỏi chánh thức mới được ăn ở, nhưng phải có tiết độ, không lang-chạ, ngoại-tình.

Trong gia-đình, chồng không tà-dâm, vợ không lang-chạ, thì cuộc sống chung được đầm ấm, an-vui. Do đó, gia đình được hạnh-phúc, sự làm ăn tấn phát, sự nghiệp vững bền, bà con đôi bên vui vẻ, dòng họ hai phía thom lây, xóm giềng vừa lòng, làng nước quý chuộng.

Kinh Thập-Thiện-Nghiệp đạo nói:

Không tà-dục và giữ tịnh hạnh sẽ được bốn điều lợi:

- a) Sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) đều được vẹn toàn
- b) Đoạn trừ hết những sự phiền-não, quấy nhiễu
- c) Không ai dám xâm-phạm vợ chồng con cái
- d) Được tiếng tốt, người đời khen ngợi.

4.- Không nói dối

Không nói dối là nghĩ thế nào nói thế ấy, trong lòng và lời nói không trái nhau, việc phải thì nói phải, việc quấy thì nói quấy, việc có thì nói có, chuyện không thì nói không.

Có người cho rằng nói dối để lừa phỉnh chơi, thì không hại gì. Thật ra, sự nói dối ấy vẫn có hại, vì nó làm cho ta quen với thói xấu ấy, và

làm cho người chung quanh không tin ở lời nói của ta nữa, dù đôi khi ta nói thật.

Nói dối vì sợ-hãi, khiếp-nhuợc, lại càng nên tránh, vì nó làm cho ta quen tánh che giấu tội-lỗi, và không chịu sửa chữa.

Nói dối để thu lợi hay khoe-khoang, lại càng nặng tội. Nhà buôn nói dối rất dễ ể hàng ; và nhất là kẻ học Đạo, nếu nói dối rằng mình đã chứng quả Thánh, hay đắc đạo để cho người kính phục, sùng bái mình, thì sẽ mắc tội đại vọng-ngữ, bị đọa vào ba đường ác.

Nói dối, chỉ trong trường hợp để cứu khổ độ nguy cho người và vật mới không phạm tội.

Theo kinh Thập - Thiện - Nghiệp đạo, người không nói dối mà lại nói lời ngay thật, thì được những điều lợi-ích như sau:

- a) Miệng thường thơm sạch
- b) Thế-gian và nhân, thiên đều kính yêu
- c) Lời nói không lầm lộn và vui-vẻ
- d) Trí-tuệ thù-thắng, không ai hơn
- d) Được hưởng lạc thú như ý nguyện và ba nghiệp đều trong sạch.

5.- Không nói thêu dệt

Không nói thêu dệt, nghĩa là không trau chuốt lời nói, không thêu hoa, dệt gấm, không ngọt ngào đường mật, để lung lạc lòng dạ của người,

đề quyền rũ làm những điều sai quấy. Những kẻ nói lời thêu dệt là những kẻ có lòng dạ bất chính, lợi dụng lòng dễ tin của người dễ trực lợi. Những người này thường bị người đời chê cười, khinh rẻ và tránh xa, để khỏi bị tổn-hại tài-sản, danh-giá và tánh mạng nữa.

Theo kinh Thập - Thiện - Nghiệp đạo, người không nói lời thêu dệt sẽ được ba điều lợi-ích :

- a) Được người trí-thức yêu mến.
- b) Hay đáp được những câu hỏi khó khăn.
- c) Được làm người có uy-dức, cao quý trong cõi nhân thiên.

6.- Không nói lưỡi hai chiều

Không nói lưỡi hai chiều, hay nói hai lưỡi, nghĩa là không đến bên này nói xấu bên kia, không đến bên kia nói xấu bên này ; không đem chuyện người này ra đem pha, mà cũng không khêu chuyện người nọ ra nhạo báng ; không làm cho đôi bên sân hận đấu tranh, cũng không đứng trung-gian gây ác cảm cho hai đảng thù oán. Tóm lại, người không nói hai lưỡi là người không có ác tâm, không dùng lời trái ngược để làm cho những kẻ thân thành thù, gần thành xa.

Người không nói hai lưỡi, không khi nào có chuyện lôi thôi với bà con, và cũng không có việc phiền muộn với hàng xóm, nên được thân bằng quyến - thuộc, kẻ xa người gần kính mến.

Người không nói hai lưỡi mà còn nói những lời êm-ái hòa-thuận, làm cho bạn bè thêm kính trọng nhau, bà con thêm tin yêu nhau, khiến cho ai ai cũng vui vẻ bằng lòng nhau. Những người ấy đi đến đâu cũng được tiếp đãi tử-tế, gặp việc gì khó cũng dàn xếp được dễ dàng.

Theo kinh Thập - thiện - nghiệp đạo, người không nói hai lưỡi, sẽ được những điều lợi sau đây :

- a) Bà con, dòng họ được luôn luôn sum họp
- b) Tình bằng hữu của thiện-tri-thức được vững bền bất hoại
- c) Đức tin bất hoại
- d) Pháp hạnh bất hoại.

7.- Không nói lời hung ác

Không nói hung ác là không nói những lời hung dữ ác-độc, cộc-cằn, thô tục làm cho người nghe khó chịu; không mắng nhiếc làm cho người nghe hổ thẹn, tủi đau v.v...

Người không nói lời hung ác, chẳng hề bươi móc việc không hay của ai, mà trái lại, ưa bày những điều tốt đẹp của kẻ khác. Lời lẽ của họ thốt ra dịu-dàng, thanh-nhã, hiền hậu, toàn là lời đạo-đức, từ-bi, lợi - lạc cho tất cả chúng-sinh, ai nghe cũng hân-hoan, kính trọng.

Theo kinh Thập - Thiện - Nghiệp đạo, người

không nói lời hung ác mà lại nói lời ôn-hòa, được những công-đức như sau:

- a) Nói lời nào cũng khôn khéo đúng lý và lợi-ích
- b) Nói điều gì, ai cũng nghe theo và tin cậy
- c) Nói ra lời nào cũng không ai chỉ-trích mà còn được mến yêu.

8.- Không tham muốn

Ở đời, có 5 món dục-lạc, mà người ta thường tham muốn nhất là : tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Ngũ trần dục-lạc ấy, thật ra, vui ít mà khổ nhiều. Như tham tiền của phải dày đọa thân sống, đôi khi còn dùng những phương-tiện bất chính, để thâu tóm về mình, và khi mất thì lại vô cùng đau khổ. Tham sắc thì tổn tiền nhiều, lại mất sức khỏe và hao tổn tinh-thần ; nhiều khi lại tìm những mưu chước tội-tệ để thỏa lòng ước muốn ; nếu không được, lại đâm ra ghen tương, thù hận, giết chóc. Tham danh vọng, quyền tước thì phải vào lòn ra cúi, lao tâm khổ trí, mất ăn bỏ ngủ, đôi khi lại còn làm trò cười cho người chung quanh. Tham ăn uống cao-lương mỹ-vị, thì bị nhiều bệnh khó trị, thân thể mệt nhọc, mạng sống không thọ. Tham ngủ nghỉ, ngủ sớm dậy trưa, thì trí-não hóa dần dần, tối tăm.

Ngũ - dục lạc chính là những nguyên-nhân

chính ràng buộc kiếp người vào vòng sanh-tử, luân-hồi, sa-đọa.

Người không tham muốn những thứ ấy, là người biết tu hành Thiểu-Dục và Tri-Túc. Thiểu-Dục là muốn ít ;Tri-Túc là biết đủ. Người Thiểu-Dục, Tri-Túc thì có một đời sống giản-dị, thanh-cao và an-nhàn.

Xã hội nếu chỉ gồm những hạng người ấy, thì những thảm trạng : kẻ mạnh hiếp người yếu, kẻ giàu đàn áp người nghèo, người nghèo oán hận kẻ giàu, không còn tiếp diễn, và cõi đời cũng được sống trong cảnh thanh-bình an-lạc.

Theo kinh Thập - Thiện - Nghiệp đạo, người không tham muốn thì được thành tựu những điều tốt đẹp sau đây :

- a) Ba nghiệp (thân, khẩu, ý) được tự-tại, vì nhân các căn đều đầy đủ
- b) Cửa cải không mất mát, hay bị cướp giật
- c) Phúc-đức tự-tại
- d) Những sự tốt đẹp sẽ đến với mình, mặc dù mình không mong ước.

9.- Không giận hờn

Không giận hờn là vẫn giữ sự bình tĩnh, điềm-đạm, nhu-hòa trước những cảnh trái-ý nghịch lòng.

Giận hờn là một tánh xấu rất tai hại, nó như

một ngọn lửa dữ, đốt cháy cả mình lẫn người chung quanh. Kinh Phật có câu :

"Một niệm giận hờn nổi lên, thì trăm nghìn cửa nghiệp chướng đều mở. Lửa tức giận một phen phát ra, liền đốt tất cả rừng công-đức".

Không-giáo cũng có nói :

"Dằn tâm giận xuống một lúc thì khỏi lo sợ cả trăm ngày. Nên chi việc đáng nhịn thì nhịn, chuyện đáng răn thì răn. Nếu chẳng nhịn chẳng răn, thì việc nhỏ hóa ra to. Bao nhiêu điều phiền não, đều do chẳng nhịn mà ra".

Theo kinh Thập - Thiện - Nghiệp đạo, người nào không giận tức, thì được tám món tâm pháp, vui mừng như sau :

- a) Không tâm khổ não
- b) Không tâm giận hờn
- c) Không tâm tranh giành
- d) Tâm nhu-hòa ngay thẳng
- đ) Tâm từ-bi như Phật
- e) Thường làm lợi-ích yên-ổn cho các chúng-sanh
- ê) Thân tướng trang-nghiêm, chúng-sinh đều tôn kính.
- g) Có đức nhẫn-nhục, được mau sanh lên cõi Phạm-Thiên.

10.- Không si-mê.

Không si-mê là biết phán-đoán rành rẽ, nhận-định rõ ràng, đúng đắn, không cố chấp theo sự hiểu biết riêng của mình, không tin những thuyết không hợp chơn-lý, nhất là không mê-tín dị-đoan.

Người không si-mê, tức là người có trí-huệ, giản trạch, tin có nhân-quả luân-hồi, nên không tạo tội mà cứ làm phước, thường tu hạnh Bát-nhã, dứt trừ vô-minh, để tiến mãi trên con đường giải-thoát.

Theo kinh Thập - Thiện - Nghiệp đạo, người không si-mê, thì thành-tựu được 10 pháp công-đức sau đây :

- a) Được ý vui chơn thiện và bạn chơn thiện
- b) Tin sâu nhân-quả, thà bỏ thân mạng chớ không làm ác
- c) Chỉ quy-y Phật, chứ không quy-y thiên thần và ngoại đạo
- d) Tâm được ngay thẳng, chánh-kiến
- đ) Sinh lên cõi trời, khỏi bị đọa vào ba đường ác
- e) Phúc huệ không lường, thường tăng lên mãi
- ê) Dứt hẳn đường tà, chăm tu đạo chánh
- g) Không lòng chấp ngã, bỏ hết ác nghiệp

- h) Yên ở vào nơi chánh-kiên
- i) Khởi bị nạn dữ.

C.- KẾT LUẬN :

Muời nghiệp lành, cũng như muời nghiệp dữ, đều do thân, khẩu, ý phát khởi ra. Nghiệp dữ ví như cỏ, nghiệp lành ví như lúa, đều mọc chung trên một đám ruộng. Cỏ thường làm chướng ngại lúa, không cho sanh trưởng tốt tươi. Nếu muốn lúa tốt để mãn mùa thu hoạch được nhiều, thì phải nhổ sạch cỏ. Cũng thế, muốn được nghiệp lành, thì cần phải dứt hẳn muời nghiệp dữ.

... Tóm lại, tu Thập-Thiện-Nghiệp thì trong đời hiện-tại, thân tâm ta được cải thiện đẹp đẽ, hoàn-cảnh ta sống được sáng sủa tươi vui ; và trong tương - lai ta tránh khỏi đọa lạc chốn tam-đô, lại được hưởng phước báo cõi Nhân, Thiên và Niết-bàn.

Vậy ước mong tất cả mọi người, nên tu Thập-Thiện-Nghiệp để tạo hạnh-phúc cho mình và cho tất cả chúng-sanh. Có như thế mới là bực trí-huệ, biết làm theo lẽ phải. Vì một phen được thân người mà không tu để tiến-hóa lên, thì khi mất nhân thân rồi, muôn kiếp khó trở lại được.

NAM-MÔ BỒN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

HOÀNG-PHÁP

MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM

1. Nghĩ đến thân thể đừng cầu không bệnh khổ, vì không bệnh khổ thì dục vọng dễ sanh.
2. Ở đời đừng cầu không hoạn nạn, vì không hoạn nạn thì kiêu xa nổi dậy.
3. Cứu xét tâm tánh thì đừng cầu không khúc mắc, vì không khúc mắc thì sở học không thấu đáo.
4. Xây dựng đạo hạnh thì đừng cầu không bị ma chướng, vì không bị ma chướng thì chí nguyện không kiên cường.
5. Việc làm đừng mong dễ thành, vì việc dễ thành thì lòng khinh thường kiêu ngạo.
6. Giao tiếp đừng cầu lợi mình, vì lợi mình thì mất đạo nghĩa.
7. Với người thì đừng mong tất cả đều thuận theo ý mình, vì được thuận theo ý mình thì lòng tất kiêu căng.
8. Thi ân thì đừng cầu đến đáp, vì cầu đến đáp là thi ân có ý mưu đồ.
9. Thấy lợi đừng nhúng vào, vì nhúng vào thì si mê phải động.
10. Oan ức không cần biện bạch, vì biện bạch là nhân quả chưa xả.

BỜI VẬY ĐỨC PHẬT DẠY :

Lấy bệnh khổ làm thuốc thần

Lấy hoạn nạn làm giải thoát

Lấy khúc mắc làm thú vị
Lấy ma quân làm bạn đạo
Lấy khó khăn làm thích thú
Lấy kẻ tệ bạc làm người giúp đỡ
Lấy người chống đối làm nơi giao du
Coi thi ân như đối dèp bỏ
Lấy sự xả lợi làm vinh hoa
Lấy oan ức làm cửa ngõ đạo hạnh

LUẬN BẢO VƯƠNG TAM MUỘI



HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM – CƠ SỞ I – HÀ NỘI

Chùa Quán Sứ – 73 Phố Quán Sứ – Q. Hoàn Kiếm

Hà Nội – Việt Nam

TeleFax : 84.4.8223345

KINH AN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

“Wherever the Buddha’s teachings have flourished,
either in cities or countrysides,
people would gain inconceivable benefits.
The land and people would be enveloped in peace.
The sun and moon will shine clear and bright.
Wind and rain would appear accordingly,
and there will be no disasters.
Nations would be prosperous
and there would be no use for soldiers or weapons.
People would abide by morality and accord with laws.
They would be courteous and humble,
and everyone would be content without injustices.
There would be no thefts or violence.
The strong would not dominate the weak
and everyone would get their fair share.”

※ THE BUDDHA SPEAKS OF
THE INFINITE LIFE SUTRA OF
ADORNMENT, PURITY, EQUALITY
AND ENLIGHTENMENT OF
THE MAHAYANA SCHOOL ※

Taking Refuge with Bodhichitta

I go for refuge, until I am enlightened,
to the Buddha, the Dharma and the Sangha.
Through the merit I create by practicing giving and the other
perfections,
may I quickly attain the state of Buddhahood for the benefit of
all sentient beings.

The Prayers of the Bodhisattva

With the wish to free all beings,
I will always go for refuge
to the Buddha, Dharma and Sangha
till I reach full enlightenment.
Enthused by the compassion and wisdom,
Today, in Buddha's presence,
I generate the Mind of Enlightenment,
for the sake of all sentient beings.
For as long as space remains,
and as long as sentient being remain,
until then, may I too remain
to dispel the sufferings of all beings.

G R E A T V O W

**BODHISATTVA EARTH-TREASURY
(BODHISATTVA KSITIGARBHA)**

**“ Unless Hells become empty,
I vow not to attain Buddhahood;
Till all have achieved the Ultimate Liberation,
I shall then consider my Enlightenment full !”**

**Bodhisattva Earth-Treasury is
entrusted as the Caretaker of the World until
Buddha Maitreya reincarnates on Earth
in 5.7 billion years.**

Reciting the Holy Name:

NAMO BODHISATTVA EARTH-TREASURY

Karma-erasing Mantra:

OM BA LA MO LING TO NING SVAHA

With bad advisors forever left behind,
From paths of evil he departs for eternity,
Soon to see the Buddha of Limitless Light
And perfect Samantabhadra's Supreme Vows.

The supreme and endless blessings
of Samantabhadra's deeds,
I now universally transfer.
May every living being, drowning and adrift,
Soon return to the Pure Land of Limitless Light!

*** The Vows of Samantabhadra ***

I vow that when my life approaches its end,
All obstructions will be swept away;
I will see Amitabha Buddha,
And be born in His Western Pure Land of
Ultimate Bliss and Peace.

When reborn in the Western Pure Land,
I will perfect and completely fulfill
Without exception these Great Vows,
To delight and benefit all beings.

*** The Vows of Samantabhadra Avatamsaka Sutra ***

DEDICATION OF MERIT

May the merit and virtue
accrued from this work
adorn Amitabha Buddha's Pure Land,
repay the four great kindnesses above,
and relieve the suffering of
those on the three paths below.

May those who see or hear of these efforts
generate Bodhi-mind,
spend their lives devoted to the Buddha Dharma,
and finally be reborn together in
the Land of Ultimate Bliss.
Homage to Amita Buddha!

NAMO AMITABHA

南無阿彌陀佛

【越南文：在家佛弟子的責任】

財團法人佛陀教育基金會 印贈
台北市杭州南路一段五十五號十一樓

Printed and donated for free distribution by

The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation
11F., 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.
Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415

Email: overseas@budaedu.org

Website: <http://www.budaedu.org>

This book is strictly for free distribution, it is not for sale.

KINH ẤN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

Printed in Taiwan

4,500 copies; May 2010

VI010-8555

